

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

LUẬT HỢP TÁC XÃ 2023

LAW ON COOPERATIVES 2023



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



LUẬT HỢP TÁC XÃ 2023

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
HÀ NỘI, THÁNG 03-2024

LỜI GIỚI THIỆU

Luật Hợp tác xã năm 2023 được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2023 tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV gồm 12 Chương, với 115 Điều, gồm những quy định chung; chính sách của nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ chức quản trị hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Luật Hợp tác xã có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phối hợp với Tổ chức Lao động quốc tế tại Việt Nam và NXB Hồng Đức phát hành cuốn sách “Luật Hợp tác xã năm 2023” song ngữ tiếng Việt - tiếng Anh nhằm tuyên truyền, phổ biến, hỗ trợ tích cực cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, từng bước trở thành lực lượng phát triển rộng khắp và có vị trí quan trọng trong nền kinh tế của đất nước.

Nhân dịp này, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam xin chân thành cảm ơn Văn phòng Tổ chức Lao động quốc tế tại Việt Nam đã luôn quan tâm, phối hợp và hỗ trợ để hoàn thiện cuốn sách này.

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 17/2023/QH15

LUẬT
HỢP TÁC XÃ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Hợp tác xã.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 3. Áp dụng Luật Hợp tác xã và luật khác

Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì áp dụng theo quy định của luật đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Giao dịch nội bộ* là việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ bao gồm cả dịch vụ tạo việc làm và hoạt động cho vay nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho thành viên chính thức theo thỏa thuận bằng văn bản.
- Giao dịch bên ngoài* là giao dịch của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không thuộc giao dịch nội bộ.
- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã* là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi thông tin về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. *Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác* là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi thông tin về đăng ký tổ hợp tác do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp.

5. *Góp sức lao động* là việc thành viên trực tiếp tham gia quản lý, lao động theo thỏa thuận tại tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

6. *Góp vốn* là việc thành viên góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ khi thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc để bổ sung vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được thành lập hoặc để tạo thành tài sản chung của các thành viên tổ hợp tác.

7. *Hợp tác xã* là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

8. *Liên hiệp hợp tác xã* là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 03 hợp tác xã là thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực tham gia thị trường, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

9. *Mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên* là tỷ lệ giá trị sản phẩm, dịch vụ mà từng thành viên sử dụng trên tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cung ứng cho tất cả thành viên.

10. *Mức độ góp sức lao động của thành viên* được đo bằng tỷ lệ tiền lương, tiền công hoặc thù lao của từng thành viên trên tổng tiền lương, tiền công và thù lao của tất cả thành viên.

11. *Người có quan hệ gia đình* bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

12. *Phần vốn góp* là giá trị tài sản góp vốn mà một thành viên đã góp hoặc cam kết góp vào vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc giá trị tài sản mà thành viên đã góp hoặc cam kết góp vào tổ hợp tác theo quy định tại hợp đồng hợp tác.

13. *Quỹ chung không chia* là quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không chia cho thành viên trong quá trình hoạt động.

14. *Tài sản chung không chia* là tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không chia cho thành viên trong quá trình hoạt động.

15. *Tài sản chung được chia* là tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được chia cho thành viên.

16. *Thành viên* bao gồm thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn và

thành viên liên kết không góp vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc thành viên của tổ hợp tác.

17. *Thành viên chính thức* bao gồm:

a) Thành viên góp vốn và sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Thành viên góp vốn và góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Thành viên góp vốn, sử dụng sản phẩm, dịch vụ và góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

18. *Thành viên liên kết góp vốn* là thành viên chỉ góp vốn, không sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và không góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

19. *Thành viên liên kết không góp vốn* bao gồm:

a) Thành viên không góp vốn, chỉ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Thành viên không góp vốn, chỉ góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Thành viên không góp vốn, chỉ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

20. *Tổ chức lại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã* là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

21. *Tổ hợp tác* là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác do ít nhất 02 thành viên tự nguyện thành lập, cùng góp vốn, góp sức lao động để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

22. *Tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ* là tỷ lệ doanh thu của giao dịch nội bộ so với tổng doanh thu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tỷ lệ chi phí của giao dịch nội bộ so với tổng chi phí của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong một năm tài chính.

23. *Tỷ lệ phần vốn góp* là tỷ lệ giữa phần vốn góp của một thành viên và vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tỷ lệ giữa phần vốn góp của một thành viên tổ hợp tác và tổng giá trị phần vốn góp của các thành viên tổ hợp tác.

24. *Vốn điều lệ* là tổng giá trị tài sản do thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập hoặc trong quá trình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

25. *Vốn góp tối thiểu* là mức vốn góp thấp nhất mà cá nhân, tổ chức phải góp vào vốn điều lệ để trở thành thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

26. *Vốn góp tối đa* là mức vốn góp cao nhất mà cá nhân, tổ chức được góp vào vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Điều 5. Bảo đảm của Nhà nước đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên

1. Công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn, thu nhập, quyền và lợi ích hợp pháp khác của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên. Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng tài sản của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

2. Bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng giữa tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với các loại hình doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.

3. Bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức, hoạt động, sản xuất, kinh doanh và không can thiệp vào hoạt động hợp pháp của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 6. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức.

2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để thành viên, người lao động thành lập và tham gia các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước:

a) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp không đủ điều kiện; từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đủ điều kiện theo quy định của Luật này;

b) Cản trở việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ hợp pháp của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên theo quy định của Luật này;

c) Hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

d) Lợi dụng quyền hạn để làm trái với các quy định của pháp luật về hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

đ) Gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức, cá nhân có liên quan trong đăng ký, hoạt động và thực hiện hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

e) Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin sai lệch, không trung thực liên quan đến hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

a) Hoạt động không có giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của Luật này; hoạt động khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

b) Kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Thực hiện không đúng các nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động theo quy định của Luật này;

d) Cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực, làm giả giấy tờ để trục lợi;

đ) Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết.

3. Đối với thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì lợi ích cá nhân hoặc của một nhóm thành viên;

b) Cung cấp thông tin không trung thực cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 8. Nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Tự nguyện tham gia và mở rộng kết nạp thành viên.

Cá nhân, tổ chức tự nguyện thành lập, gia nhập, ra khỏi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã coi trọng lợi ích của thành viên, mở rộng kết nạp thành viên; không phân biệt giới tính, địa vị xã hội, dân tộc hoặc tôn giáo đối với mọi cá nhân tham gia.

2. Dân chủ, bình đẳng trong tổ chức, quản lý.

Thành viên tổ hợp tác có quyền dân chủ trong việc quyết định tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác. Thành viên chính thức của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia vào công việc tổ chức, quản lý và hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã một cách dân chủ, bình đẳng, không phụ thuộc vào phần vốn góp.

3. Trách nhiệm tham gia hoạt động kinh tế của thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Thành viên chính thức góp vốn khi gia nhập và được cùng kiểm soát vốn, quỹ và tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; được phân phối thu nhập chủ yếu theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc mức độ đóng góp sức lao động.

4. Tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước Hiến pháp và pháp luật.

5. Chú trọng giáo dục, đào tạo và thông tin.

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chú trọng tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể cho thành viên, người dân, tầng lớp thanh niên; thường xuyên giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, tay nghề kỹ thuật cho thành viên, người lao động; cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho các thành viên.

6. Tăng cường hợp tác, liên kết.

Các thành viên hợp tác, liên kết, tương trợ lẫn nhau, hướng đến làm giàu cho

thành viên và tập thể. Khuyến khích các tổ hợp tác tham gia thành lập hợp tác xã; các hợp tác xã cùng hợp tác để thành lập liên hiệp hợp tác xã nhằm nâng cao năng lực tham gia chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ. Khuyến khích tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng hợp tác hình thành và tham gia tổ chức đại diện, hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam để phát triển phong trào hợp tác xã trong nước và quốc tế. Tăng cường liên kết giữa tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với các tổ chức khác, đặc biệt là liên kết với doanh nghiệp nhà nước trong hỗ trợ liên kết, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm, dịch vụ, tạo điều kiện cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả.

7. Quan tâm phát triển cộng đồng.

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên quan tâm chăm lo, xây dựng cộng đồng thành viên đoàn kết, tương trợ lẫn nhau và tham gia phát triển cộng đồng dân cư tại địa phương, vùng, quốc gia, quốc tế.

Điều 9. Quyền của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

2. Quyết định việc tổ chức, quản lý và hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thuê và sử dụng lao động.

3. Được kinh doanh, sản xuất trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

4. Yêu cầu thành viên đăng ký nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ cho thành viên.

5. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra bên ngoài sau khi hoàn thành nghĩa vụ và bảo đảm lợi ích của thành viên theo quy định của Điều lệ hoặc pháp luật có liên quan.

6. Cung cấp dịch vụ, tổ chức hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa vì mục tiêu chăm lo đời sống của thành viên, cộng đồng và phát triển bền vững.

7. Tham gia thực hiện chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư.

8. Kết nạp mới, chấm dứt tư cách thành viên theo quy định của pháp luật về hợp tác xã.

9. Tăng, giảm vốn điều lệ trong quá trình hoạt động.

10. Huy động vốn theo quy định của pháp luật.

11. Cho vay nội bộ theo quy định của Luật này.

12. Theo dõi riêng các khoản doanh thu, chi phí của giao dịch nội bộ và giao dịch bên ngoài.

13. Liên danh, liên kết, hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để thực hiện mục tiêu hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

14. Góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp nhằm mục tiêu hỗ trợ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

15. Thực hiện việc phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, khoản nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

16. Tham gia tổ chức đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

17. Khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật; giải quyết tranh chấp nội bộ và xử lý thành viên vi phạm theo quy định của Điều lệ.

18. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 10. Nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Kết nạp thành viên khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của Luật này, Điều lệ và pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên theo quy định của Luật này và Điều lệ.

3. Thực hiện thỏa thuận giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với thành viên, đáp ứng tối đa nhu cầu của thành viên đã đăng ký trước khi phục vụ khách hàng không phải là thành viên.

4. Thực hiện quy định của pháp luật về tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, thống kê và pháp luật có liên quan.

5. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

6. Quản lý, sử dụng đất và tài nguyên theo quy định của pháp luật.

7. Ký kết và thực hiện hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội và các chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.

8. Giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng cho thành viên và người lao động.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này.

10. Thực hiện công bố thông tin cho thành viên theo quy định tại Điều 14 của Luật này và công bố thông tin theo quy định của pháp luật có liên quan.

11. Bồi thường thiệt hại do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gây ra cho thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

12. Lập, cập nhật và lưu trữ sổ đăng ký thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn.

13. Thực hiện chế độ báo cáo, cập nhật thông tin về tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

14. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 11. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là cá nhân đại diện cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đại diện cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

xã với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật, số lượng, chức danh, quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật; phân chia quyền, nghĩa vụ người đại diện theo pháp luật trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của Điều lệ.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ còn một người đại diện theo pháp luật mà người này trong vòng 30 ngày không thực hiện hoặc không thực hiện được quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật và không ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nêu trên, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải tổ chức Đại hội thành viên bầu người đại diện theo pháp luật.

4. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Chế độ lưu trữ tài liệu

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải lưu trữ theo quy định của pháp luật tài liệu sau:

a) Điều lệ và các quy chế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; sổ đăng ký thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

b) Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm hàng hóa; giấy phép kinh doanh ngành, nghề có điều kiện và giấy tờ khác có liên quan;

c) Tài liệu, giấy xác nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn; biên bản, nghị quyết của hội nghị thành lập, Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị; các quyết định của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

đ) Báo cáo tài chính, sổ kế toán, chứng từ kế toán và tài liệu kế toán khác;

e) Kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, báo cáo kiểm toán (nếu có);

g) Tài liệu khác theo quy định của Điều lệ.

2. Tổ hợp tác phải lưu trữ theo quy định của pháp luật các tài liệu sau:

a) Hợp đồng hợp tác;

b) Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (nếu có);

c) Sổ ghi chép về việc đóng góp của thành viên tổ hợp tác;

d) Tài liệu khác theo quy định của hợp đồng hợp tác.

Điều 13. Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã

1. Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã bao gồm: Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã; cơ sở dữ liệu về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; cơ sở dữ liệu liên quan và hạ tầng kỹ thuật hệ thống.

2. Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã được xây dựng thống nhất từ Trung ương đến địa phương; được chuẩn hóa để cập nhật, khai thác và quản lý bằng công nghệ thông tin.

3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

Điều 14. Công bố thông tin cho thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Thông tin công bố cho thành viên bao gồm:

- a) Điều lệ và quy chế nội bộ;
- b) Nghị quyết của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, quyết định của Giám đốc (Tổng giám đốc);
- c) Danh sách và tỷ lệ phần vốn góp của thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;
- d) Báo cáo tài chính hàng năm;
- đ) Thông tin quản lý, sử dụng quỹ chung không chia và tài sản chung không chia;
- e) Thông tin về giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động;
- g) Thông tin khác phải công khai theo quy định của Điều lệ.

2. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được niêm yết công khai tại trụ sở của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản và được cung cấp cho thành viên khi có yêu cầu. Thời gian niêm yết thông tin ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Điều 15. Sổ đăng ký thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Sổ đăng ký thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức;
- c) Phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;
- d) Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quyết định về việc lập sổ đăng ký thành viên liên kết không góp vốn.

Điều 16. Phân loại hợp tác xã

1. Hợp tác xã được phân loại siêu nhỏ, nhỏ, vừa, lớn theo tiêu chí số lượng thành viên chính thức và một trong hai tiêu chí sau:

a) Doanh thu;

b) Tổng nguồn vốn.

2. Hợp tác xã siêu nhỏ, nhỏ, vừa, lớn được xác định theo lĩnh vực hoạt động.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương II

**CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN TỔ HỢP TÁC,
HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**

Điều 17. Nguyên tắc thực hiện chính sách

1. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

2. Triển khai đồng bộ với Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước ở từng thời kỳ.

3. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức khác nhau trong cùng một nội dung chính sách, cùng thời điểm theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 18. Tiêu chí thụ hưởng chính sách

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được xem xét thụ hưởng chính sách khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này; không trong thời gian chấp hành bản án hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

b) Phát triển thành viên hoặc tăng tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ hoặc phát triển quỹ chung không chia, tài sản chung không chia hoặc thực hiện giáo dục, đào tạo, tập huấn, phổ biến, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động hoặc mới thành lập tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

c) Có báo cáo kiểm toán trong trường hợp nội dung chính sách có yêu cầu.

2. Tổ hợp tác được xem xét thụ hưởng chính sách khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;

b) Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này;

c) Phát triển thành viên hoặc thực hiện giáo dục, đào tạo, tập huấn, phổ biến, bồi

dưỡng cho thành viên, người lao động hoặc mới thành lập tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, nhiều tổ hợp tác cùng đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này thì ưu tiên lựa chọn tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo các tiêu chí sau đây: Số lượng thành viên nhiều hơn; số lượng thành viên là người khuyết tật nhiều hơn; số lượng thành viên là đồng bào dân tộc thiểu số nhiều hơn; số lượng thành viên, người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện nhiều hơn; có phụ nữ làm quản lý, có nhiều thành viên là nữ hoặc sử dụng nhiều lao động nữ hơn; hoạt động tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; tham gia liên kết hình thành chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi số vì mục tiêu phát triển bền vững; tổ chức hoặc tham gia các hoạt động lợi ích cộng đồng dân cư.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Nguồn vốn thực hiện chính sách

1. Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn vốn tín dụng ưu đãi theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn huy động, tài trợ hợp pháp từ cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài.

Điều 20. Chính sách phát triển nguồn nhân lực, thông tin, tư vấn

1. Xây dựng, triển khai nội dung đào tạo về kinh tế tập thể vào chương trình của một số cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo lý luận chính trị, chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước.

2. Xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho thành viên, người lao động làm việc trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức đại diện và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Hỗ trợ lương, thưởng và phúc lợi để thu hút người lao động có chất lượng cao làm việc tại tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Xây dựng, triển khai các chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, kiến thức quản trị và sản xuất, kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

5. Hỗ trợ thông tin, tư vấn về pháp lý, tiếp cận các nguồn vốn và vấn đề khác trong quá trình thành lập, hoạt động, tổ chức lại, giải thể, phá sản đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã.

6. Xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

7. Nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả.

8. Hợp tác quốc tế trong đào tạo chính quy về kinh tế tập thể.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Chính sách đất đai

1. Trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chính quyền địa phương ưu tiên bố trí quỹ đất cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê; ưu đãi hợp lý về giá và thời gian cho thuê đất đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chưa được hỗ trợ thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê đất, đất có mặt nước của Nhà nước để sản xuất, kinh doanh thì được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước; trường hợp thuê, thuê lại đất, đất có mặt nước của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để sản xuất, kinh doanh thì được Nhà nước hỗ trợ tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Nhà nước tạo điều kiện để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sử dụng đất ổn định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 22. Chính sách thuế, phí và lệ phí

1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng mức ưu đãi thuế, ưu đãi phí và lệ phí cao nhất trong cùng lĩnh vực, ngành, nghề và địa bàn theo pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

2. Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác, không thu phí công bố nội dung đăng ký trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với:

a) Thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Thu nhập của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia liên kết với cá nhân, tổ chức khác hình thành chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức vì mục tiêu phát triển bền vững;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập hình thành quỹ chung không chia, phần thu nhập hình thành tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Miễn, giảm lệ phí môn bài đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

6. Miễn lệ phí trước bạ đối với cá nhân, tổ chức khi chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 23. Chính sách tiếp cận vốn, bảo hiểm

1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thụ hưởng chính sách tiếp cận vốn như sau:

- a) Vay vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật;
- b) Hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định của Chính phủ;
- c) Ưu tiên tiếp cận nguồn vốn từ các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và các định chế tài chính theo quy định của pháp luật vì mục tiêu phát triển bền vững;
- d) Hỗ trợ tăng cường năng lực tài chính cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- đ) Ưu tiên, hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư của các bộ, ngành, địa phương.

2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ phí bảo hiểm đối với tài sản chung không chia tham gia bảo hiểm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

3. Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được Nhà nước hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Điều 24. Chính sách ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính; đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ.

2. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chuyển đổi số và ứng dụng thương mại điện tử trong sản xuất và lưu thông sản phẩm thông qua xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, cung cấp thiết bị đầu cuối và phần mềm, ứng dụng dùng chung.

3. Hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

4. Hỗ trợ kinh phí cho việc cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở nhu cầu và theo hợp đồng được ký kết với cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 25. Chính sách tiếp cận và nghiên cứu thị trường

1. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cung cấp thông tin về pháp lý, kinh tế; khảo sát và nghiên cứu thị trường; thông tin dự báo, cảnh báo các biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

2. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã liên kết hình thành vùng

nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, áp dụng và chứng nhận các tiêu chuẩn để phát triển thị trường.

3. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; đăng ký, tiếp thị sản phẩm.

4. Hỗ trợ hình thành sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị kinh tế, văn hóa, lợi thế của địa phương.

5. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; xây dựng, triển khai, tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.

6. Ưu tiên, hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến thương mại của các bộ, ngành, địa phương.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 26. Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị

1. Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Chuyển giao một số công trình kết cấu hạ tầng của Nhà nước phục vụ lợi ích chung của cộng đồng cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Chuyển giao một số công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để làm trụ sở, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Hỗ trợ kinh phí đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 27. Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro

1. Hỗ trợ chi phí kiểm toán cho hợp tác xã quy mô siêu nhỏ và nhỏ khi được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định.

2. Hỗ trợ tổ chức đại diện, hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam trong việc thực hiện đánh giá rủi ro, tư vấn tài chính; tư vấn kiểm soát nội bộ, tư vấn kiểm toán nội bộ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp

1. Ngoài các chính sách quy định tại các điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 và 27 của Luật này, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được thụ hưởng các chính sách sau đây:

a) Hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm;

b) Hỗ trợ vốn, giống, khoa học và công nghệ khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chuyển đổi sang sản xuất bền vững, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu;

c) Hỗ trợ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc thuê đất, đất có mặt nước của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp tập trung.

2. Chính phủ quy định chi tiết điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 29. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

1. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoặc tổ chức tài chính, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện các chức năng sau đây:

a) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và bảo lãnh tín dụng đầu tư đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và đối với thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, trừ thành viên là doanh nghiệp;

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn trong nước và ngoài nước, nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

c) Huy động vốn từ cá nhân, tổ chức trong nước theo quy định của pháp luật;

d) Ủy thác, nhận ủy thác cho vay; tư vấn tài chính và đầu tư, đào tạo cho khách hàng vay vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam được thành lập ở Trung ương, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã cấp tỉnh được thành lập ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Chính phủ quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

Chương III

THÀNH VIÊN CỦA HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Mục 1

THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

Điều 30. Điều kiện trở thành thành viên hợp tác xã

1. Thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã bao gồm:

a) Cá nhân là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân thành lập, hoạt động tại Việt Nam. Các thành viên của tổ chức này phải cử một người đại diện theo quy định của Bộ luật Dân sự để thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã;

d) Pháp nhân Việt Nam.

2. Thành viên liên kết không góp vốn của hợp tác xã bao gồm:

a) Cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Cá nhân là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên đến dưới 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; khi tham gia các giao dịch dân sự, lao động thì phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

c) Hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân thành lập, hoạt động tại Việt Nam. Các thành viên của tổ chức này phải cử một người đại diện theo quy định của Bộ luật Dân sự để thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã;

d) Pháp nhân Việt Nam.

3. Cá nhân, tổ chức phải có đơn tự nguyện gia nhập, góp vốn hoặc nộp phí thành viên và đáp ứng điều kiện quy định của Luật này và Điều lệ.

4. Thành viên của hợp tác xã có thể đồng thời là thành viên của nhiều hợp tác xã, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.

5. Cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi tham gia là thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan;

b) Điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về đầu tư.

6. Hợp tác xã có thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

7. Tổng số thành viên chính thức là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài phải chiếm tỷ lệ dưới 35% tổng số thành viên chính thức của hợp tác xã.

Điều 31. Quyền của thành viên hợp tác xã

1. Thành viên chính thức có quyền sau đây:

- a) Được hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ, việc làm;
- b) Được phân phối thu nhập theo quy định của Luật này và Điều lệ;
- c) Được hưởng phúc lợi của hợp tác xã;
- d) Được tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự Đại hội thành viên;
- đ) Được biểu quyết nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên;
- e) Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu;
- g) Kiến nghị, yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên giải trình về hoạt động của hợp tác xã;
- h) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên triệu tập Đại hội thành viên bất thường;
- i) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của hợp tác xã; được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ hoạt động của hợp tác xã;
- k) Ra khỏi hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ;
- l) Được trả lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp theo quy định của Luật này và Điều lệ;
- m) Được nhận phần giá trị tài sản còn lại của hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ;
- n) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật;
- o) Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Thành viên liên kết góp vốn có quyền sau đây:

- a) Các quyền quy định tại các điểm b, c, g, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này;
- b) Tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời.

3. Thành viên liên kết không góp vốn có quyền sau đây:

- a) Các quyền quy định tại các điểm a, c, i, k, n và o khoản 1 Điều này;
- b) Tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời.

Điều 32. Nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã

1. Thành viên chính thức có nghĩa vụ sau đây:

- a) Góp đủ, đúng thời hạn phần vốn góp đã cam kết theo quy định của Điều lệ;
- b) Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã đã đăng ký hoặc góp sức lao động theo thỏa thuận với hợp tác xã;
- c) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của hợp tác xã trong phạm vi phần vốn góp vào hợp tác xã;
- d) Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

đ) Tuân thủ tôn chỉ, mục đích, Điều lệ, quy chế của hợp tác xã, nghị quyết Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn;

e) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Thành viên liên kết góp vốn có nghĩa vụ quy định tại các điểm a, c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

3. Thành viên liên kết không góp vốn có nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp phí thành viên theo quy định của Điều lệ. Phí thành viên không phải là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

b) Nghĩa vụ quy định tại các điểm b, d, đ và e khoản 1 Điều này.

Điều 33. Chấm dứt tư cách thành viên hợp tác xã

1. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên chính thức:

a) Thành viên là cá nhân đã chết; bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

b) Thành viên là tổ chức chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản;

c) Hợp tác xã chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản;

d) Thành viên tự nguyện ra khỏi hợp tác xã;

đ) Thành viên bị khai trừ theo quy định của Điều lệ;

e) Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc không góp sức lao động trong thời gian liên tục theo quy định của Điều lệ;

g) Tại thời điểm cam kết góp đủ vốn, thành viên không thực hiện góp vốn hoặc góp vốn thấp hơn vốn góp tối thiểu quy định trong Điều lệ.

2. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên liên kết góp vốn theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và g khoản 1 Điều này.

3. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên liên kết không góp vốn:

a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này;

b) Không nộp phí thành viên theo quy định của Điều lệ.

4. Thẩm quyền quyết định chấm dứt tư cách thành viên, giải quyết quyền, nghĩa vụ đối với thành viên trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên thực hiện theo quy định của Luật này và Điều lệ.

Mục 2

THÀNH VIÊN LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Điều 34. Điều kiện trở thành thành viên liên hiệp hợp tác xã

1. Thành viên liên hiệp hợp tác xã bao gồm:

a) Thành viên chính thức là hợp tác xã;

b) Thành viên liên kết góp vốn, thành viên liên kết không góp vốn là pháp nhân Việt Nam.

2. Hợp tác xã, pháp nhân Việt Nam phải có đơn tự nguyện gia nhập, góp vốn và đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật này và Điều lệ.

3. Thành viên của liên hiệp hợp tác xã có thể đồng thời là thành viên của nhiều liên hiệp hợp tác xã, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.

4. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi tham gia là thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của liên hiệp hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan;

b) Điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về đầu tư.

5. Liên hiệp hợp tác xã có thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

6. Tổng số thành viên chính thức là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải chiếm tỷ lệ dưới 35% tổng số thành viên chính thức của liên hiệp hợp tác xã.

Điều 35. Quyền của thành viên liên hiệp hợp tác xã

1. Thành viên chính thức có quyền sau đây:

a) Được liên hiệp hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ, việc làm;

b) Được phân phối thu nhập theo quy định của Luật này và Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã;

c) Được hưởng phúc lợi của liên hiệp hợp tác xã;

d) Được tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự Đại hội thành viên;

đ) Được biểu quyết nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên;

e) Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu;

g) Kiến nghị, yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên giải trình về hoạt động của liên hiệp hợp tác xã;

h) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên triệu tập Đại hội thành viên bất thường;

i) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của liên hiệp hợp tác xã; được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ phục vụ hoạt động của liên hiệp hợp tác xã;

k) Ra khỏi liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ;

l) Được trả lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp theo quy định của Luật này và Điều lệ;

m) Được nhận giá trị tài sản còn lại của liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ;

n) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật;

o) Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Thành viên liên kết góp vốn có quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại các điểm b, c, g, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này;

b) Tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời.

3. Thành viên liên kết không góp vốn có quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại các điểm a, c, i, k, n và o khoản 1 Điều này;

b) Tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời.

Điều 36. Nghĩa vụ của thành viên liên hiệp hợp tác xã

1. Thành viên chính thức có nghĩa vụ sau đây:

a) Góp đủ, đúng thời hạn phần vốn góp đã cam kết theo quy định của Điều lệ;

b) Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký hoặc góp sức lao động theo thỏa thuận với liên hiệp hợp tác xã;

c) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của liên hiệp hợp tác xã trong phạm vi phần vốn góp;

d) Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

đ) Tuân thủ tôn chỉ, mục đích, Điều lệ, quy chế của liên hiệp hợp tác xã, nghị quyết Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn;

e) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Thành viên liên kết góp vốn có nghĩa vụ quy định tại các điểm a, c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

3. Thành viên liên kết không góp vốn có nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp phí thành viên theo quy định của Điều lệ. Phí thành viên không phải là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Phí và lệ phí;

b) Nghĩa vụ quy định tại các điểm b, d, đ và e khoản 1 Điều này.

Điều 37. Chấm dứt tư cách thành viên liên hiệp hợp tác xã

1. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên chính thức bao gồm:

a) Thành viên chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản;

b) Liên hiệp hợp tác xã chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản;

c) Thành viên tự nguyện ra khỏi liên hiệp hợp tác xã;

d) Thành viên bị khai trừ theo quy định của Điều lệ;

đ) Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc không góp sức lao động trong thời gian liên tục theo quy định của Điều lệ;

e) Tại thời điểm cam kết góp đủ vốn, thành viên không thực hiện góp vốn hoặc góp vốn thấp hơn vốn góp tối thiểu quy định trong Điều lệ.

2. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên liên kết góp vốn theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều này.

3. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên liên kết không góp vốn bao gồm:

- a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này;
- b) Không nộp phí thành viên theo quy định của Điều lệ.

4. Thẩm quyền quyết định chấm dứt tư cách thành viên, giải quyết quyền, nghĩa vụ đối với thành viên trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên thực hiện theo quy định của Luật này và Điều lệ.

Chương IV

THÀNH LẬP HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Điều 38. Sáng lập viên

1. Sáng lập viên hợp tác xã là cá nhân, tổ chức tự nguyện cam kết tham gia thành lập và là thành viên chính thức của hợp tác xã.

Sáng lập viên liên hiệp hợp tác xã là hợp tác xã tự nguyện cam kết tham gia thành lập và là thành viên chính thức của liên hiệp hợp tác xã.

2. Sáng lập viên vận động, tuyên truyền thành lập; xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, dự thảo Điều lệ; chuẩn bị các điều kiện và triển khai các công việc để tổ chức hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Sáng lập viên có thể liên hệ với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức đại diện nơi thành lập hoặc cơ quan, tổ chức khác để được tư vấn, hỗ trợ việc thành lập.

4. Sáng lập viên là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

Điều 39. Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do sáng lập viên tổ chức có thành phần bao gồm:

- a) Sáng lập viên là cá nhân;
- b) Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của sáng lập viên là tổ chức;
- c) Cá nhân, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khác có nguyện vọng gia nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- d) Đại diện của tổ chức đại diện có thể được mời tham gia hội nghị nhưng không có quyền biểu quyết.

2. Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Thảo luận về dự thảo Điều lệ; danh sách thành viên; phương án sản xuất, kinh doanh; tổ chức quản trị;

b) Thông qua Điều lệ;

c) Thông qua danh sách thành viên là cá nhân, tổ chức tán thành Điều lệ và đủ điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

3. Thành viên chính thức quyết định các nội dung sau đây:

a) Phương án sản xuất, kinh doanh;

b) Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc bầu Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);

c) Bầu thành viên Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc bầu kiểm soát viên đối với tổ chức quản trị rút gọn;

d) Người được ủy quyền đăng ký thành lập và thực hiện các nội dung khác có liên quan đến việc thành lập và tổ chức, hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn định giá, thông qua kết quả định giá tài sản góp vốn của các thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 77 của Luật này.

5. Nghị quyết của hội nghị thành lập bao gồm những nội dung quy định tại khoản 3 Điều này và phải được biểu quyết theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên một phiếu bầu ngang nhau.

Điều 40. Nội dung của Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Nội dung của Điều lệ không được trái với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính; biểu tượng (nếu có);

2. Ngành, nghề kinh doanh;

3. Điều kiện, thủ tục kết nạp thành viên;

4. Các trường hợp chấm dứt và thủ tục chấm dứt tư cách thành viên, trong đó quy định cụ thể về điều kiện chấm dứt tư cách thành viên, bao gồm:

a) Trường hợp khai trừ thành viên;

b) Mức độ thường xuyên sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc thời gian liên tục không góp sức lao động của thành viên chính thức;

c) Giá trị tối thiểu của sản phẩm, dịch vụ mà thành viên chính thức phải sử dụng;

5. Quyền, nghĩa vụ của thành viên;

6. Tổ chức quản trị; thẩm quyền của Đại hội thành viên; nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc, kiểm soát viên đối với tổ chức quản trị rút gọn;

7. Số lượng, chức danh và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật; phân chia quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật;

8. Vốn điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; vốn góp tối thiểu, vốn góp tối đa, hình thức, thời hạn góp vốn; định giá tài sản góp vốn; trả lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

9. Phí thành viên trong trường hợp có thành viên liên kết không góp vốn;

10. Hình thức tổ chức Đại hội thành viên; cách thức biểu quyết tại Đại hội thành viên; cách thức bầu đại biểu tham dự và biểu quyết tại Đại hội thành viên trong trường hợp Đại hội thành viên tổ chức theo hình thức đại hội đại biểu;

11. Tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ tối thiểu;

12. Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, liên danh, liên kết với tổ chức kinh tế;

13. Lập quỹ; tỷ lệ trích lập quỹ; tỷ lệ, phương thức phân phối thu nhập;

14. Quản lý tài chính, sử dụng và xử lý tài sản, vốn, quỹ và khoản lỗ;

15. Nguyên tắc trả thù lao, tiền lương, tiền công, tiền thưởng và chế độ khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, người lao động;

16. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi, thu hồi Giấy chứng nhận phần vốn góp;

17. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

18. Biện pháp xử lý thành viên nợ quá hạn;

19. Xử lý vi phạm Điều lệ và nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ.

Điều 41. Đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của Luật này.

2. Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

a) Bằng bản giấy nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Bằng bản giấy qua dịch vụ bưu chính;

c) Qua hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Chính phủ quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh, trình tự, thủ tục, liên thông trong đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 42. Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trước khi hoạt động, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tại cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký thành lập bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký thành lập;

b) Điều lệ;

c) Nghị quyết hội nghị thành lập;

d) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

đ) Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài;

e) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật này;

g) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia thành lập bởi cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 43. Nội dung giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Giấy đề nghị đăng ký thành lập bao gồm nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

2. Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

3. Ngành, nghề kinh doanh;

4. Vốn điều lệ;

5. Số lượng thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn, trong đó nêu rõ thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

6. Họ, tên, chữ ký, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý đối với người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

7. Thông tin đăng ký thuế.

Điều 44. Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

1. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

a) Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;

- b) Có hồ sơ đăng ký hợp lệ;
- c) Tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này;
- d) Nộp đủ lệ phí đăng ký theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định của Chính phủ. Khi cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã bao gồm nội dung chủ yếu sau đây:

- 1. Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- 2. Địa chỉ trụ sở chính;
- 3. Mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- 4. Vốn điều lệ;
- 5. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 46. Mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- 1. Mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tạo bởi hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh, cấp cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi thành lập.
- 2. Mỗi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có một mã số duy nhất và không được sử dụng lại để cấp cho tổ chức khác.
- 3. Mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được dùng để thực hiện nghĩa vụ về thuế, thủ tục hành chính và quyền, nghĩa vụ khác.

Điều 47. Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi thay đổi một trong các thông tin quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 45 của Luật này hoặc khi thay đổi vốn điều lệ từ 5% vốn điều lệ hoặc từ 01 tỷ đồng trở lên hoặc khi tổ chức lại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc thay đổi được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực, người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo nội dung bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Chính phủ quy định hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Điều 48. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh khi có thay đổi một trong các nội dung sau đây:

a) Đăng ký về ngành, nghề kinh doanh;

b) Thông tin đăng ký thuế;

c) Thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài.

2. Việc thông báo được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực, người đề nghị thay đổi nội dung đăng ký gửi hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký theo nội dung bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của

Trọng tài có hiệu lực; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Chính phủ quy định hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 49. Công bố nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh công bố nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh. Nội dung công bố bao gồm:

- a) Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;
- b) Ngành, nghề kinh doanh.

2. Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Điều 47 của Luật này, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 48 của Luật này, những nội dung thay đổi phải được công bố trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Nội dung đăng ký, nội dung thay đổi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được công bố trong 30 ngày liên tục kể từ ngày hồ sơ được chấp thuận.

Điều 50. Tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh

1. Tên tiếng Việt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Tên của hợp tác xã được bắt đầu bằng cụm từ “Hợp tác xã”. Đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã hoạt động theo mô hình hợp tác xã thì tên bắt đầu bằng cụm từ “Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã”. Tên của liên hiệp hợp tác xã được bắt đầu bằng cụm từ “Liên hiệp hợp tác xã”;

b) Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La- tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

3. Tên viết tắt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.

4. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải bao gồm tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kèm theo cụm từ “Chi nhánh” đối với chi nhánh, cụm từ “Văn phòng đại diện” đối với văn phòng đại diện, cụm từ “Địa điểm kinh doanh” đối với địa điểm kinh doanh.

5. Việc đặt tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được vi phạm quy định sau đây:

a) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký trên phạm vi toàn quốc;

b) Đặt tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

c) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó;

d) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

6. Tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện phải được đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 51. Trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trên lãnh thổ Việt Nam là địa chỉ liên lạc của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được xác định theo địa giới đơn vị hành chính.

Điều 52. Dấu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu được thực hiện theo quy định của Điều lệ hoặc quy chế do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dấu ban hành. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sử dụng dấu trong hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Văn phòng đại diện không thực hiện chức năng kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Địa điểm kinh doanh là nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể.

Điều 54. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lưu trữ trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh và phải nộp phí theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 55. Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; thông báo địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền thành lập một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới đơn vị hành chính ở trong nước theo trình tự sau đây:

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải gửi hồ sơ thông báo tới cơ quan đăng ký kinh doanh nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định địa điểm kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh.

5. Chính phủ quy định hồ sơ đăng ký hoạt động; đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; thông báo địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

TỔ CHỨC QUẢN TRỊ CỦA HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Mục 1

TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ ĐẠI HỘI THÀNH VIÊN

Điều 56. Tổ chức quản trị

1. Tổ chức quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm hai loại:

a) Tổ chức quản trị đầy đủ bao gồm Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc);

b) Tổ chức quản trị rút gọn bao gồm Đại hội thành viên, Giám đốc, kiểm soát viên.

2. Hợp tác xã quy mô nhỏ, vừa, lớn, liên hiệp hợp tác xã từ 10 thành viên trở lên phải tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ.

3. Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ, liên hiệp hợp tác xã dưới 10 thành viên có thể tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ hoặc tổ chức quản trị rút gọn.

4. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang tổ chức theo tổ chức quản trị rút gọn phát triển thành hợp tác xã quy mô nhỏ, vừa, lớn, liên hiệp hợp tác xã từ 10 thành viên trở lên thì Đại hội thành viên gần nhất phải quyết định việc chuyển sang tổ chức quản trị đầy đủ.

Điều 57. Đại hội thành viên

1. Đại hội thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Đại hội thành viên họp thường niên mỗi năm một lần và có thể họp bất thường. Trường hợp tổ chức theo tổ chức quản trị rút gọn, Đại hội thành viên họp định kỳ theo quy định của Điều lệ nhưng ít nhất 03 tháng một lần và có thể họp bất thường.

2. Đại hội thành viên được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể bao gồm các thành viên chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên. Đại hội đại biểu bao gồm các đại biểu đại diện cho các thành viên chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tổng số thành viên chính thức từ 50 thành viên trở lên có thể tổ chức đại hội đại biểu.

Cuộc họp Đại hội thành viên có thể mời thành viên liên kết góp vốn, thành viên liên kết không góp vốn tham dự.

3. Cuộc họp Đại hội thành viên có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến.

4. Cuộc họp Đại hội thành viên phải được ghi biên bản, có thể ghi âm, ghi hình để cung cấp cho các thành viên nếu có yêu cầu. Biên bản họp phải có chữ ký của chủ tọa

và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký thì biên bản họp có hiệu lực nếu được trên 50% thành viên tham dự đồng ý ký; biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký. Người ký tên trong biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của biên bản họp.

Điều 58. Đại biểu tham dự đại hội đại biểu

1. Tiêu chuẩn đại biểu và trình tự, thủ tục bầu đại biểu tham dự đại hội đại biểu do Điều lệ quy định.

2. Số lượng đại biểu tham dự đại hội đại biểu do Điều lệ quy định nhưng phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Không được ít hơn 50% tổng số thành viên chính thức đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tổng số thành viên chính thức từ trên 50 đến 100 thành viên;

b) Không được ít hơn 30% tổng số thành viên chính thức đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tổng số thành viên chính thức từ trên 100 đến 300 thành viên;

c) Không được ít hơn 20% tổng số thành viên chính thức đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tổng số thành viên chính thức từ trên 300 đến 1.000 thành viên;

d) Không được ít hơn 200 đại biểu đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tổng số thành viên chính thức trên 1.000 thành viên.

3. Đại biểu tham dự đại hội đại biểu phải thể hiện được ý kiến, nguyện vọng và có trách nhiệm thông tin về kết quả đại hội cho tất cả thành viên mà mình đại diện.

Điều 59. Triệu tập Đại hội thành viên

1. Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn triệu tập Đại hội thành viên thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Trường hợp tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ, Đại hội thành viên bất thường được triệu tập trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị triệu tập để giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền;

b) Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị của Ban kiểm soát hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên chính thức;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong trường hợp không tổ chức được cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị sau 02 lần triệu tập.

3. Trường hợp tổ chức theo tổ chức quản trị rút gọn, Giám đốc triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong trường hợp sau đây:

a) Giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền;

b) Theo đề nghị của kiểm soát viên hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên chính thức.

4. Việc triệu tập Đại hội thành viên bất thường đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát hoặc

kiểm soát viên hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên chính thức, Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc phải triệu tập Đại hội thành viên bất thường;

b) Trường hợp quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên chính thức mà Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc không triệu tập Đại hội thành viên bất thường hoặc quá 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính mà Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc không triệu tập Đại hội thành viên thường niên thì Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên có quyền triệu tập Đại hội thành viên bất thường;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên có quyền triệu tập mà không triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định tại điểm b khoản này thì thành viên đại diện cho ít nhất một phần ba tổng số thành viên chính thức có quyền triệu tập Đại hội thành viên. Việc cử thành viên đại diện phải được lập thành biên bản và có đầy đủ chữ ký của tất cả thành viên đề nghị triệu tập Đại hội thành viên.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc không triệu tập họp Đại hội thành viên theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều này thì Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Trường hợp Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên không triệu tập họp Đại hội thành viên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

6. Đại hội thành viên do người triệu tập chủ trì, trừ trường hợp Đại hội thành viên quyết định bầu thành viên khác chủ trì.

7. Đại hội thành viên được tiến hành khi có ít nhất 50% tổng số thành viên chính thức hoặc đại biểu được triệu tập tham dự; trường hợp không đủ số lượng thành viên thì phải hoãn họp Đại hội thành viên.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội thành viên lần thứ hai được tiến hành khi có ít nhất 33% tổng số thành viên chính thức hoặc đại biểu được triệu tập tham dự.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội thành viên được tiến hành không phụ thuộc vào số thành viên tham dự.

Điều 60. Chuẩn bị Đại hội thành viên

1. Người triệu tập Đại hội thành viên phải lập danh sách thành viên, đại biểu có quyền dự họp; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và dự thảo nghị quyết; thông

báo triệu tập gửi đến từng thành viên ít nhất 03 ngày trước ngày Đại hội thành viên khai mạc. Nội dung thông báo triệu tập phải xác định rõ thời gian, địa điểm, hình thức và chương trình họp. Thông báo triệu tập được gửi bằng bản giấy, bản điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định.

2. Nội dung chương trình đại hội có thể thay đổi khi có ít nhất một phần ba tổng số thành viên chính thức kiến nghị bằng văn bản điều chỉnh về cùng một nội dung. Nội dung kiến nghị phải được gửi đến người triệu tập họp chậm nhất 02 ngày trước ngày Đại hội thành viên khai mạc nếu Điều lệ không có quy định khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên thành viên chính thức và nội dung kiến nghị.

3. Người triệu tập Đại hội thành viên chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn;
- b) Kiến nghị không phù hợp với nội dung được đề nghị xem xét tại Đại hội thành viên;
- c) Nội dung kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội thành viên;
- d) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ.

4. Trường hợp từ chối kiến nghị, người triệu tập phải báo cáo Đại hội thành viên trước khi quyết định chương trình Đại hội thành viên.

Các kiến nghị được chấp thuận phải được đưa vào chương trình dự kiến. Chương trình Đại hội thành viên phải được Đại hội thành viên biểu quyết thông qua.

Điều 61. Tham dự và biểu quyết trong Đại hội thành viên

1. Thành viên, đại biểu được xác định là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Tham dự và biểu quyết bằng hình thức trực tuyến;
- c) Đã ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

2. Các nội dung sau đây được Đại hội thành viên thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của thành viên, đại biểu tham dự và biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- b) Quyết định việc đầu tư hoặc bán tài sản chung được chia có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; quyết định việc đầu tư hoặc bán tài sản chung không chia;
- c) Thay đổi tổ chức quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- d) Tổ chức lại, giải thể, phá sản hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Các nội dung không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của thành viên, đại biểu tham dự và biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với Đại hội thành viên của hợp tác xã, mỗi thành viên chính thức tham dự đại hội toàn thể có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau, không phụ thuộc vào phần vốn góp hay chức vụ thành viên. Mỗi đại biểu tham dự đại hội đại biểu có số phiếu biểu quyết bằng số lượng thành viên ủy quyền.

5. Đối với Đại hội thành viên của liên hiệp hợp tác xã, mỗi thành viên chính thức hoặc đại biểu thành viên chính thức tham dự có số lượng phiếu biểu quyết ngang nhau hoặc khác nhau tương ứng theo số lượng thành viên chính thức của các hợp tác xã thành viên do Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã quy định.

6. Phiếu biểu quyết và biên bản kiểm phiếu tại Đại hội thành viên phải được lưu trữ.

Điều 62. Điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, kế toán

1. Thành viên Hội đồng quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Là thành viên chính thức hoặc là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của tổ chức là thành viên chính thức;

b) Không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Không được là người có quan hệ gia đình với thành viên khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Là thành viên chính thức hoặc là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của tổ chức là thành viên chính thức. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ có thể thuê Giám đốc (Tổng giám đốc) theo quyết định của Đại hội thành viên.

b) Không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Không được là người có quan hệ gia đình với thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Là thành viên chính thức hoặc là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của tổ chức là thành viên chính thức;

b) Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Không được là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị,

thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên:

a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

5. Kế toán trưởng, người làm kế toán phải có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 63. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người giữ các chức danh trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 62 của Luật này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

d) Tổ chức mà Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên là người đại diện bị mất tư cách pháp nhân hoặc bị chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và hợp đồng lao động.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động phải chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

Mục 2

TỔ CHỨC QUẢN TRỊ ĐẦY ĐỦ

Điều 64. Thẩm quyền của Đại hội thành viên theo tổ chức quản trị đầy đủ

1. Thông qua định hướng phát triển của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; báo cáo tài chính hằng năm; phương án sản xuất, kinh doanh.

2. Thông qua phương án phân phối thu nhập và xử lý khoản lỗ, khoản nợ; tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia và quỹ khác; phương án thù lao, tiền lương, tiền công,

tiền thưởng và chế độ đãi ngộ khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát, người giữ chức danh quản lý, chuyên môn khác và người lao động.

3. Thông qua việc đầu tư hoặc bán tài sản chung được chia có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; việc đầu tư hoặc bán tài sản chung không chia.

4. Thông qua việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, liên danh, liên kết; tham gia vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác, tổ chức đại diện.

5. Thông qua việc tăng, giảm vốn điều lệ, vốn góp tối thiểu; việc huy động vốn; việc trả lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp; kết quả định giá tài sản và tài sản chung không chia; quy chế quản lý, sử dụng tài sản và quỹ.

6. Thông qua tổ chức quản trị; quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên Ban kiểm soát, số lượng người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; việc tổ chức lại, giải thể, phá sản hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát; người đại diện theo pháp luật. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thông qua chủ trương Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc thuê Giám đốc (Tổng giám đốc).

8. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập.

9. Thẩm quyền khác do Đại hội thành viên quyết định nhưng không trái với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 65. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên khác của Hội đồng quản trị do Hội nghị thành lập hoặc Đại hội thành viên bầu trong số thành viên chính thức. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Điều lệ quy định nhưng tối thiểu là 03 người, tối đa là 15 người. Tổng số lượng thành viên tham gia Hội đồng quản trị là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài chiếm dưới 35% tổng số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Điều lệ quy định nhưng tối đa là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện bằng phiếu kín.

3. Hội đồng quản trị hợp tác xã họp định kỳ theo quy định của Điều lệ nhưng ít nhất 03 tháng một lần. Hội đồng quản trị liên hiệp hợp tác xã họp định kỳ theo quy định của Điều lệ nhưng ít nhất 06 tháng một lần.

4. Hội đồng quản trị hợp bất thường khi có yêu cầu của một trong các chủ thể sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Giám đốc (Tổng giám đốc);
- c) Trưởng Ban kiểm soát;
- d) Ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau. Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì nội dung có phiếu tán thành của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ trì cuộc họp là nội dung được thông qua;

b) Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị theo định kỳ nhưng không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ hai trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày dự định cuộc họp lần đầu. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

c) Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị lần thứ hai mà vẫn không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội thành viên bất thường để xem xét tư cách của thành viên Hội đồng quản trị không tham dự hai cuộc họp trước và đề xuất biện pháp xử lý;

d) Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản, có thể ghi âm, ghi hình để cung cấp cho các thành viên nếu có yêu cầu. Biên bản họp phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến và được ghi vào biên bản họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký thì biên bản họp có hiệu lực nếu được trên 50% thành viên tham dự đồng ý ký; biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký. Người ký tên trong biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của biên bản họp.

6. Trường hợp nội dung do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội thành viên, Điều lệ gây thiệt hại cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì các thành viên tán thành nội dung đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải bồi thường thiệt hại cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật; thành viên phản đối được miễn trừ trách nhiệm và có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nội dung này.

Điều 66. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Trình Đại hội thành viên xem xét, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên theo quy định tại Điều 64 của Luật này.

2. Quyết định tổ chức các bộ phận giúp việc, đơn vị trực thuộc của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Điều lệ. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội thành viên. Báo cáo Đại hội thành viên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Chuyển nhượng, thanh lý, xử lý tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản chung được chia có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

5. Phối hợp với chủ sở hữu, người góp vốn để định giá hoặc thuê tổ chức thẩm định giá định giá tài sản của cá nhân, tổ chức trong quá trình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

6. Quản lý, kết nạp hoặc chấm dứt tư cách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn. Báo cáo với Đại hội thành viên gần nhất về công tác phát triển thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ (nếu có).

8. Bổ nhiệm; miễn nhiệm; cách chức; ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động; giám sát và đánh giá kết quả làm việc Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) và người giữ chức danh quản lý khác.

9. Quyết định khen thưởng, kỷ luật thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn, người lao động; khen thưởng cá nhân, tổ chức khác có đóng góp nổi bật trong việc xây dựng, phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

10. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 67. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội nghị thành lập hoặc Đại hội thành viên bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số thành viên chính thức hoặc Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện bằng phiếu kín.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về nhiệm vụ được giao;

b) Ký Điều lệ và nghị quyết thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các văn bản của Hội nghị thành lập, Đại hội thành viên; ký văn bản của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch và phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị;

d) Chuẩn bị nội dung, chương trình, triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên, trừ trường hợp Luật này hoặc Điều lệ có quy định khác;

đ) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị đã chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị bầu một người trong số các thành viên còn lại làm Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Đại hội thành viên gần nhất bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Hội đồng quản trị bầu một người trong số các thành viên còn lại làm Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp Hội đồng quản trị được Đại hội thành viên ủy quyền bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc) thì thực hiện thêm nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) quy định tại khoản 4 Điều 68 của Luật này.

Điều 68. Giám đốc (Tổng giám đốc) theo tổ chức quản trị đầy đủ

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) là người điều hành hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chịu sự giám sát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) do Điều lệ quy định nhưng tối đa là 05 năm. Giám đốc (Tổng giám đốc) có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) được thuê, không là thành viên chính thức thì được tham gia cuộc họp Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) thực hiện theo quy định của hợp đồng lao động.

4. Giám đốc (Tổng giám đốc) có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Trình Hội đồng quản trị các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Thực hiện các nghị quyết của Hội nghị thành lập, Đại hội thành viên, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị; ký kết hợp đồng nhân danh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền;

c) Tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh; quyết định địa điểm kinh doanh;

d) Chịu trách nhiệm trong hoạt động mua chung, bán chung sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

đ) Quản lý, kết nạp hoặc chấm dứt tư cách thành viên liên kết không góp Vốn và báo cáo Hội đồng quản trị; tuyển dụng lao động; quyết định khen thưởng, kỷ luật thành viên liên kết không góp vốn, người lao động;

e) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 69. Ban kiểm soát theo tổ chức quản trị đầy đủ

1. Ban kiểm soát có từ 01 đến 07 thành viên bao gồm Trưởng Ban kiểm soát và kiểm soát viên do Đại hội thành viên bầu trong số thành viên chính thức, chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên. Nhiệm kỳ Ban kiểm soát tối đa là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 thành viên thì thành viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện bằng phiếu kín.

2. Ban kiểm soát hoạt động độc lập, kiểm tra và giám sát hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Ban kiểm soát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Đại hội thành viên, nghị quyết của Hội đồng quản trị và quy chế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội thành viên và quy chế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Kiểm tra hoạt động tài chính, việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối thu nhập, xử lý khoản lỗ, sử dụng quỹ, tài sản, vốn vay của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và khoản hỗ trợ của Nhà nước;

d) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm trước khi trình Đại hội thành viên; tổ chức việc kiểm toán nội bộ khi cần thiết; rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

đ) Yêu cầu cung cấp tài liệu, sổ sách, chứng từ và thông tin cần thiết để phục vụ công tác rà soát, kiểm tra, giám sát và không được sử dụng vào mục đích khác;

e) Thông báo cho Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội thành viên về kết quả kiểm soát; kiến nghị Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) khắc phục những yếu kém, vi phạm trong hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; trình Đại hội thành viên xem xét thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;

g) Tiếp nhận kiến nghị liên quan đến hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên giải quyết theo thẩm quyền;

h) Trưởng Ban kiểm soát, kiểm soát viên được tham dự nhưng không được quyền biểu quyết tại cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- i) Chuẩn bị chương trình và triệu tập Đại hội thành viên bất thường;
- k) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Mục 3 TỔ CHỨC QUẢN TRỊ RÚT GỌN

Điều 70. Thẩm quyền của Đại hội thành viên theo tổ chức quản trị rút gọn

1. Thông qua định hướng phát triển của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; báo cáo hoạt động của Giám đốc và kiểm soát viên; báo cáo tài chính hàng năm; phương án sản xuất, kinh doanh.

2. Thông qua phương án phân phối thu nhập và xử lý khoản lỗ, khoản nợ; tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia và quỹ khác; phương án thù lao, tiền lương, tiền công, tiền thưởng và chế độ đãi ngộ khác cho Giám đốc, kiểm soát viên, người giữ chức danh quản lý, chuyên môn khác và người lao động.

3. Thông qua việc đầu tư hoặc bán tài sản chung được chia có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; việc đầu tư hoặc bán tài sản chung không chia.

4. Thông qua việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, liên danh, liên kết; tham gia vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác, tổ chức đại diện.

5. Thông qua việc tăng, giảm vốn điều lệ, vốn góp tối thiểu; việc huy động vốn; việc trả lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp; định giá hoặc thông qua kết quả định giá tài sản và tài sản chung không chia; quy chế quản lý, sử dụng tài sản và quỹ.

6. Thông qua tổ chức quản trị, quy chế quản trị nội bộ; phương án tổ chức bộ phận giúp việc, đơn vị trực thuộc của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; việc tổ chức lại, giải thể, phá sản hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, kiểm soát viên; quyết định số lượng, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm người đại diện theo pháp luật.

8. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; khen thưởng, kỷ luật thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn.

9. Thông qua việc kết nạp hoặc chấm dứt tư cách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn theo quy định của Điều lệ.

10. Thẩm quyền khác do Đại hội thành viên quyết định nhưng không trái với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 71. Giám đốc theo tổ chức quản trị rút gọn

1. Giám đốc là người điều hành hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chịu sự giám sát, chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc do Điều lệ quy định nhưng tối đa là 05 năm. Giám đốc

có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc được thực hiện bằng phiếu kín.

3. Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Trình Đại hội thành viên các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên;

b) Ký Điều lệ, nghị quyết thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các văn bản của Đại hội thành viên;

c) Thực hiện các nghị quyết của Đại hội thành viên, quyết định các vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên; ký kết hợp đồng nhân danh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp là người đại diện theo pháp luật do Điều lệ hoặc pháp luật quy định;

d) Tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh; quyết định địa điểm kinh doanh; báo cáo Đại hội thành viên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; công tác phát triển thành viên;

đ) Chịu trách nhiệm trong hoạt động mua chung, bán chung sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

e) Quyết định việc chuyển nhượng, thanh lý, xử lý tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền do Đại hội thành viên giao; quyết định đầu tư hoặc bán tài sản chung được chia có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

g) Quản lý thành viên, thông báo nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên tới các thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn; kết nạp, chấm dứt tư cách thành viên liên kết không góp vốn theo quy định của Luật này, Điều lệ và báo cáo với Đại hội thành viên gần nhất; tuyển dụng lao động; đánh giá kết quả làm việc của Phó Giám đốc (nếu có);

h) Quyết định khen thưởng, kỷ luật thành viên liên kết không góp vốn, người lao động; khen thưởng cá nhân, tổ chức khác có đóng góp nổi bật trong việc xây dựng, phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

i) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 72. Kiểm soát viên theo tổ chức quản trị rút gọn

1. Kiểm soát viên kiểm tra và giám sát hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ. Kiểm soát viên hoạt động độc lập, chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên do Điều lệ quy định nhưng tối đa là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm kiểm soát viên được thực hiện bằng phiếu kín.

3. Kiểm soát viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Đại hội thành viên và quy chế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Giám sát hoạt động của Giám đốc, thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội thành viên, các quy chế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Kiểm tra hoạt động tài chính, việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ, tài sản, vốn vay của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các khoản hỗ trợ của Nhà nước;

d) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm trước khi trình Đại hội thành viên; tổ chức việc kiểm toán nội bộ khi cần thiết;

đ) Yêu cầu cung cấp tài liệu, sổ sách, chứng từ và những thông tin cần thiết để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát nhưng không được sử dụng các tài liệu, thông tin đó vào mục đích khác;

e) Báo cáo trước Đại hội thành viên về kết quả kiểm soát; kiến nghị Giám đốc khắc phục những yếu kém, vi phạm trong hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

g) Tiếp nhận kiến nghị, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Giám đốc, Đại hội thành viên giải quyết theo thẩm quyền;

h) Chuẩn bị chương trình và triệu tập Đại hội thành viên bất thường;

i) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Điều 73. Tài sản góp vốn

1. Tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác, quyền khác định giá được bằng Đồng Việt Nam.

2. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền sử dụng quyền tài sản hợp pháp, quyền khác quy định tại khoản 1 Điều này có quyền góp vốn theo quy định của pháp luật.

3. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải, tài sản khác thì cá nhân, tổ chức có thể lựa chọn góp vốn bằng tài sản đó hoặc thỏa thuận cho phép hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng quyền khác đối với tài sản đó theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về dân sự.

4. Thành viên có thể dùng tài sản để tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông qua hợp đồng hợp tác, hợp đồng liên kết với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trong trường hợp này, tài sản đó không phải là tài sản góp vốn và không phải chuyển quyền sở hữu cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 74. Góp vốn điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Phần vốn góp của thành viên chính thức được thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của Luật này và Điều lệ về vốn góp tối thiểu và vốn góp tối đa. Vốn góp tối đa không quá 30% vốn điều lệ đối với hợp tác xã và không quá 40% vốn điều lệ đối với liên hiệp hợp tác xã.

2. Tổng phần vốn góp của tất cả thành viên liên kết góp vốn được thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của Điều lệ nhưng không quá 30% vốn điều lệ đối với hợp tác xã và không quá 40% vốn điều lệ đối với liên hiệp hợp tác xã.

3. Tổng phần vốn góp của tất cả thành viên là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài không quá 30% vốn điều lệ đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Thời hạn, hình thức và mức góp vốn điều lệ của thành viên theo quy định của Điều lệ nhưng thời hạn phải góp đủ vốn chậm nhất là 06 tháng kể từ ngày hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc kể từ ngày được kết nạp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản (nếu có). Trong thời hạn này, thành viên có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết.

5. Thành viên chỉ được góp vốn cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng loại tài sản khác với tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Đại hội thành viên đối với tổ chức quản trị rút gọn.

6. Sau thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này, thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết thì xử lý như sau:

a) Thành viên chưa góp vốn theo cam kết hoặc góp vốn thấp hơn vốn góp tối thiểu quy định trong Điều lệ sẽ bị chấm dứt tư cách thành viên;

b) Thành viên chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết nhưng có phần vốn góp bằng hoặc cao hơn vốn góp tối thiểu theo quy định của Điều lệ có quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp theo quy định của Luật này và Điều lệ.

7. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải góp đủ phần vốn góp đã cam kết theo quy định tại khoản 4 Điều này, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ bằng phần vốn đã góp theo quy định của Luật này, trừ trường hợp phần vốn góp còn thiếu đã được góp đủ trong thời hạn này. Thành viên chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết đối với nghĩa vụ tài chính phát sinh trong thời gian trước ngày được cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp theo quy định của Luật này và Điều lệ.

Điều 75. Giấy chứng nhận phần vốn góp

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp cho thành viên và ghi vào sổ đăng ký thành viên tại thời điểm góp đủ phần vốn góp.

2. Giấy chứng nhận phần vốn góp bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- b) Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân góp vốn; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức góp vốn;
- d) Phần vốn góp và tỷ lệ phần vốn góp của thành viên;
- đ) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp;
- e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cấp lại Giấy chứng nhận phần vốn góp trong trường hợp Giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị hỏng; cấp đổi Giấy chứng nhận phần vốn góp trong trường hợp có thay đổi nội dung Giấy chứng nhận phần vốn góp quy định tại khoản 2 Điều này; thu hồi Giấy chứng nhận phần vốn góp trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi, thu hồi Giấy chứng nhận phần vốn góp theo quy định của Điều lệ.

Điều 76. Chuyển giao tài sản góp vốn

1. Việc góp vốn cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng tài sản được thực hiện như sau:

a) Đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất thì thành viên làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản hoặc quyền sử dụng đất cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

b) Đối với tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng văn bản.

2. Việc góp vốn cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông qua thỏa thuận cho phép hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng quyền khác đối với tài sản được thực hiện như sau:

a) Hợp đồng xác lập quyền khác đối với tài sản giữa thành viên và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được lập thành văn bản, ghi rõ thời hạn hưởng quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

b) Giấy chứng nhận phần vốn góp phải ghi rõ thời hạn hưởng quyền;

c) Thành viên không phải chuyển quyền sở hữu tài sản hoặc chuyển quyền sử dụng đất cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Văn bản giao nhận tài sản góp vốn bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân góp vốn; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức góp vốn;

c) Loại tài sản và số đơn vị tài sản góp vốn; tổng giá trị tài sản góp vốn và tỷ lệ của tổng giá trị tài sản đó trong vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Ngày giao nhận; chữ ký, họ và tên của cá nhân góp vốn hoặc người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cá nhân, tổ chức góp vốn và người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Việc góp vốn chỉ được coi là hoàn thành khi quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất, quyền khác đối với tài sản góp vốn đã được xác lập cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 77. Định giá tài sản góp vốn, tài sản chung không chia

1. Tài sản góp vốn khi thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được tất cả thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn định giá đồng thuận hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá.

Trường hợp tài sản góp vốn được thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự định giá mà giá trị tài sản góp vốn cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì các thành viên này cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá.

Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được trên 50% số thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn tham gia hội nghị thành lập chấp thuận.

2. Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do Đại hội thành viên hoặc Hội đồng quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và Đại hội thành viên hoặc Hội đồng quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chấp thuận.

3. Định giá tài sản chung không chia trong quá trình hoạt động, giải thể, phá sản do một tổ chức thẩm định giá định giá và Đại hội thành viên hoặc Hội đồng quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chấp thuận.

Điều 78. Tăng, giảm vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Vốn điều lệ tăng trong trường hợp sau đây:

- a) Tăng phần vốn góp của thành viên;
- b) Tiếp nhận phần vốn góp của thành viên mới.

2. Vốn điều lệ giảm trong trường hợp sau đây:

a) Thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết khi quá thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 74 của Luật này;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trả lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp cho thành viên.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được giảm vốn điều lệ khi bảo đảm thanh

toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho thành viên.

4. Trường hợp vốn điều lệ giảm dẫn đến thành viên có phần vốn góp vượt quá vốn góp tối đa thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện một hoặc một số biện pháp sau để bảo đảm về vốn góp tối đa theo quy định của Luật này và Điều lệ:

- a) Trả lại phần vốn vượt vốn góp tối đa cho thành viên;
- b) Huy động thêm vốn góp của thành viên khác;
- c) Kết nạp thành viên mới.

Điều 79. Huy động vốn và tiếp nhận các khoản hỗ trợ, tặng cho, tài trợ

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ưu tiên huy động vốn từ thành viên để đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở thỏa thuận với thành viên.

2. Trường hợp huy động vốn từ thành viên chưa đáp ứng đủ nhu cầu thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã huy động vốn từ các nguồn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp nhận các khoản hỗ trợ của Nhà nước thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc quản lý các khoản hỗ trợ của Nhà nước được thực hiện như sau:

- a) Khoản hỗ trợ của Nhà nước có quy định đưa vào tài sản chung không chia thì được xác định là tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- b) Khoản hỗ trợ của Nhà nước phải hoàn lại được tính vào số nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- c) Khoản hỗ trợ của Nhà nước không thuộc điểm a và điểm b khoản này thì được quản lý theo quy định của Điều lệ.

4. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tặng cho, tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tặng cho, tài trợ có yếu tố nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật, thỏa thuận quốc tế và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 80. Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm phần vốn góp của thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn, phí thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, quỹ chung không chia, quỹ khác và nguồn thu hợp pháp khác.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phù hợp với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 81. Thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập doanh nghiệp nhằm mục tiêu hỗ trợ hoạt động, liên kết, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ sở hữu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Hợp đồng, giao dịch khác giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và doanh nghiệp được thành lập phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với chủ thể pháp lý độc lập.

4. Doanh nghiệp được thành lập không được trở thành thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đó.

5. Việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải bảo đảm các quy định sau đây:

a) Được Đại hội thành viên thông qua;

b) Không được sử dụng các nguồn vốn thuộc quỹ chung không chia và tài sản chung không chia để thành lập doanh nghiệp.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thông báo với cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

7. Chính phủ quy định điều kiện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập doanh nghiệp.

Điều 82. Góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp, trừ doanh nghiệp đang là thành viên chính thức hoặc thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhằm mục tiêu hỗ trợ hoạt động, liên kết, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, cổ đông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Doanh nghiệp được góp vốn, mua cổ phần không được trở thành thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đó.

4. Việc góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải bảo đảm các quy định sau đây:

a) Được Đại hội thành viên thông qua;

b) Không được sử dụng các nguồn vốn thuộc quỹ chung không chia và tài sản chung không chia để góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp.

5. Chính phủ quy định điều kiện góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp.

Điều 83. Hoạt động cho vay nội bộ trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cho vay nội bộ là việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho thành viên chính thức vay trong thời hạn không quá 12 tháng nhằm hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và đời sống trên nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm, không vì mục tiêu lợi nhuận, phải bảo toàn vốn, có hoàn trả và bù đắp đủ các khoản chi phí của hoạt động cho vay nội bộ. Hoạt

động cho vay nội bộ không phải là hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện hoạt động cho vay nội bộ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ và số lượng thành viên Ban kiểm soát tối thiểu từ 03 thành viên trở lên;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho vay nội bộ sau khi bảo đảm nguồn vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; không sử dụng nguồn vốn huy động trong và ngoài thành viên để thực hiện hoạt động cho vay nội bộ;

c) Mở sổ sách ghi chép, theo dõi và hạch toán riêng hoạt động cho vay nội bộ;

d) Hoạt động cho vay nội bộ phải được Đại hội thành viên thông qua và quy định trong Điều lệ.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này và quy định mức cho vay, giới hạn cho vay, lãi suất, xử lý rủi ro từ hoạt động cho vay nội bộ.

Điều 84. Quỹ chung không chia

Quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hình thành từ các nguồn sau đây:

1. Thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được trích lập hàng năm theo tỷ lệ do Điều lệ quy định;

2. Thu nhập từ giao dịch bên ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thu nhập từ doanh nghiệp do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập; thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần được trích lập hàng năm theo tỷ lệ do Điều lệ quy định nhưng không thấp hơn:

a) 5% đối với hợp tác xã;

b) 10% đối với liên hiệp hợp tác xã.

3. Thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản chung không chia theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 79 và điểm c khoản 2 Điều 88 của Luật này;

4. Thu nhập từ khoản tặng cho, tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ theo thỏa thuận đưa vào quỹ chung không chia sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 85. Thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phân tách thu nhập từ giao dịch nội bộ và thu nhập từ giao dịch bên ngoài để làm căn cứ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc cho thụ hưởng các chính sách của Nhà nước theo quy định và để phân phối thu nhập theo quy định tại Điều 86 của Luật này; trường hợp không phân tách được thì toàn bộ thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được coi là thu nhập từ giao dịch bên ngoài.

2. Chính phủ quy định về giao dịch nội bộ và thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 86. Phân phối thu nhập

Sau khi trích lập quỹ chung không chia, nộp thuế, hoàn thành nghĩa vụ tài chính khác và xử lý lỗ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật, thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được phân phối như sau:

1. Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật (nếu có);
2. Trích lập quỹ khác do Đại hội thành viên quyết định;
3. Thu nhập còn lại của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được phân phối cho thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn theo trình tự sau đây:

a) Đối với thu nhập từ giao dịch nội bộ còn lại thì phân phối tối thiểu 51% cho thành viên chính thức theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ và mức độ góp sức lao động; phần còn lại được phân phối theo tỷ lệ phần vốn góp cho thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn theo quy định của Điều lệ;

b) Đối với thu nhập từ giao dịch bên ngoài còn lại thì phân phối cho thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn theo quy định của Điều lệ.

Điều 87. Quản lý, sử dụng các quỹ

1. Quỹ chung không chia được sử dụng để hình thành và phát triển tài sản chung không chia; không được chia cho thành viên trong quá trình hoạt động; được xử lý khi giải thể, phá sản theo quy định tại Điều 101 và Điều 102 của Luật này. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải lập sổ theo dõi quỹ chung không chia theo nguồn hình thành.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sử dụng quỹ chung không chia nhằm để gửi tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng, để làm tài sản bảo đảm khi vay vốn và phải bảo toàn vốn, trừ các khoản quỹ chung không chia từ nguồn hỗ trợ của Nhà nước và nguồn hỗ trợ của cá nhân, tổ chức có quy định hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đó không được dùng làm tài sản bảo đảm khi vay vốn. Khoản lãi phát sinh từ việc gửi tiết kiệm này được ghi nhận vào quỹ chung không chia.

3. Việc quản lý, sử dụng quỹ chung không chia và quỹ khác phải được quy định trong Điều lệ, quy chế về quản lý tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Hằng năm, Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc báo cáo Đại hội thành viên về việc quản lý, sử dụng các quỹ trong năm và phương hướng sử dụng các quỹ năm tiếp theo theo thẩm quyền.

Điều 88. Quản lý, sử dụng tài sản

1. Tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hình thành từ nguồn sau đây:

- a) Phần vốn góp của thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn, phí thành viên;
- b) Vốn huy động của thành viên và vốn huy động khác;
- c) Vốn, tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động;

d) Khoản hỗ trợ của Nhà nước và khoản tặng cho, tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác.

2. Tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm:

a) Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, do mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác mà tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền mua tài sản gắn liền với đất, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Nhà nước hỗ trợ;

b) Tài sản hình thành từ quỹ chung không chia;

c) Tài sản do Nhà nước hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ được quy định là tài sản chung không chia;

d) Tài sản do cá nhân, tổ chức tặng cho, tài trợ hợp pháp theo thỏa thuận là tài sản chung không chia;

đ) Tài sản là công trình phục vụ lợi ích chung của cộng đồng do Nhà nước đầu tư, xây dựng, chuyển giao cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quản lý, sử dụng;

e) Tài sản khác được Điều lệ quy định là tài sản chung không chia.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quản lý, sử dụng tài sản chung không chia theo nguyên tắc sau đây:

a) Quản lý, sử dụng tài sản quy định tại khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc theo thỏa thuận giữa cá nhân, tổ chức tặng cho, tài trợ hợp pháp và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải lập sổ theo dõi tài sản chung không chia theo nguồn hình thành.

b) Chịu trách nhiệm bảo vệ, bảo dưỡng và bảo trì định kỳ, sửa chữa bằng chi phí của mình trong quá trình sử dụng;

c) Tài sản chung không chia được phép chuyển nhượng, thanh lý sau khi được định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 77 của Luật này khi Đại hội thành viên thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc theo thỏa thuận giữa cá nhân, tổ chức tặng cho, tài trợ hợp pháp và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sử dụng tài sản chung không chia để làm tài sản bảo đảm khi vay vốn và bảo toàn tài sản, trừ tài sản chung không chia quy định tại các điểm a, c và đ khoản 2 Điều này và nguồn hỗ trợ của cá nhân, tổ chức có quy định hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đó không được dùng làm tài sản bảo đảm khi vay vốn.

4. Việc quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện theo quy định của Điều lệ, nghị quyết Đại hội thành viên, quy chế quản lý tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định của pháp luật.

Điều 89. Xử lý các khoản lỗ, khoản nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Kết thúc năm tài chính, nếu phát sinh lỗ thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện chuyển lỗ theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Các khoản nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 90. Trả lại, thừa kế phần vốn góp

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trả lại phần vốn góp cho thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên hoặc trả lại phần vốn góp vượt quá vốn góp tối đa của thành viên theo quy định của Luật này và Điều lệ.

2. Thành viên được trả lại phần vốn góp sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của mình đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là cá nhân đã chết thì người hưởng thừa kế nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật này và Điều lệ, tự nguyện tham gia hợp tác xã thì trở thành thành viên chính thức hoặc thành viên liên kết góp vốn và tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên chính thức hoặc thành viên liên kết góp vốn; nếu không tham gia hợp tác xã thì được hưởng thừa kế phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là cá nhân biệt tích thì quyền, nghĩa vụ của thành viên được thực hiện thông qua người quản lý tài sản của thành viên đó theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Trường hợp thành viên là cá nhân bị Tòa án tuyên bố bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì quyền, nghĩa vụ của thành viên được thực hiện thông qua người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của thành viên đó theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Trường hợp thành viên là tổ chức chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản thì việc trả lại phần vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 91. Chế độ kế toán

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện công tác kế toán và lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quyết định việc thực hiện theo dõi, hạch toán riêng giao dịch nội bộ và giao dịch bên ngoài. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không theo dõi, hạch toán riêng giao dịch nội bộ thì toàn bộ giao dịch của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được coi là giao dịch bên ngoài.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ kế toán đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Chương VII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Điều 92. Chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể chia tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên

hiện có (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia) để thành lập hai hoặc nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới.

2. Thủ tục chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện như sau:

a) Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia thông qua nghị quyết chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ.

Nghị quyết chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia; tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới; nguyên tắc, cách thức và thủ tục chia quyền, tài sản bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; phương án sử dụng lao động; cách thức phân chia, thời hạn và thủ tục chuyển đổi vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia sang hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới; nguyên tắc giải quyết nghĩa vụ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia; thời hạn thực hiện chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Nghị quyết chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết;

c) Việc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới được thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới bao gồm tài liệu quy định tại các điểm a, b, d, đ, e và g khoản 2 Điều 42 của Luật này và nghị quyết chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia chấm dứt tồn tại sau khi các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia hoặc thỏa thuận với chủ nợ, khách hàng và người lao động để một trong số các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đó thực hiện nghĩa vụ này. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp được phân chia theo nghị quyết chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia được chuyển thành tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi chia theo phương án do Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia quyết định.

Điều 93. Tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên của mình (sau đây gọi là hợp tác xã bị tách) để thành lập một hoặc nhiều hợp tác xã được tách. Liên hiệp hợp tác xã có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên của mình (sau đây gọi là liên hiệp hợp tác xã bị tách) để thành lập một hoặc nhiều liên hiệp hợp tác xã được tách. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách không chấm dứt tồn tại.

2. Thủ tục tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện như sau:

a) Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách thông qua nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ.

Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách; tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách; phương án sử dụng lao động; nguyên tắc, cách thức và thủ tục chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ từ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách sang hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách, bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; thời hạn thực hiện tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết;

c) Việc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách bao gồm tài liệu quy định tại các điểm a, b, d, đ, e và g khoản 2 Điều 42 của Luật này và nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách thực hiện theo quy định tại các điều 41, 47 và 48 của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ phải kèm theo nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, trừ trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách, chủ nợ, khách hàng và người lao động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách có thỏa thuận khác. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp được phân chia theo nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách được chuyển thành tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi tách theo phương án do Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách quyết định.

Điều 94. Hợp nhất hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hai hoặc nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể hợp nhất (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất) thành một hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới cùng loại hình (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất), đồng thời chấm dứt tồn tại của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất.

2. Thủ tục hợp nhất hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện như sau:

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất chuẩn bị dự thảo hợp đồng hợp nhất, dự thảo Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất.

Hợp đồng hợp nhất phải bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất; phương án sử dụng lao động; phương án xử lý các khoản nợ; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; thời hạn, thủ tục chuyển đổi vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất thành vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất;

b) Đại hội thành viên của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất thông qua hợp đồng hợp nhất, Điều lệ, quyết định tổ chức quản trị, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;

c) Hợp đồng hợp nhất phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua;

d) Việc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất bao gồm tài liệu quy định tại các điểm a, b, d, đ, e và g khoản 2 Điều 42 của Luật này và hợp đồng hợp nhất, nghị quyết thông qua hợp đồng hợp nhất của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất được hưởng quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất theo hợp đồng hợp nhất.

4. Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất được chuyển thành tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất.

Điều 95. Sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Một hoặc nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể sáp nhập bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập) sang một hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác cùng loại hình (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập).

2. Thủ tục sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện như sau:

a) Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập chuẩn bị dự thảo hợp đồng sáp nhập và dự thảo Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập.

Hợp đồng sáp nhập bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập; phương án sử dụng lao động; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; chuyển đổi phần vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập thành phần vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập;

b) Đại hội thành viên của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập thông qua hợp đồng sáp nhập, Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập;

c) Hợp đồng sáp nhập phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua;

d) Việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập thực hiện theo quy định tại các điều 41, 47 và 48 của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ phải kèm theo hợp đồng sáp nhập, nghị quyết thông qua hợp đồng sáp nhập của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập.

3. Sau khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập được đăng ký, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập chấm dứt tồn tại; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập. Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập theo hợp đồng sáp nhập.

4. Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập được chuyển thành tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập.

Điều 96. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc trước ngày tiếp tục kinh doanh trở lại.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

a) Tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi phát hiện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không có đủ điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật;

b) Tạm ngừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, môi trường và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh một hoặc một số ngành, nghề kinh doanh hoặc trong một số lĩnh vực theo quyết định của Tòa án.

3. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải nộp đủ thuế, bảo hiểm xã hội còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 97. Các trường hợp giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục giải thể theo một trong hai trường hợp sau đây:

a) Giải thể tự nguyện theo nghị quyết Đại hội thành viên;

b) Giải thể bắt buộc theo quyết định của Tòa án hoặc khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trừ trường hợp luật khác có quy định khác.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người giữ chức danh có liên quan trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về giải thể tại Luật này.

Điều 98. Giải thể tự nguyện đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Đại hội thành viên thông qua nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn và thủ tục bàn giao tài sản chung không chia, quỹ chung không chia;

d) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ, phương án giải quyết nợ. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán nợ; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ;

đ) Phương án xử lý nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

2. Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

theo nghị quyết của Đại hội thành viên, trừ trường hợp Điều lệ quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoàn thành các công việc sau đây:

a) Gửi nghị quyết giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan thuế, người lao động trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Niêm yết công khai nghị quyết giải thể tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Trường hợp còn nghĩa vụ tài chính chưa giải quyết thì phải gửi nghị quyết giải thể đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh, kèm theo thông báo phải đăng tải nghị quyết giải thể.

5. Việc xử lý tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Điều 101 của Luật này.

6. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ. Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định của Chính phủ.

7. Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc một trong hai trường hợp sau đây:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký giải thể;

b) Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể và ý kiến khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và ý kiến của bên có liên quan bằng văn bản.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 99. Giải thể bắt buộc đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể cho Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều 98 của Luật này. Khi gửi nghị quyết giải thể theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật này phải gửi kèm theo bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

3. Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày thông báo tình trạng đang làm thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không nhận được phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 100. Các hành vi bị cấm khi giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Kể từ khi có nghị quyết giải thể, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định giải thể của Tòa án, người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị cấm thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- b) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- c) Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- d) Ký kết hợp đồng mới, trừ trường hợp để thực hiện giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- đ) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- e) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- g) Huy động vốn dưới mọi hình thức.

2. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

Điều 101. Xử lý tài sản khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi giải thể thực hiện thu hồi, xử lý quỹ chung không chia và tài sản chung không chia; thu hồi các tài sản khác; chuyển nhượng, thanh lý tài sản.

2. Quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi giải thể được xử lý theo các nguyên tắc sau đây:

- a) Phần quỹ chung không chia hình thành từ tiền chuyển nhượng, thanh lý tài

sản chung không chia do Nhà nước hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ được chuyển vào ngân sách nhà nước;

b) Phần quỹ chung không chia theo quy định tại khoản 4 Điều 84 của Luật này được thực hiện theo thỏa thuận giữa cá nhân, tổ chức tặng cho, tài trợ hợp pháp và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này;

c) Phần quỹ chung không chia theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 84 của Luật này được thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

3. Tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi giải thể được xử lý theo các nguyên tắc sau đây:

a) Tài sản chung không chia theo quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều 88 của Luật này được giao cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo nguồn hình thành theo quy định của pháp luật;

b) Tài sản chung không chia quy định tại điểm d khoản 2 Điều 88 của Luật này được thực hiện theo thỏa thuận giữa cá nhân, tổ chức tặng cho, tài trợ hợp pháp và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này;

c) Tài sản chung không chia quy định tại điểm b và điểm e khoản 2 Điều 88 của Luật này được xử lý theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

4. Việc phân chia tài sản còn lại khi giải thể thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Thanh toán chi phí giải thể bao gồm cả khoản chi cho việc thu hồi, định giá và thanh lý tài sản;

b) Thanh toán nợ lương, trợ cấp thôi việc, đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Khoản nợ khác.

5. Sau khi phân chia tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này, phần còn lại được chia cho thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn theo tỷ lệ phần vốn góp.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 102. Giải quyết phá sản đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Việc giải quyết phá sản đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Việc xử lý quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi phá sản được thực hiện như việc xử lý quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi giải thể theo quy định tại Điều 101 của Luật này.

Điều 103. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo;
b) Ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế;

c) Sau 12 tháng mà hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không gửi báo cáo về việc tuân thủ theo quy định của Luật này theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh;

d) Không đáp ứng điều kiện số lượng thành viên tối thiểu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong 12 tháng liên tục; không đáp ứng điều kiện số lượng thành viên tối đa là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật này trong 06 tháng liên tục;

đ) Không đáp ứng điều kiện vốn góp tối đa của thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này trong 12 tháng liên tục;

e) Không tổ chức Đại hội thành viên thường niên trong 18 tháng liên tục kể từ thời điểm tổ chức Đại hội thành viên gần nhất, trừ trường hợp bất khả kháng;

g) Theo quyết định của Tòa án hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.

2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Điều 104. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chấm dứt hoạt động theo các trường hợp sau đây:

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quyết định chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

2. Địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chấm dứt hoạt động theo quyết định của Giám đốc (Tổng giám đốc) của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đó.

3. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hoạt động liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

4. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có chi nhánh đã chấm dứt hoạt động chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, bao gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VIII
KIỂM TOÁN HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Điều 105. Kiểm toán nội bộ

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Nhà nước khuyến khích hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không hoạt động trong lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật về kiểm toán nội bộ.

Điều 106. Kiểm toán độc lập

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải có báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm:

a) Hợp tác xã có quy mô lớn;

b) Liên hiệp hợp tác xã từ 10 thành viên trở lên;

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị thụ hưởng các chính sách của Nhà nước theo quy định của chính sách đó;

d) Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã hoạt động theo mô hình hợp tác xã.

2. Tần suất thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính:

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này phải kiểm toán báo cáo tài chính theo tần suất do Điều lệ quy định nhưng tối thiểu 02 năm phải kiểm toán một lần;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo yêu cầu của Điều lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật;

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại điểm d khoản 1 Điều này phải kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động theo yêu cầu của Đại hội thành viên hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương IX
TỔ HỢP TÁC

Điều 107. Thành lập, hoạt động của tổ hợp tác

1. Việc thành lập, tổ chức, hoạt động của tổ hợp tác được thực hiện trên cơ sở hợp đồng hợp tác theo quy định của pháp luật dân sự.

2. Tổ hợp tác khi có góp vốn và hợp đồng hợp tác không xác định thời hạn hoặc có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc tổ hợp tác đề nghị thụ hưởng chính sách của Nhà nước phải đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh; khuyến khích tổ hợp tác khác đăng ký.

3. Tổ hợp tác có quyền sau đây:

- a) Có tên riêng;
- b) Kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; được quyền kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật;
- c) Hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức để mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- d) Mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật có liên quan;
- đ) Xác lập và thực hiện các giao dịch dân sự;
- e) Được hưởng chính sách của Nhà nước khi có đủ điều kiện;
- g) Quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng hợp tác.

4. Tổ hợp tác có nghĩa vụ sau đây:

- a) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, người lao động, cá nhân và tổ chức có liên quan;
- b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ đối với thành viên, cá nhân, tổ chức có liên quan;
- c) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng hợp tác.

5. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

6. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

Điều 108. Chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã

1. Tổ hợp tác được chuyển đổi thành hợp tác xã khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;
- b) Hoạt động liên tục ít nhất 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;
- c) Được tất cả thành viên tán thành.

2. Việc thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác được thực hiện theo quy định về thành lập hợp tác xã tại Luật này.

3. Hợp tác xã được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của tổ hợp tác kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Điều 109. Chính sách hỗ trợ tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã.

2. Tư vấn, hướng dẫn miễn phí thủ tục hành chính về thuế và chế độ kế toán tối đa trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã lần đầu theo quy định của Chính phủ.

3. Miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã lần đầu; miễn phí thẩm

định, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã lần đầu.

4. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hợp tác xã chuyển đổi từ tổ hợp tác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với hợp tác xã chuyển đổi từ tổ hợp tác theo quy định của pháp luật về đất đai.

Chương X

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Điều 110. Tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có các nhiệm vụ sau đây:

- a) Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên;
- b) Tuyên truyền, hướng dẫn, chia sẻ thông tin, vận động thực hiện các chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- c) Tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho việc hình thành và phát triển của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- d) Thực hiện các chương trình, dự án, dịch vụ công được giao hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- đ) Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- e) Đại diện cho các thành viên trong quan hệ hoạt động phối hợp với các tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- g) Thực hiện đánh giá rủi ro, tư vấn, hỗ trợ nhằm tăng cường tính minh bạch trong quản lý tài chính, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật trong vận hành và nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- h) Đánh giá hiệu quả và đóng góp kinh tế, xã hội, văn hóa từ hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên.

3. Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động gắn với nhiệm vụ được Nhà nước giao cho tổ chức đại diện.

4. Khuyến khích tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia là thành viên của tổ chức đại diện.

Điều 111. Hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam

1. Hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam là tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giữ vai trò nòng cốt và thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể.

2. Hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam gồm Liên minh hợp tác xã Việt Nam được thành lập ở Trung ương và Liên minh hợp tác xã cấp tỉnh được thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Điều lệ Liên minh hợp tác xã Việt Nam được Đại hội Liên minh hợp tác xã Việt Nam thông qua và do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Điều lệ Liên minh hợp tác xã cấp tỉnh được Đại hội Liên minh hợp tác xã cấp tỉnh thông qua và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Nội dung, hình thức và hiệu lực thi hành của Điều lệ Liên minh hợp tác xã cấp tỉnh thống nhất với Điều lệ Liên minh hợp tác xã Việt Nam.

3. Hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam có nhiệm vụ sau đây:

- a) Các nhiệm vụ của tổ chức đại diện theo quy định tại khoản 2 Điều 110 của Luật này;
- b) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không phải là thành viên;
- c) Nhiệm vụ khác được Nhà nước giao.

4. Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện để hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam thực hiện các hoạt động được giao.

Chương XI

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ,
LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**

Điều 112. Nội dung chủ yếu về quản lý nhà nước

1. Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên quy mô cả nước và từng ngành, lĩnh vực, vùng và địa phương.

2. Xây dựng, ban hành, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế chính sách, giải pháp liên quan đến phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

4. Hợp tác quốc tế về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

5. Xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

Điều 113. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền, thực hiện các biện pháp về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

6. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, tổ chức đại diện, hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức khác trong việc tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thi hành pháp luật về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; triển khai các chương trình, dự án phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 114. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 115 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

3. Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại khoản 5 Điều 115 của Luật này.

4. Trong thời gian Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa kết nối với cơ sở dữ liệu về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cá nhân là công dân Việt Nam được sử dụng bản sao giấy tờ pháp lý thay thế cho số định danh cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Luật này.

Điều 115. Quy định chuyển tiếp

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà tổ chức và hoạt động không trái với quy định của Luật này thì tiếp tục hoạt động và không phải đăng ký lại; trường hợp Điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không phù hợp với quy định của Luật này thì phải sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

2. Tổ hợp tác được thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 của Luật này thì phải thực hiện đăng ký theo quy định của Luật này trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải chấm dứt hoạt động tín dụng nội bộ theo quy định của Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023. Các hợp đồng tín dụng nội bộ đã được ký trước ngày 01 tháng 9 năm 2023 thì các bên tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng không được gia hạn hợp đồng.

4. Hợp tác xã đã thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần và doanh nghiệp được thành lập, góp vốn, mua cổ phần là thành viên của hợp tác xã đó kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023 không được tăng tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần và trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023 phải thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật này.

5. Chính sách của Nhà nước đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ban hành theo quy định của Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 được tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời gian áp dụng chính sách hoặc có văn bản thay thế, bãi bỏ.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2023.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Đã ký: Vương Đình Huệ



LAW ON COOPERATIVES 2023

**HONG DUC PUBLISHING HOUSE
HA NOI, 03-2024**

PREFACE

Law on Cooperatives was adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Legislature XV, Session 5 on 20 June 2023 comprising 12 Chapters, 115 Articles, regulated general provisions, the policies of the State on the development of pre-cooperatives, cooperatives, federations of cooperatives; be members of cooperatives, federations of cooperatives; the establishment of cooperatives, federations of cooperatives; the organization and management of cooperatives, federations of cooperatives. It came into force as of 1st July 2024.

The book “Law on Cooperatives” was published in both English and Vietnamese languages as an attempt of Vietnam Cooperative Alliance in collaboration with ILO Office in Vietnam and Hong Duc Publishing House to introduce to the organizations, households and individuals involved in establishment, organization and operation of cooperatives, federations of cooperatives. This will make a great contribution to the widely development of cooperatives, federations of cooperatives as an important economic sector of Vietnam.

Vietnam Cooperative Alliance would like to express the sincere thanks to the ILO Office in Vietnam for its great support without which this book would not be possible.

VIETNAM COOPERATIVE ALLIANCE

THE NATIONAL
ASSEMBLY OF
VIETNAM

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No.: 17/2023/QH15

Hanoi, June 20, 2023

LAW ON COOPERATIVES

*Pursuant to the Constitution of the Socialist Republic of Vietnam;
The National Assembly of Vietnam promulgates the Law on Cooperatives.*

Chapter I GENERAL PROVISIONS

Article 1. Scope

This Law deals with the establishment, management, reorganization, dissolution, bankruptcy and relevant activities of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions; State policies for development of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.

Article 2. Regulated entities

1. Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.
2. Members of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.
3. Regulatory authorities, organizations and individuals relevant to establishment, management, reorganization, dissolution, bankruptcy and relevant activities of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.

Article 3. Application of Law on Cooperatives and other laws

In case there are other laws containing specific regulations on establishment, management, reorganization, dissolution, bankruptcy and relevant activities of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions, regulations of these laws shall apply.

Article 4. Definitions

For the purposes of this Law, the following terms shall be construed as follows:

1. “*internal transaction*” means supply of goods/services, including employment services, or grant of internal loans by a cooperative or cooperative union to its official members under specific written agreements.
2. “*external transaction*” means transactions other than internal transactions of a cooperative or cooperative union.
3. “*cooperative registration certificate*” means a physical or electronic document recording information on registration of a cooperative or cooperative union issued by a business registration authority to that cooperative or cooperative union.

4. “pre-cooperative *registration certificate*” means a physical or electronic document recording information on registration of an pre-cooperative issued by a business registration authority to that pre-cooperative.

5. “*labour contribution*” means a member’s direct participation in management and/or working under specific agreement made with an pre-cooperative, cooperative or cooperative union.

6. “*capital contribution*” means a member’s contribution of assets as charter capital to establish a new cooperative or cooperative union or contribution of additional capital to an existing cooperative or cooperative union or members’ contribution of their own assets as assets of an pre-cooperative.

7. “*cooperative*” means an organization that has the status of a juridical person, is voluntarily established by at least 05 official members who cooperate with and assist each other in production, business and job creation with the aim of meeting general economic, cultural and social demands of its members and making contribution to sustainable community and social development, and adheres to the principles of autonomy, equality and democracy.

8. “*cooperative union*” means an organization that has the status of a juridical person, is voluntarily established by at least 03 official members who cooperate with and assist each other in production, business and job creation with the aim of increasing their production and business scale, improving their ability to compete in the market, and making contribution to sustainable community and social development, and adheres to the principles of autonomy, equality and democracy.

9. “*level of use of products/services*” of a member means the ratio of value of products/services used by that member to total value of products/services supplied by a cooperative or cooperative union to all of its members.

10. “*level of labour contribution*” of a member means the ratio of salaries, wages or remunerations paid to that member to the sum of those paid to all members.

11. “*relatives*” of a person include his/her spouse, biological parents, adoptive parents, parents-in-laws, biological children, adopted children, children-in-law, biological siblings, siblings-in-law and biological siblings of his/her spouse.

12. “*stake*” means the value of assets that a member has contributed or promises to contribute as charter capital to a cooperative or cooperative union or to an pre-cooperative under terms and conditions of a signed cooperation contract.

13. “*undistributed fund*” means the fund of a cooperative or cooperative union that shall not be distributed to its members during its operation.

14. “*undistributed assets*” are assets of a cooperative or cooperative union that shall not be distributed to its members during its operation.

15. “*distributed assets*” are assets of a cooperative or cooperative union that shall

be distributed to its members.

16. “*members*” include official members, contributing members and non-contributing members of a cooperative or cooperative union or are members of an pre-cooperative.

17. “*official members*” include:

a) Any member that makes capital contribution and uses products/services of a cooperative or cooperative union;

b) Any member that makes capital contribution and labour contribution to a cooperative or cooperative union;

c) Any member that makes capital contribution and labour contribution to, and uses products/services of a cooperative or cooperative union.

18. “*contributing member*” means a member that only makes capital contribution, without using products/services and making labour contribution, to a cooperative or cooperative union.

19. “*non-contributing members*” include:

a) A member that does not make capital contribution but uses products/services of a cooperative or cooperative union;

b) A member that does not make capital contribution but makes labour contribution to a cooperative or cooperative union;

c) A member that does not make capital contribution but uses products/services and makes labour contribution to a cooperative or cooperative union.

20. “*reorganization*” means the split-off, split-up, consolidation or merger of a cooperative or cooperative union.

21. “*pre-cooperative*” means an organization that does not have the status of a juridical person and is voluntarily established under a cooperation contract by at least 02 members who jointly make capital contribution and labour contribution to perform certain works, share benefits and assume joint responsibility.

22. “*internal transaction rate*” means the ratio of revenues earned from internal transactions to total revenues earned by a cooperative or cooperative union or the ratio of costs of internal transactions to total expenses incurred by cooperative or cooperative union in a fiscal year.

23. “*holding*” means the ratio of a member’s stake to the charter capital of a cooperative or cooperative union or the ratio of the stake of an pre-cooperative’s member to total value of stakes of all members of that pre-cooperative.

24. “*charter capital*” means total value of assets that official members and contributing members have contributed or promise to contribute upon establishment or during operation of a cooperative or cooperative union.

25. “*minimum capital contribution*” means the smallest amount of money that

an individual or organization has to contribute as charter capital to become an official member or contributing member of a cooperative or cooperative union.

26. “*maximum capital contribution*” means the greatest amount of money that an individual or organization may contribute as charter capital of a cooperative or cooperative union.

Article 5. Protection of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions and their members by the State

1. Recognize and protect the rights to ownership of assets, capital, income and other lawful rights and interests of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions and their members. The State may purchase or requisition assets of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions in accordance with regulations of law on purchase and requisitioning of assets.

2. Ensure equality in business and investment environment between pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions, and other enterprises and business entities.

3. Give pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions autonomy in their organization, operation, production and business activities without intervening in their lawful operations.

Article 6. Political organizations and socio-political organizations of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions

1. Political organizations and socio-political organizations of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall operate in accordance with the Constitution the laws of Vietnam and their own charters.

2. Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall enable their members and employees to establish and join such organizations mentioned in Clause 1 of this Article.

Article 7. Prohibited acts

1. Regulatory authorities are prohibited from:

a) Issuing cooperative or pre-cooperative registration certificate to ineligible applicants; refusing to issue cooperative or pre-cooperative registration certificate to applicants that meet eligibility requirements laid down in this Law;

b) Obstructing the performance of legitimate rights and obligations of pre-cooperative, cooperatives, cooperative unions and their members as prescribed in this Law;

c) Giving assistance or incentives to pre-cooperative, cooperatives or cooperative unions without complying with principles and provisions on eligible entities, authority, contents and procedures laid down in laws;

d) Abusing their positions and powers to violate regulations of law on assistance and provision of incentives for pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions;

dd) Delaying, obstructing or harassing pre-cooperative, cooperatives, cooperative unions and relevant organizations and individuals during registration, operation of, or provision of assistance to, pre-cooperative, cooperatives or cooperative unions;

e) Deliberately reporting or providing incorrect or untruthful information on assistance or incentives for pre-cooperative, cooperatives or cooperative unions.

2. Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions are prohibited from:

a) Operating without obtaining registration certificate as prescribed in this Law; operating without satisfying eligibility requirements laid down in this Law and relevant laws;

b) Providing untruthful or incorrect information in the application for registration of pre-cooperative, cooperative or cooperative union;

c) Improperly implementing or applying principles for organization, management and operation laid down in this Law;

d) Providing false or untruthful information or forging documents for personal gain;

dd) Using resources for the purposes other than the intended ones.

3. Members of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions are prohibited from:

a) Abusing positions and powers to obtain personal gain or interests for a group of members;

b) Providing untruthful information for their pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.

Article 8. Principles for organization, management and operation of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions

1. Voluntary and open membership.

Organizations and individuals may establish, join or leave pre-cooperative, cooperatives or cooperative unions of their own will. Pre-cooperative, cooperatives or cooperative unions attach much importance to interests of their members and increase membership engagement; irrespective of their gender, social position, ethnic group or religion, membership is open to all.

2. Democratic and equal organization and management.

Organization and operation of an pre-cooperative shall be decided by its members on a democratic basis. Official members of a cooperative or cooperative union are allowed to engage in the organization, management and operation of that cooperative or cooperative union in a democratic and equal manner, regardless of their stakes.

3. Economic participation by members of a cooperative or cooperative union

Official members shall make capital contribution when joining the cooperative or cooperative union, and jointly control capital, funds and assets of the cooperative or cooperative union; have incomes distributed primarily according to their levels of use of products/services or levels of labour contribution.

4. Autonomy.

Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall have autonomy in their operation before the Constitution and the law of Vietnam.

5. Education, training and information.

Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall attach special importance to the dissemination of guidelines of the Communist Party of Vietnam as well as the State policies and laws on development of collective economy to their members, general public and young people; regularly provide education, training and re-training for improving qualifications and technical skills for their members and employees; provide adequate, accurate and timely information for their members.

6. Cooperation.

Members shall cooperate and assist each other with the aim of enriching themselves and their communities. Pre-cooperative are encouraged to participate in establishment of cooperatives; cooperatives are encouraged to cooperate in establishment of cooperative unions so as to improve their capability to participate in production and consumption chains of products and services. Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions are encouraged to establish and participate in representative bodies and Vietnam Cooperative Alliance system so as to develop domestic and international cooperative movement. Linkages between pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions, and other organizations, especially state-owned enterprises, in assisting the development of such linkages, consuming and using products/services should be strengthened with the aim of facilitating effective operation of such pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.

7. Concern for community.

Pre-cooperative, cooperatives, cooperative unions and young people shall express their concern and work for the development of a community of their members featuring solidarity and mutual assistance, and the development of local, regional, national and international residential communities.

Article 9. Rights of cooperatives and cooperative unions

Every cooperative or cooperative union has the right to:

1. Operate in such a way to effectively achieve its set objectives and goals.
2. Decide its organizational structure, management and operation; hire and use employees.
3. Freely engage in any business line that is not banned by laws.
4. Request its members to register their demands for products/services so as to develop and implement an appropriate plan for supply of products/services to its members.
5. Supply products/services to entities other than its members after having

fulfilling all obligations to and ensuring interests of its members as prescribed in its charter or relevant laws.

6. Provide services and organize economic, social and cultural activities for the purposes of improving living conditions of its members and communities, and achieving sustainable development.

7. Engage in implementation of policies, programs and projects on economic, cultural and social development, political security, social safety and public order, and environmental protection in residential communities.

8. Admit new members and terminate membership in accordance with regulations of law on cooperatives.

9. Increase or decrease charter capital during its operation.

10. Raise capital in accordance with regulations of law.

11. Grant internal loans as prescribed in this Law.

12. Monitor revenues and expenses on its internal transactions separately from those on its external transactions.

13. Enter into joint ventures, linkages and cooperation with domestic and foreign organizations and individuals for achieving its operational objectives.

14. Make capital contribution to, purchase shares of, or establish enterprises with the aim of supporting its operations.

15. Distribute its incomes and settle its losses and debts.

16. Join in its representative body.

17. File complaints or denunciations of acts of infringing upon its legitimate rights and interests in accordance with regulations of law; settle internal disputes and take actions against violating members in accordance with its charter.

18. Exercise other rights as prescribed by law and its charter.

Article 10. Obligations of cooperatives and cooperative unions

Every cooperative or cooperative union is obliged to:

1. Admit membership upon fulfillment of all of eligibility requirements laid down in this Law, its charter and relevant laws.

2. Ensure legitimate rights and interests of its members in accordance with this Law and its charter.

3. Perform all agreements made with its members, and give priority to demands registered by its members over those of non-member entities.

4. Comply with regulations of law on finance, taxation, accounting, auditing and statistics, and relevant laws.

5. Manage and use its capital, assets and funds in accordance with regulations of law and its charter.

6. Manage and use land and resources in accordance with regulations of law.

7. Conclude and perform employment contracts, pay social insurance contributions and implement other policies for its employees in accordance with regulations of law.

8. Provide education, training and re-training for its members and employees.

9. Fulfill the cooperative/cooperative union registration obligations in an accurate, adequate and timely manner as prescribed in this Law.

10. Disclose information to its members as prescribed in Article 14 of this Law and make information disclosure as prescribed in relevant laws.

11. Make compensation for damage caused to its members in accordance with regulations of law and its charter.

12. Make, update and retain its register of official/contributing members.

13. Comply with reporting regulations and update information on its operating status in accordance with regulations of law.

14. Perform other obligations as prescribed by law and its charter.

Article 11. Legal representatives of cooperatives and cooperative unions

1. The legal representative of a cooperative or cooperative union is the person that, on behalf of the cooperative or cooperative union, exercises and performs the rights and obligations in its transactions, acts as the plaintiff, defendant or person with relevant interests and duties before a court or arbitral tribunal, and performs other rights and obligations as prescribed by law.

2. A cooperative or cooperative union may have one or several legal representatives. The quantity, position, rights and obligations of the legal representative, and division of rights and obligations amongst legal representatives (in case there are several legal representatives) shall be specified in the charter of the cooperative or cooperative union.

3. A cooperative or cooperative union shall have at least one legal representative residing in Vietnam. In case a cooperative or cooperative union has the only one legal representative but this representative fails to perform or is unable to perform his/her rights and obligations, and does not authorize any person to do so within 30 days, the cooperative or cooperative union shall convene the General Meeting of Members (GMM) to elect a new legal representative within 15 days from the expiration of the abovementioned period.

4. The court and other proceeding authorities are entitled to appoint the legal representative to participate in proceedings as prescribed by law.

Article 12. Document retention

1. A cooperative or cooperative union shall retain the following documents in accordance with regulations of law:

a) Its charter, regulations and rules; register of official/contributing members;

b) Cooperative registration certificate; certificates of intellectual property rights; certificates of registration of product/service quality; licenses for conditional business lines and other relevant documents;

- c) Documents proving its ownership and rights to use assets;
 - d) Certificates of capital contribution of official/contributing members; minutes and resolutions of the establishment meeting, GMM, Board of Directors; decisions issued by the cooperative or cooperative union;
 - dd) Its financial statements, accounting books, records and other accounting documents.
 - e) Conclusions given by inspecting authorities and auditor's reports (if any);
 - g) Other documents as prescribed in its charter.
2. An pre-cooperative shall retain the following documents in accordance with regulations of law:
- a) Cooperation contract;
 - b) Pre-cooperative registration certificate (if any);
 - c) Records of contributions made by its members;
 - d) Other documents as prescribed in the cooperation contract.

Article 13. National cooperative information system

1. The national cooperative information system includes the national cooperative portal, the pre-cooperative, cooperative and cooperative union database, relevant databases and technical infrastructure systems.
2. The national cooperative information system shall be established consistently from central to local government; must be standardized for updating, use and management of information therein using information technology.
3. The Minister of Planning and Investment of Vietnam shall issue regulations on information, update, use and management of the national cooperative information system.

Article 14. Disclosure of information to members of cooperatives and cooperative unions

1. A cooperative or cooperative union shall be required to disclose the following information to its members, including:
- a) Its charter and internal regulations;
 - b) Resolutions of the GMM, Board of Directors, and decisions issued by the Director (General Director);
 - c) List of official/contributing members, in which holding of each member must be specified;
 - d) Annual financial statements;
 - dd) Information on management and use of its undistributed fund and undistributed assets;
 - e) Information on education, training and re-training for its members and employees;
 - g) Other information to be disclosed as prescribed by its charter.
2. The cooperative or cooperative union must openly post the information specified

in Clause 1 of this Article at its head office within 05 working days from the issuance date of the document containing such information, and provide such information for its members when requested. Information must be posted for a minimum of at least 30 days from the posting date.

Article 15. Register of members of cooperatives and cooperative unions

1. Register of official/contributing members of a cooperative or cooperative union is a physical or electronic document which shall inter alia contain the following information:

- a) Name, code and head office's address of the cooperative or cooperative union;
- b) Full name, contact address, nationality, personal identification number or legal document number of members that are individuals; names, EID numbers or legal document numbers and head office's address of members that are organizations;
- c) Stakes, holdings, contribution time, types of contributed assets, quantity and value of each type of contributed assets of each member;
- d) Number and issuance date of capital contribution certificate of each member.

2. The compilation of the register of non-members shall be subject to the decision of the cooperative or cooperative union.

Article 16. Classification of cooperatives

1. Cooperatives shall be classified into micro, small, medium and large cooperatives according to the number of their official members and one of the following two criteria:

- a) Revenue;
- b) Total capital.

2. Micro, small, medium and large cooperatives shall be determined according to their scope of operation.

3. The Government shall elaborate this Article.

Chapter II

**STATE POLICIES FOR DEVELOPMENT OF Pre-cooperative,
COOPERATIVES AND COOPERATIVE UNIONS**

Article 17. Rules for implementing State policies

1. Contents, subjects, procedures, resources, levels and results of assistance must be transparent and publicly disclosed.

2. The implementation of State policies must be in line with the master program for development of collective economy, and appropriate to the State's ability to balance its resources in each period.

3. In case an pre-cooperative, cooperative or cooperative union is eligible for multiple levels of assistance under the same policy within a given period as prescribed in

this Law and relevant laws, it shall be entitled to the most favorable level of assistance.

Article 18. Criteria for beneficiary selection

1. A cooperative or cooperative union shall be eligible for assistance policies if meeting the following criteria:

a) It is not serving any administrative penalty for committing the prohibited acts specified in Clause 2 Article 7 of this Law, or a Court's criminal sentence in effect;

b) It admits membership or increases internal transaction rate or develops undistributed fund/undistributed assets or provides education, training and re-training for its members and employees or is newly established in a disadvantaged or extremely disadvantaged area as prescribed by laws;

c) The auditor's report is available, if required by the assistance policy.

2. An pre-cooperative shall be eligible for assistance policies if meeting the following criteria:

a) It has a valid pre-cooperative registration certificate;

b) It is not serving any administrative penalty for committing the prohibited acts specified in Clause 2 Article 7 of this Law;

c) It admits membership or provides education, training and re-training for its members and employees or is newly established in a disadvantaged or extremely disadvantaged area as prescribed by laws.

3. If there are multiple cooperatives and/or cooperative unions meeting the criteria laid down in Clause 1 of this Article, or there are multiple pre-cooperative meeting the criteria laid down in Clause 2 of this Article, they shall be selected according to the following order of priority: number of members; number of members who are disabled persons; number of members who are ethnic minorities; number of members and employees participating in compulsory social insurance and those participating in voluntary social insurance; number of women executives, members and employees; area of operations (in disadvantaged or extremely disadvantaged area); participation in value chain linkages and/or sectoral linkage clusters associated with green economy, circular economy, knowledge economy, organic agriculture, climate change adaptation and digital transformation for sustainable development; organization or participation in activities for benefits and interests of residential communities.

4. The Government shall elaborate this Article.

Article 19. Funding for implementing State policies

1. Funding from state budget as prescribed by the law on state budget.

2. Funding from exemption and reduction of taxes, fees, charges, land rents, land levy and other amounts payable to state budget as prescribed by law.

3. Funding from concessional loans granted in accordance with regulations of law.

4. Funding lawfully raised from or granted by domestic and foreign organizations and individuals.

Article 20. Policies for development of human resources, information provision and consultancy

1. Formulate and include training contents in collective economy in training programs of certain higher education institutions, and training programs in political theory and state management.

2. Formulate and provide training and re-training programs for members and employees of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions, regulatory authorities, representative bodies, and relevant authorities and organizations.

3. Pay salaries and bonuses and provide other benefits to attract highly-skilled human resources to pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.

4. Formulate and implement communications programs for increasing awareness and knowledge of administration, production and business of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.

5. Provide information and legal counseling for, and assist in access to funding sources and other matters during the establishment, operation, reorganization, dissolution and bankruptcy of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions;

6. Develop a network of providers of legal counseling services for pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.

7. Develop effective operating models of cooperatives and cooperative unions in a large scale.

8. Promote international cooperation in providing full-time training programs in collective economy.

9. The Government shall elaborate this Article.

Article 21. Land policies

1. In their land use plannings and plans, local governments should prioritize the leasing of land areas to pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions; give incentives regarding land rents and leasing period to pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions that do not receive land leasing assistance as prescribed in the land law and relevant laws.

2. Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall be eligible for lent exemption/reduction when using land/land areas containing water surface leased directly by the State or receive the State subsidies for paying rents on land/land areas containing water surface leased or sub-leased by other organizations, family households or individuals in accordance with regulations of the land law.

3. The State shall enable pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions to use land stably during their business in accordance with regulations of the land law.

Article 22. Policies on taxes, fees and charges

1. Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall be entitled to the most favorable tax, fee and charge incentives for the same business line and in the same area in accordance with regulations of law on taxes, fees and charges.

2. Pre-cooperative registration charges and fees for disclosing registration information on electronic information systems of business registration authorities shall not be collected.

3. Corporate income tax (CIT) shall be exempted and reduced in accordance with regulations of the CIT Law in the following cases:

a) Incomes earned from internal transactions of a cooperative or cooperative union;

b) Incomes earned by an pre-cooperative, cooperative or cooperative union when cooperating with other organizations and individuals in establishing value chains/ sectoral business clusters associated with green economy, circular economy and knowledge economy for sustainable development;

c) Other cases as prescribed in the CIT Law.

4. CIT on incomes forming undistributed funds and assets of cooperatives and cooperative unions shall be exempted in accordance with regulations of the CIT Law.

5. Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall be entitled to exemption and reduction of license fees as prescribed by the law on fees and charges.

6. Organizations and individuals shall be exempted from payment of registration fees when following procedures for transfer of land use rights or ownership of assets which they contribute to cooperatives and cooperative unions in accordance with regulations of law on fees and charges.

Article 23. Policies on access to funding and insurance

1. Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall be entitled to:

a) Apply for concessional loans from credit institutions as prescribed by laws;

b) Apply for concessional loans, post-investment interest rate incentives and investment credit guarantee of cooperative development assistance funds in accordance with the Government's regulations;

c) Be given priority to access funding of science and technology development fund, environmental protection fund, climate change adaptation fund and other financial institutions for the purpose of sustainable development as prescribed by laws;

d) Cooperatives and cooperative unions operating in financial and banking sector shall receive assistance in increasing their financial capability;

dd) Be given priority and assistance to participate in investment promotion activities of ministries, regulatory authorities and local governments.

2. When purchasing insurance for their undistributed assets, pre-cooperative,

cooperatives and cooperative unions shall be entitled to insurance premium subsidies as prescribed by the Law on insurance business.

3. When purchasing voluntary social insurance, members of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall be entitled to insurance contribution subsidies granted by the State in accordance with regulations of the law on social insurance.

Article 24. Policies for application of science and technology, innovation and digital transformation

Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall be given assistance in:

1. Adopting innovations and improving their productivity on the basis of science and technology and innovations; developing models of green economy, circular economy, and reduction of greenhouse gas emissions; adopting technological innovations, accessing, promoting, developing and owning technologies through research, provision of training and consultancy, searching for technologies, reverse engineering and technology transfer; establishing, managing, using, protecting and developing intellectual property.

2. Adopting digital transformation and applying e-commerce to their production and distribution of products by means of development of information technology infrastructure and provision of shared terminal devices, software programs and applications.

3. Building and connecting their own websites to the National cooperative information system.

4. They will be provided with funding for using technology transfer consulting services according to their requests and under specific service contracts signed with relevant service providers.

5. The Government shall elaborate this Article.

Article 25. Policies on market access and research

Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall be given assistance in:

1. Accessing legal and economic information; doing market survey and research; accessing forecasts and warnings of trade remedies against Vietnam's exports.

2. Establishing raw material areas, producing and selling products, applying and obtaining certificates of conformity to relevant quality standards for market development.

3. Building and registering brands and origin of their products; registering and adopting marketing strategies for their products.

4. Developing products, goods and services of local origin and with typical economic and cultural values and advantages of their local areas.

5. Organizing or participating in domestic and foreign trade fairs and exhibitions; building, developing and participating in e-commerce trading floors.

6. Participating in trade promotion activities of ministries, regulatory authorities and local governments.

7. The Government shall elaborate this Article.

Article 26. Policies for investment in development of infrastructure and equipment

1. Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall be given assistance in investing in development of infrastructure and equipment serving their production and business, social security, environmental protection and climate change adaptation.

2. Some State infrastructure structures serving public interests of communities shall be transferred to local pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions for management, operation, repairing and maintenance as prescribed by laws.

3. Some public works and other infrastructure systems shall be transferred to pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions for use as their head offices, warehouse facilities, stores/showrooms selling, displaying and introducing products or for serving their business as prescribed by laws.

4. Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions shall be provided with financial assistance for making investment in and construction of infrastructure for establishing chains of production, supply of processing services and consumption of their products.

5. The Government shall elaborate this Article.

Article 27. Policies for assistance in financial consultancy and risk assessment

1. Micro and small cooperatives shall be granted audit fee subsidies when they are eligible for the State's assistance policies as prescribed.

2. Representative bodies and Vietnam Cooperative Alliance system shall be given assistance in carrying out risk assessment and financial consultancy; conducting their internal control and providing internal control consulting for pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.

3. The Government shall elaborate this Article.

Article 28. Policies for assistance in agricultural operations

1. In addition to the provisions of Articles 20 through 27 of this Law, pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions operating in agricultural sector shall be also entitled to:

a) Agricultural insurance subsidies as prescribed in the Law on insurance business;
b) Assistance in accessing to funding sources, plant varieties, animal breeds, science and technology applications when they adopt sustainable production, organic agriculture and climate change adaptation;

c) Financial assistance for building infrastructure of raw material areas when they establish concentrated raw material areas using land use rights that they receive as capital contribution or land/land areas containing water surface leased by other organizations, family households and individuals.

2. The Government shall elaborate Point b and Point c Clause 1 of this Article.

Article 29. Cooperative development assistance funds

1. Cooperative development assistance funds are off-budget state financial funds or financial organizations that operate for nonprofit purposes, follow the capital preservation and growth principle, and have autonomy in raising and use of capital for performing the following tasks:

a) Consider granting concessional loans, post-investment interest rate incentives and investment credit guarantee to cooperatives and cooperative unions, and to members of pre-cooperative and cooperatives, except members that are enterprises;

b) Receive, manage and use capital from domestic and foreign sources, donations, grants, contributions and entrusted capital of domestic and foreign organizations and individuals in accordance with regulations of law;

c) Raise capital from domestic organizations and individuals in accordance with regulations of law;

d) Offer and receive trusteeship in granting loans; provide financial and investment consultancy, and training for customers that get loans from cooperative development assistance funds in accordance with regulations of law.

2. Vietnam Cooperative Development Assistance Fund is affiliated to the central government. Provincial-level cooperative development assistance funds are established in provinces or central-affiliated cities.

3. The Government shall elaborate the establishment, organization and operation of cooperative development assistance funds.

Chapter III

MEMBERS OF COOPERATIVES AND COOPERATIVE UNIONS

Section 1.

MEMBERS OF COOPERATIVES

Article 30. Qualification for membership

1. An official member or contributing member of a cooperative must be:

a) a Vietnamese citizen who is aged 18 or older and has full capacity for civil acts;

b) an individual that is a foreign investor possessing a valid investment registration certificate as prescribed by the Law on investment;

c) a family household, pre-cooperative or another organization that does not have the status of juridical person, and is duly established and operating in Vietnam. These organizations must appoint their representatives as prescribed by the Civil Code to perform rights and obligations of a member of the cooperative; or

d) a Vietnamese juridical person.

2. A non-contributing member of a cooperative must be:

a) an individual that is a Vietnamese citizen, or a foreigner lawfully residing in Vietnam, who is aged 18 or older and has full capacity for civil acts;

b) a Vietnamese citizen who is aged 15 to under 18, and is not incapacitated or a person with limited capacity for civil acts or a person with difficulty in awareness or control of his/her own acts. When entering into civil transactions or performing certain works, this member must also meet relevant conditions laid down in relevant laws;

c) a family household, pre-cooperative or another organization that does not have the status of juridical person, and is duly established and operating in Vietnam. These organizations must appoint their representatives as prescribed by the Civil Code to perform rights and obligations of a member of the cooperative; or

d) a Vietnamese juridical person.

3. Organizations and individuals must submit applications for voluntary admission, make capital contribution or pay membership fees, and meet relevant conditions laid down in this Law and the cooperative's charter.

4. An organization or individual may become a member of more than one cooperative, unless otherwise prescribed by a cooperative's charter.

5. In order to become an official member or contributing member of a cooperative, an individual that is a foreign investor or a foreign-invested organization shall be required to meet:

a) Market access conditions for foreign investors laid down in the Law on investment and relevant laws;

b) Conditions for ensuring national defense and security laid down in the Law on investment.

6. A cooperative that admits foreign-invested organizations and/or individuals that are foreign investors as its official members or contributing members shall be required to meet market access conditions for foreign investors laid down in the Law on investment and relevant laws.

7. Total number of official members that are foreign-invested organizations and individuals being foreign investors must be less than 35% of total official members of a cooperative.

Article 31. Rights of members

1. A cooperative's official member shall be entitled to:

a) be provided by the cooperative with products, services and employment;

b) receive incomes distributed in accordance with this Law and the cooperative's charter;

c) receive welfare benefits of the cooperative;

d) attend or elect delegates to the GMM;

- dd) vote on matters falling under the jurisdiction of the GMM;
 - e) stand as a candidate for or nominate persons to the position of members of the Board of Directors, Director (General Director), members of the Board of Controllers or Controller and other managerial positions to be elected;
 - g) request the Board of Directors, Director (General Director), members of the Board of Controllers or Controller to explain the cooperative's operations;
 - h) request the Board of Directors, Director (General Director), members of the Board of Controllers or Controller to convene extraordinary GMM;
 - i) be provided with necessary information concerning the cooperative's operations; be provided with training and re-training for improving the member's professional qualifications to serve the cooperative's operation;
 - k) leave the cooperative in accordance with this Law and the cooperative's charter;
 - l) have part or entire amount of the member's stakes returned as prescribed in this Law and the cooperative's charter;
 - m) receive the remaining assets of the cooperative in accordance with this Law and the cooperative's charter;
 - n) file complaints, denunciations or lawsuits in accordance with regulations of law;
 - o) exercise other rights as prescribed by law and the cooperative's charter.
2. A cooperative's contributing member shall be entitled to:
- a) exercise the rights specified in Points b, c, g, i, k, l, m, n and o Clause 1 of this Article;
 - n) attend and comment without voting in meetings of the GMM, if invited.
3. A cooperative's non-contributing member shall be entitled to:
- a) exercise the rights specified in Points a, c, i, k, n and o Clause 1 of this Article;
 - n) attend and comment without voting in meetings of the GMM, if invited.
- Article 32. Obligations of members**
1. A cooperative's official member shall be obliged to:
- a) make capital contributions in full and on schedule as promised in the cooperative's charter;
 - b) use the cooperative's products/services as registered or make labour contribution as agreed upon with the cooperative;
 - c) assume liability for the cooperative's debts and other financial obligations which is equal to the member's stakes in the cooperative;
 - d) make compensation for damage caused to the cooperative in accordance with regulations of law and the cooperative's charter;
- dd) comply with guidelines, objectives, charter and internal regulations of the cooperative, resolutions of the GMM, and decisions issued by the Board of Directors (in case of fully-organized management model) or by the Director (in case of simplified management model);

e) perform other obligations as prescribed by law and the cooperative's charter.

2. Contributing members shall be obliged to perform the obligations in points a, c, d, dd and e Clause 1 of this Article.

3. A cooperative's non-contributing member shall be obliged to:

a) pay membership fees as prescribed in the cooperative's charter. Membership fees must not be paid to state budget as prescribed by the Law on fees and charges.

b) perform the obligations in Points b, d, dd and e Clause 1 of this Article.

Article 33. Termination of membership

1. The membership of an official member shall be terminated in the following cases:

a) A member that is an individual dies; is declared by a Court dead, missing or incapacitated, or to be a person with limited capacity for civil acts or difficulty in awareness or control of his/her own acts;

b) A member that is an organization ceases to exist, is dissolved or declared bankrupt;

c) The cooperative ceases to exist, is dissolved or declared bankrupt;

d) A member voluntarily leaves the cooperative;

dd) A member is expelled according to the cooperative's charter;

e) A member has neither used products/services nor made labour contribution for a consecutive period prescribed in the cooperative's charter;

g) At the capital contribution time, a member fails to make capital contribution as promised or makes a capital contribution which is lower than the minimum capital contribution prescribed in the cooperative's charter.

2. The membership of contributing members shall be terminated according to Points a, b, c, d, dd and g Clause 1 of this Article.

3. The membership of a non-contributing member shall be terminated:

a) In the cases specified in Points a, b, c, d, dd and e Clause 1 of this Article; or

b) if the member fails to pay membership fees as prescribed in the cooperative's charter.

4. The authority to decide termination of membership, and settlement of rights and obligations of members that have their membership terminated shall comply with the provisions of this Law and the cooperative's charter.

Section 2.

MEMBERS OF COOPERATIVE UNIONS

Article 34. Qualification for membership

1. Members of a cooperative union include:

a) Official members that are cooperatives; and

b) Contributing members and non-contributing members that have the status of Vietnamese juridical person.

2. Cooperatives and Vietnamese juridical persons must submit applications for voluntary admission, make capital contribution, and meet relevant conditions laid down in this Law and the cooperative union's charter.

3. A member of a cooperative union may also be member in other cooperative unions, unless otherwise prescribed by a cooperative union's charter.

4. In order to become an official member or contributing member of a cooperative union, a foreign-invested organization shall be required to meet:

a) Market access conditions for foreign investors laid down in the Law on investment and relevant laws;

b) Conditions for ensuring national defense and security laid down in the Law on investment.

5. A cooperative union that admits foreign-invested organizations as its official members or contributing members shall be required to meet market access conditions for foreign investors laid down in the Law on investment and relevant laws.

6. Total number of official members that are foreign-invested organizations must be less than 35% of total official members of a cooperative union.

Article 35. Rights of members

1. An official member of a cooperative union shall be entitled to:

a) be provided by the cooperative union with products, services and employment;

b) receive incomes distributed in accordance with this Law and the cooperative union's charter;

c) receive welfare benefits of the cooperative union;

d) attend or elect delegates to the GMM;

dd) vote on matters falling under the jurisdiction of the GMM;

e) stand as a candidate for or nominate persons to the position of members of the Board of Directors, Director (General Director), members of the Board of Controllers or Controllers and other managerial positions to be elected;

g) request the Board of Directors, Director (General Director), members of the Board of Controllers or Controller to explain the cooperative union's operations;

h) request the Board of Directors, Director (General Director), members of the Board of Controllers or Controller to convene extraordinary GMM;

i) be provided with necessary information concerning the cooperative union's operations; be provided with training and re-training for improving the member's professional qualifications to serve the cooperative union's operation;

k) leave the cooperative union in accordance with this Law and the cooperative union's charter;

l) have partial or entire amount of the member's stakes returned as prescribed in this Law and the cooperative union's charter;

m) receive the remaining assets of the cooperative union in accordance with this Law and the cooperative union's charter;

n) file complaints, denunciations or lawsuits in accordance with regulations of law;

o) exercise other rights as prescribed by law and the cooperative union's charter.

2. A cooperative union's contributing member shall be entitled to:

a) exercise the rights specified in Points b, c, g, i, k, l, m, n and o Clause 1 of this Article;

n) attend and comment without voting in meetings of the GMM, if invited.

3. A cooperative union's non-contributing member shall be entitled to:

a) exercise the rights specified in Points a, c, i, k, n and o Clause 1 of this Article;

n) attend and comment without voting in meetings of the GMM, if invited.

Article 36. Obligations of members

1. A cooperative union's official member shall be obliged to:

a) make capital contributions in full and on schedule as promised in the cooperative union's charter;

b) use the cooperative union's products/services as registered or make labour contribution as agreed upon with the cooperative union;

c) assume liability for the cooperative union's debts and other financial obligations which is equal to the member's stakes in the cooperative union;

d) make compensation for damage caused to the cooperative union in accordance with regulations of law;

dd) comply with guidelines, objectives, charter and internal regulations of the cooperative union, resolutions of the GMM and decisions issued by the Board of Directors (in case of fully-organized management model) or by the Director (in case of simplified management model);

e) perform other obligations as prescribed by law and the cooperative union's charter.

2. Contributing members of a cooperative union shall be obliged to perform the obligations in points a, c, d, dd and e Clause 1 of this Article.

3. A cooperative union's non-contributing member shall be obliged to:

a) pay membership fees as prescribed in the cooperative union's charter. Membership fees must not be paid to state budget as prescribed by the Law on fees and charges.

b) perform the obligations in Points b, d, dd and e Clause 1 of this Article.

Article 37. Termination of membership

1. The membership of a cooperative union's official member shall be terminated in the following cases:

- a) A member ceases to exist, or is dissolved or declared bankrupt;
- b) The cooperative union ceases to exist, or is dissolved or declared bankrupt;
- c) A member voluntarily leaves the cooperative union;
- d) A member is expelled according to the cooperative union's charter;
- dd) A member has neither used products/services nor made labour contribution for a consecutive period prescribed in the cooperative union's charter;
- e) At the capital contribution time, a member fails to make capital contribution as promised or makes a capital contribution which is lower than the minimum capital contribution prescribed in the cooperative union's charter.

2. The membership of contributing members of a cooperative union shall be terminated according to Points a, b, c, d and e Clause 1 of this Article.

3. The membership of a cooperative union's non-contributing member shall be terminated:

- a) In the cases specified in Points a, b, c, d and dd Clause 1 of this Article; or
- b) if the member fails to pay membership fees as prescribed in the cooperative union's charter.

4. The authority to decide termination of membership and settlement of rights and obligations for members that have their membership terminated shall comply with the provisions of this Law and the cooperative union's charter.

Chapter IV

ESTABLISHMENT OF COOPERATIVES AND COOPERATIVE UNIONS

Article 38. Founders

1. Founders of a cooperative are individuals and/or organizations that voluntarily engage in the establishment of that cooperative and shall become its official members.

Founders of a cooperative union are cooperatives that voluntarily engage in the establishment of that cooperative union and shall become its official members.

2. Founders shall mobilize and disseminate information about the establishment; develop business plan and draft charter; make preparations and perform other works necessary for convening the meeting on establishment of the cooperative or cooperative union.

3. Founders may seek consultancy and assistance in establishing the cooperative or cooperative union from business registration authority, competent authority or representative body in local area where the cooperative or cooperative union will be established.

4. Founders that are foreign-invested organizations or individuals that are foreign

investors shall be required to meet market access conditions for foreign investors laid down in the Law on investment and relevant laws.

Article 39. Establishment meeting

1. The meeting on establishment of a cooperative or cooperative union shall be convened by its founder(s) with the participation of:

- a) Founders that are individuals;
- b) Legal representatives or authorized representatives of founders that are organizations;
- c) Individuals, legal representatives or authorized representatives of other organizations that wish to become members of the cooperative or cooperative union;
- d) Representatives of representative bodies may attend but not vote at the meeting, if invited.

2. The meeting on establishment of a cooperative or cooperative union shall be organized according to the following order:

- a) Discuss the draft charter; list of members; business plan; management model;
- b) Ratify the charter;
- c) Ratify the list of members, including individuals and organizations that vote for the charter and are qualified for membership as prescribed in this Law and relevant laws.

3. Official members shall decide the following contents:

- a) The business plan;
- b) Election of members and Chairperson of the Board of Directors (in case of fully-organized management model) or Director (in case of simplified management model). The Board of Directors shall appoint Director (or General Director);
- c) Election of members and head of the Board of Controllers (in case of fully-organized management model) or Controller (in case of simplified management model);
- d) The person authorized to follow cooperative or cooperative union registration procedures and perform other tasks in establishment, organization and operation of the cooperative or cooperative union.

4. Official members and contributing members shall conduct valuation and ratify valuation results of assets contributed as capital by members as prescribed in Clause 1 Article 77 of this Law.

5. The resolution of the establishment meeting shall, inter alia, have the contents in Clause 3 of this Article and must be ratified under the majority rule. Each member shall have one vote.

Article 40. Charter of cooperatives and cooperative unions

The charter of a cooperative or cooperative union must not be contrary to this Law and relevant laws, and shall, inter alia, have the following contents:

1. Name, head office's address; logo (if any) of the cooperative or cooperative union;
2. Business lines of the cooperative or cooperative union;
3. Qualification for membership and admission procedures;
4. Cases of membership termination and procedures, including the following conditions for membership termination:
 - a) Cases of expulsion of members;
 - b) Level of frequent use of products/services or consecutive period over which an official member fails to make labour contribution;
 - c) Minimum value of products/services which must be used by an official member;
5. Rights and obligations of members;
6. Management model; authority of the GMM; tasks and powers of the Board of Directors, Director (General Director) and Board of Controllers (in case of fully-organized management model) or tasks and powers of Director and Controller (in case of simplified management model);
7. Quantity, titles, rights and obligations of the legal representative; division of rights and obligations between legal representatives (if the cooperative or cooperative union has more than one legal representative);
8. The charter capital; increase/decrease in charter capital; minimum and maximum capital contributions, contribution method and time limit; valuation of contributed assets; partial or full return of stakes to official/contributing members;
9. Membership fees payable by non-contributing members, if any;
10. Methods for convening the GMM; voting at the GMM; electing delegates to attend and vote at the GMM in case the GMM is organized in the form of a delegate meeting;
11. Minimum internal transaction rate;
12. Investment, capital contribution, purchase of shares, establishment of enterprises, joint ventures or associations with other business entities;
13. Establishment of funds; contributions to funds; income distribution method;
14. Financial management, use and settlement of assets, capital, funds and losses;
15. Rules for paying remunerations, salaries, wages, bonuses and other benefits to members of the Board of Directors, Director (General Director), members of the Board of Controllers or Controller, and employees;
16. Procedures for issuance, re-issuance, replacement and revocation of certificates of capital contribution;
17. Procedures for revising the charter;
18. Actions against overdue debts of members;
19. Actions against violations against the charter and rules for settlement of internal disputes.

Article 41. Registration of cooperatives and cooperative unions

1. Registration of a cooperative or cooperative union includes registration of establishment of the cooperative or cooperative union; registration of conversion from an pre-cooperative into a cooperative; registration of operation of branch, representative office or business location of the cooperative or cooperative union; and other registration and notification obligations as prescribed in this Law.

2. Registration applications shall be submitted to business registration authorities adopting one of the following methods:

- a) Submit a physical application directly to the business registration authority;
- b) Submit a physical application by post;
- c) Submit applications through the electronic information system of the business registration authority.

3. The Government shall provide detailed regulations on business registration authorities and interconnected procedures for registration of cooperatives and cooperative unions.

4. The Minister of Planning and Investment of Vietnam shall promulgate forms of documents used in registering cooperatives and cooperative unions.

Article 42. Registration of establishment of cooperatives and cooperative unions

1. Before starting its operations, the person authorized to register the establishment of the cooperative or cooperative union (hereinafter referred to as “authorized person”) shall follow procedures for registration of its establishment with the business registration authority in charge of area where it will be located.

2. An application for registration of establishment of a cooperative or cooperative union includes:

- a) The application form;
- b) The charter;
- c) The resolution of the establishment meeting;
- d) The list of official members and contributing members;
- dd) The list of legal representatives who are Vietnamese citizens, in which their personal identification numbers must be specified; the list of legal representatives who are foreigners, accompanied with copies of their legal documents;
- e) The copy of the investment registration certificate as prescribed in Point b Clause 1 Article 30 of this Law;
- g) The copy of the investment registration certificate for the project on establishment of a cooperative or cooperative union in case the cooperative or cooperative union is established by individuals that are foreign investors or foreign-invested organizations as prescribed in the Law on investment.

3. The authorized person shall provide adequate, truthful and accurate information prescribed in Clause 2 of this Article, and assume legal responsibility for their provided information.

4. Within 03 working days from the receipt of the application, the business registration authority shall consider the validity of the application and issue the cooperative registration certificate. In case of invalid application, the business registration authority shall request the applicant in writing to make necessary modifications. If an application is refused, a written notice indicating reasons for refusal shall be given.

Article 43. Contents of application form for registration of establishment

An application form for registration of establishment of a cooperative or cooperative union shall, inter alia, include the following information:

1. Name of the cooperative or cooperative union;
2. Head office's address and telephone number of the cooperative or cooperative union;
3. Business lines of the cooperative or cooperative union;
4. Charter capital;
5. Number of official members and contributing members (members that are foreign investors or foreign-invested organizations must be identified);
6. Full name, signature, contact address, nationality, and personal identification number or number of legal document of the legal representative of the cooperative or cooperative union;
7. Tax registration information.

Article 44. Cooperative registration certificate

1. A cooperative registration certificate may be issued if:
 - a) The registered business lines are not banned;
 - b) The submitted application is valid;
 - c) Name of the cooperative or cooperative union is conformable with the provisions of this Law;
 - d) The application fees have been fully paid in accordance with regulations of law on fees and charges.

2. Cooperatives and cooperative unions may apply for re-issuance or replacement of their cooperative registration certificates in accordance with the Government's regulations and pay application fees in accordance with regulations of law.

Article 45. Contents of a cooperative registration certificate

A cooperative registration certificate shall, inter alia, have the following information:

1. Name of the cooperative or cooperative union;

2. Head office's address;
3. Identification number of the cooperative or cooperative union;
4. Charter capital;
5. Full name, contact address, nationality, personal identification number or number of legal document of the legal representative of the cooperative or cooperative union.

Article 46. Identification number of cooperatives and cooperative unions

1. Identification number of a cooperative or cooperative union is generated by the electronic information system of the business registration authority, and issued to the cooperative or cooperative union upon its establishment.

2. Each cooperative or cooperative union shall have a sole identification number which must not be issued to any other organization.

3. The identification number of a cooperative or cooperative union shall be used for fulfilling tax obligations, following administrative procedures, and performing other rights and obligations.

Article 47. Registration of revisions to cooperative registration certificate

1. A cooperative or cooperative union shall be required to follow procedures for registration of revisions to its cooperative registration certificate if there is any change in the information specified in Clauses 1, 2 and 5 Article 45 of this Law or a decrease or increase of at least 5% or at least VND 01 billion in its charter capital or when the cooperative or cooperative union undergoes reorganization. Procedures for registration of revisions:

a) Within 10 days from the occurrence of a revision to its cooperative registration certificate, the cooperative or cooperative union shall submit an application for registration of revisions to the business registration authority;

b) Within 03 working days from the receipt of the application, the business registration authority shall consider the validity of the application and issue the cooperative registration certificate. In case of invalid application, the business registration authority shall request the applicant in writing to make necessary modifications. If an application is refused, a written notice indicating reasons for refusal shall be given.

2. Procedures for registering revisions to the cooperative registration certificate under a court decision or arbitration award:

a) An application for registration of revisions to the cooperative registration certificate shall be submitted to the business registration authority within 10 days from the effective date of the court's decision or judgment or arbitration award;

b) Within 03 working days from the receipt of the application, the business registration authority shall consider the validity of the application and issue the

cooperative registration certificate in accordance with the effective court's decision or judgment or arbitration award. In case of invalid application, the business registration authority shall request the applicant in writing to make necessary modifications. If an application is refused, a written notice indicating reasons for refusal shall be given.

3. The Government shall elaborate documents required for registration of revisions to cooperative registration certificate.

Article 48. Notification of changes in registration information of cooperatives and cooperative unions

1. A cooperative or cooperative union shall notify the business registration authority of any changes in registered information about:

- a) Its business lines;
- b) Tax registration information;
- c) Information on official members and contributing members that are foreign-invested organizations or individuals being foreign investors.

2. Procedures for notification of changes:

a) Within 10 days from the occurrence of any change in Clause 1 of this Article, the cooperative or cooperative union shall send a written notification of change to the business registration authority;

b) Within 03 working days from the receipt of the notification, the business registration authority shall consider the validity of the notification and decide whether to accept the change. In case of invalid notification, the business registration authority shall request the cooperative or cooperative union in writing to make necessary modifications. If a notification is refused, a written notice indicating reasons for refusal shall be given.

3. Procedures for notifying changes in registration information of a cooperative or cooperative union under a court decision or arbitration award:

a) Within 10 days from the effective date of the court's decision or judgment or arbitration award, the person that requests to make the change (the requester) shall send a notification to the business registration authority;

b) Within 03 working days from the receipt of the notification, the business registration authority shall consider the validity of the notification and accept the change in accordance with the effective court's decision or judgment or arbitration award. In case of invalid notification, the business registration authority shall request the requester in writing to make necessary modifications. If a notification is refused, a written notice indicating reasons for refusal shall be given.

4. The Government shall elaborate documents required for notification of changes in registration information of cooperatives and cooperative unions.

Article 49. Disclosure of registration information of cooperatives and cooperative unions

1. After a cooperative registration certificate is granted to a cooperative or cooperative union, the business registration authority shall disclose registration information of that cooperative or cooperative union on its electronic information system. Information to be disclosed includes:

- a) Contents of the issued cooperative registration certificate;
- b) The business lines of the cooperative or cooperative union.

2. In case of registration of revisions to the cooperative registration certificate as prescribed in Article 47 of this Law or notification of changes in registration information of a cooperative or cooperative union as prescribed in Article 48 of this Law, such revisions or changes must be disclosed on the electronic information system of the business registration authority.

3. The information mentioned in Clause 1 and Clause 2 of this Article shall be disclosed for a consecutive duration of 30 days from the day on which the application or notification is accepted.

Article 50. Names of cooperatives, cooperative unions, and their branches, representative offices and business locations

1. The Vietnamese name of a cooperative or cooperative union shall contain two elements in the following order:

a) The cooperative's name shall begin with the phrase “Hợp tác xã”. The name of a cooperative development assistance fund that operates in the form of a cooperative shall begin with the phrase “Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã”. The name of a cooperative union shall begin with the phrase “Liên hiệp hợp tác xã”;

b) The proper name shall consist of letters in the Vietnamese alphabet, the letters F, J, Z, W, digits and symbols.

2. The foreign language name of a cooperative or cooperative union is the name translated from its Vietnamese name into one of Latin-based languages. The proper name of the cooperative or cooperative union may be kept unchanged or translated into the foreign language.

3. The abbreviated name of a cooperative or cooperative union may be abbreviation of either Vietnamese name or foreign language name.

4. The name of a branch, representative office or business location of a cooperative or cooperative union shall consist of the name of that cooperative or cooperative union and the phrase “Chi nhánh”, “Văn phòng đại diện” or “Địa điểm kinh doanh” respectively.

5. When selecting its proper name, a cooperative or cooperative union must not:

- a) use any name that is identical or confusingly similar to another cooperative or

cooperative union's name which is already registered nationwide;

b) use any name that infringes upon the industrial property rights with regard to trade name, brand name, or geographical indication of another organization or individual in accordance with regulations of the Law on intellectual property;

c) use the name of a state authority, the people's military unit, political organization, socio-political organization, socio-political-professional organization, or social-professional organization as part or all of its name, unless it is accepted by that authority, unit or organization;

d) use words or symbols against the country's history, culture, ethical values and good traditions.

6. Names of cooperatives and cooperative unions, and their branches and representative offices must be registered with business registration authorities.

7. The Government shall elaborate this Article.

Article 51. Head offices of cooperatives and cooperative unions

Head office of a cooperative or cooperative union shall be located within the territory of Vietnam, and be its mailing address.

Article 52. Seals of cooperatives and cooperative unions

1. The seal of a cooperative or cooperative union can be physical or digital as prescribed in the Law on electronic transactions.

2. Each cooperative or cooperative union shall decide the type, quantity, design and contents of its seal and the seals of its branches, representative offices and other affiliated units.

3. The management and storage of seals shall comply with the charter or regulations adopted by the cooperative or cooperative union, its branch, representative office or another affiliated unit that owns the seal. The cooperative or cooperative union shall use the seal during its operation as prescribed by law.

Article 53. Branches, representative offices and business locations of cooperatives and cooperative unions

1. A branch of a cooperative or cooperative union is its dependent unit that has some or all functions of the cooperative or cooperative union, including authorized representative. The business lines of the branch shall match those of the cooperative or cooperative union.

2. A representative office of a cooperative or cooperative union is its dependent unit that acts as an authorized representative for interests of the cooperative or cooperative union. The representative office shall not do business.

3. A business location of a cooperative or cooperative union is a place where its specific business operations are carried out.

Article 54. Provision of registration information of cooperatives and

cooperative unions

1. Organizations and individuals are entitled to request business registration authorities to provide registration information of cooperatives and cooperative unions on their electronic information systems, and shall pay fees in accordance with regulations of law.

2. Business registration authorities shall fully and promptly provide information in accordance with Clause 1 of this Article.

Article 55. Registration of branches, representative offices; notification of business locations of cooperatives and cooperative unions

1. A cooperative or cooperative union is entitled to establish one or some branches and/or representative offices in an administrative division of Vietnam according to the following procedures:

a) The cooperative or cooperative union shall submit an application for registration of branch/representative office to the business registration authority in charge of the area where its branch/representative office will be located;

b) Within 03 working days from the receipt of the application, the business registration authority shall consider the validity of the application and decide whether to issue the certificate of branch/representative office registration. In case of invalid application, the business registration authority shall request the applicant in writing to make necessary modifications. If an application is refused, a written notice indicating reasons for refusal shall be given.

2. Within 10 days from the occurrence of any revision to the certificate of domestic branch/representative office registration, the cooperative or cooperative union shall submit an application for registration of revisions to the business registration authority.

3. A cooperative or cooperative union is entitled to establish its branches and/or representative offices in foreign countries. Within 30 days from the establishment date of its overseas branch or representative office, the cooperative or cooperative union shall send a written notification thereof to the business registration authority in charge of the area where it is headquartered.

4. Within 10 days from the issuance date of its decision to establish a business location, the cooperative or cooperative union shall send written notification thereof to the business registration authority in charge of the area where the business location is situated.

5. The Government shall provide specific regulations on documentation required for registration of branches/representative offices, registration of revisions thereof, and notification of business locations of cooperatives and cooperative unions.

Chapter V
MANAGEMENT MODELS OF COOPERATIVES
AND COOPERATIVE UNIONS

Section 1.
MANAGEMENT MODEL AND GENERAL MEETING OF MEMBERS

Article 56. Management model

1. Cooperatives and cooperative unions shall be managed adopting two management models as follows:

a) The fully-organized management model consists of the GMM, Board of Directors, Director (General Director), and Board of Controllers. The Chairperson of the Board of Directors may concurrently hold the position of Director (General Director);

b) The simplified management model consists of the GMM, Director and Controller.

2. A small, medium or large cooperative or cooperative union that has 10 members or more must adopt the fully-organized management model.

3. A micro cooperative or cooperative union that has less than 10 members may adopt either fully-organized management model or simplified management model.

4. In case a cooperative or cooperative union that is adopting the simplified management model is developed into a small, medium or large cooperative or cooperative union that has 10 members or more, the adoption of the fully-organized management model must be decided in the nearest GMM.

Article 57. General Meeting of Members (GMM)

1. The GMM of a cooperative or cooperative union is its supreme governing body. The GMM shall be convened annually and whenever necessary. In case of simplified management model, the GMM shall be convened on a periodical basis as prescribed in the cooperative or cooperative union's charter but at least every 03 months and on an ad hoc basis.

2. The GMM shall be held in the form of a plenary meeting or delegate meeting. If the meeting of the GMM is held in the form of a plenary meeting, official members will attend and vote at the meeting. If the meeting of the GMM is held in the form of a delegate meeting, delegates representing official members will attend and vote at the meeting. The GMM of a cooperative or cooperative union that has a total of at least 50 official members may be held in the form of a delegate meeting.

Contributing members and non-contributing members may be invited to the meeting of the GMM.

3. The meeting of the GMM may be on-site meeting, online meeting or hybrid meeting.

4. The minutes of the meeting of the GMM shall be compulsory while their audio

and video recordings are optional. These materials shall be provided at the request of members. The minutes must bear signatures of the chair and secretary of the meeting. In case the chair and the secretary refuse to sign the minutes, the minutes shall be effective if they are signed by more than 50% of the members participating in the meeting. In this case, the minutes shall clearly state the refusal by the chair and the secretary to sign them. The persons who sign the minutes shall be jointly responsible for the accuracy and truthfulness of the minutes.

Article 58. Delegates participating in delegate meeting

1. Eligibility requirements and procedures for election of delegates to participate in the delegate meeting are provided in the cooperative or cooperative union's charter.

2. The number of delegates participating in the delegate meeting shall comply with the cooperative or cooperative union's charter, provided that:

a) It shall not be fewer than 50% of total official members of the cooperative or cooperative union that has a total of more than 50 to 100 official members;

b) It shall not be fewer than 30% of total official members of the cooperative or cooperative union that has a total of more than 100 to 300 official members;

c) It shall not be fewer than 20% of total official members of the cooperative or cooperative union that has a total of more than 300 to 1.000 official members;

d) It shall not be fewer than 200 delegates of the cooperative or cooperative union that has a total of more than 1.000 official members.

3. Delegates participating in the delegate meeting must express opinions and aspirations of and communicate the congress's results to members that they represented.

Article 59. Convening GMM

1. The Board of Directors (in case of fully-organized management model) or Director (in case of simplified management model) shall convene the annual GMM within 04 months from the end of the fiscal year.

2. In case of fully-organized management model, an extraordinary meeting of the GMM shall be convened in the following cases:

a) It is convened by the Board of Directors to settle the matters beyond their jurisdiction;

b) It is convened by the Board of Directors at the request of the Board of Controllers or at least one third of total official members of the cooperative or cooperative union;

c) It is convened by Chairperson of the Board of Directors in case a periodical meeting of the Board of Directors cannot be held after it has been convened twice.

3. In case of simplified management model, an extraordinary meeting of the GMM shall be convened by the Director:

a) to settle matters beyond his/her jurisdiction; or

b) at the request of the Controller or at least one third of total official members of

the cooperative or cooperative union.

4. An extraordinary meeting of the GMM in the case specified in Point b Clause 2 or Point b Clause 3 of this Article shall be convened as follows:

a) Within 15 days from the receipt of the request of the Board of Controllers or Controller or at least one third of total official members of the cooperative or cooperative union, the Board of Directors or Director shall convene the extraordinary meeting of the GMM;

b) If Board of Directors or Director fails to convene the extraordinary meeting of the GMM within the time limit specified in Point a of this Clause or fails to convene the annual GMM within 04 months from the end of the fiscal year, the Board of Controllers or Controller shall be entitled to convene the extraordinary meeting of the GMM;

c) If the Board of Controllers or Controller fails to convene the extraordinary meeting of the GMM within 15 days as prescribed in Point b of this Clause, the member representing at least one third of total official members of the cooperative or cooperative union shall be entitled to convene the GMM. The record of appointment of this representative must be made and bear signatures of all members that request the convening of the GMM.

5. In case the Board of Directors or Director fails to convene the GMM as prescribed in Clause 1 and Point a Clause 4 of this Article, they shall pay compensation for damage incurred by the cooperative or cooperative union in accordance with regulations of law and the cooperative or cooperative union's charter.

In case the Board of Controllers or Controller fails to convene the GMM as prescribed in Point b Clause 4 of this Article, they shall pay compensation for damage incurred by the cooperative or cooperative union in accordance with regulations of law and the cooperative or cooperative union's charter.

6. The meeting of the GMM shall be chaired by the person that convenes it, unless another chair is elected by the GMM.

7. The meeting of the GMM shall be conducted when it is participated in by at least 50% of its total official members or total delegates appointed. If the required number of participants is not sufficient, the meeting of the GMM shall be postponed.

In case the conditions for conducting the first meeting are not fulfilled, the second meeting will be convened within 30 days from the planned opening date of the first meeting. The second meeting of the GMM shall be conducted when it is participated in by at least 33% of its total official members or total delegates appointed.

In case the conditions for conducting the first meeting are not fulfilled, the third meeting will be convened within 20 days from the planned opening date of the second meeting. In this case, the meeting of the GMM shall be conducted regardless of the number of participants.

Article 60. Preparing for GMM

1. The person who convenes the GMM shall prepare a list of members/delegates entitled to participate in the meeting; draw up the meeting agenda, prepare documents and draft the resolution of the meeting; send the invitation to each member at least 03 days before the planned opening date of the meeting. The invitation shall specify the time, location, method and agenda of the meeting. The invitations to the meeting can be sent physically, electronically or by another method prescribed in the cooperative or cooperative union's charter.

2. A content of the meeting agenda may be modified according to written proposal by at least one third of total official members. Such a written proposal must be sent to the person who convenes the meeting at least 02 days before the planned opening date of the meeting, unless otherwise prescribed in the cooperative or cooperative union's charter. It must contain full name of the official member that makes the proposal and proposed contents.

3. The person who convenes the GMM is entitled to refuse the proposal specified in Clause 2 of this Article in the following cases:

- a) The proposal is not sent by the prescribed deadline;
- b) The proposal is made for an issue other than those to be considered at the GMM;
- c) The proposed content is beyond the jurisdiction of the GMM;
- d) Other cases prescribed by the cooperative or cooperative union's charter.

4. The person who convenes the GMM must report the refused proposals to the GMM before deciding the meeting agenda.

Other proposed contents must be included in the draft agenda. The official agenda must be approved by the GMM by voting.

Article 61. Participating in and voting at meetings of GMM

1. It will be considered that a member or delegate participates in and votes at the meeting of the GMM in the following cases:

- a) He/she directly participates in and votes at the meeting;
- b) He/she participates and votes online;
- c) He/she authorizes another organization or individual to participate in and vote at the meeting.

2. Each of the following contents will be ratified by the GMM when it is voted for by at least 65% of total members or delegates who participate in and vote at the meeting as prescribed in Clause 1 of this Article:

- a) Revisions to the cooperative or cooperative union's charter;
- b) Investment in or sale of distributed assets whose value is equal to or greater than 20% of total value of assets written in the latest financial statements of the cooperative or cooperative union; investment in or sale of undistributed assets;

- c) Changes in the management model of the cooperative or cooperative union;
- d) Reorganization, dissolution or bankruptcy of the cooperative or cooperative union.

3. A content other than those specified in Clause 2 of this Article will be ratified when it is voted for by at least 50% of total members or delegates who participate in and vote at the meeting as prescribed in Clause 1 of this Article.

4. In case of a cooperative's GMM, each official member participating in the plenary meeting shall have one vote of equal effect regardless of their stakes and position. Each delegate participating in the delegate meeting shall have a number of votes equal to the number of members that he/she represents.

5. In case of a cooperative union's GMM, each official member or delegate participating in the meeting may have an equal or different number of votes depending on the number of official members of its member cooperatives prescribed in the cooperative union's charter.

6. Votes casted and the record of the vote counting conducted at the meeting of the GMM must be retained.

Article 62. Eligibility requirements to be fulfilled by members of Board of Directors, Director (General Director), members of Board of Controllers or Controller, Accountant

1. To become a member of the Board of Directors of a cooperative or cooperative union, a person must meet the following requirements:

- a) He/she is an official member or legal or authorized representative of the organization that is an official member of that cooperative or cooperative union;
- b) He/she is not holding the position of a member of the Board of Controllers or Controller, chief accountant or cashier of that cooperative or cooperative union;
- c) He/she is not a relative of any other member of the Board of Directors, any member of the Board of Controllers or Controller, chief accountant or cashier of that cooperative or cooperative union.

2. The Director (General Director) of a cooperative or cooperative union must meet the following requirements:

- a) He/she is an official member or legal or authorized representative of the organization that is an official member of that cooperative or cooperative union. The cooperative or cooperative union that adopts the fully-organized management model may hire the Director (General Director) as decided by its GMM.
- b) He/she is not holding the position of a member of the Board of Controllers or Controller, chief accountant or cashier of that cooperative or cooperative union;
- c) He/she is not a relative of any member of the Board of Controllers or Controller, chief accountant or cashier of that cooperative or cooperative union.

3. To become a member of the Board of Controllers or a Controller of a cooperative or cooperative union, a person must meet the following requirements:

a) He/she is an official member or legal or authorized representative of the organization that is an official member of that cooperative or cooperative union;

b) He/she is not holding the position of a member of the Board of Directors, Director (General Director), chief accountant or cashier of that cooperative or cooperative union;

c) He/she is not a relative of any member of the Board of Directors, any other member of the Board of Controllers or Controller, Director (General Director), chief accountant or cashier of that cooperative or cooperative union.

4. The following persons are banned from holding the position of a member of the Board of Directors, Director (General Director), or a member of the Board of Controllers or Controller:

a) A person is facing criminal prosecution, kept in temporary detention, serving an imprisonment sentence, serving an administrative penalty in a correctional institution or rehabilitation center, or is prohibited by the court from holding certain positions or doing certain works; or

b) Other persons prescribed by law and the cooperative or cooperative union's charter.

5. The chief accountant or person in charge of accounting works must have professional qualifications in accounting as prescribed by the Law on accounting.

Article 63. Dismissal, discharge or termination of employment contracts of title holders of cooperatives or cooperative unions

1. The person holding the title of a member of the Board of Directors, a member of the Board of Controllers or Controller, or Director (General Director) shall be dismissed, discharged or has his/her employment contract terminated in one of the following cases:

a) He/she no longer satisfies the requirements laid down in Article 62 of this Law;

b) He/she has submitted a resignation which has been also accepted;

c) He/she is incapacitated, has limited capacity for civil acts or has difficulty in awareness or control of his/her own acts;

d) The organization of which the Director (General Director), the member of the Board of Controllers or Controller acts as representative fails to maintain its juridical person status, ceases to exist, or is dissolved or declared bankrupt;

dd) Other cases prescribed by law, the cooperative or cooperative union's charter and the signed employment contract.

2. The member of the Board of Directors, the Director (General Director), the member of the Board of Controllers or Controller who is dismissed, discharged or has his/her employment contract terminated shall still assume responsibility for decisions issued while he/she held such a position.

Section 2.
FULLY-ORGANIZED MANAGEMENT MODEL

Article 64. Powers of GMM under fully-organized management model

1. Ratify the orientation for development of the cooperative or cooperative union; revisions to the charter; reports on performance of the Board of Directors and of the Board of Controllers; annual financial statements; business plans.

2. Ratify the plan for income distribution and settlement of losses/debts; contributions to undistributed fund and other funds; plan to pay remunerations, salaries, wages, bonuses and other benefits to members of the Board of Directors, Director (General Director), members of the Board of Controllers, holders of other managerial positions, and employees.

3. Ratify the investment in or sale of distributed assets whose value is equal to or greater than 20% of total value of assets written in the latest financial statements of the cooperative or cooperative union; investment in or sale of undistributed assets.

4. Ratify the capital contribution, purchase of shares, and establishment of enterprises, joint ventures or associations; participation in other cooperatives, cooperative unions and representative bodies.

5. Ratify increase or decrease in charter capital and minimum capital contribution; mobilization of capital; partial or entire return of stakes; results of valuation of assets and undistributed assets; regulations on management and use of assets and funds.

6. Ratify the management model; internal management regulations; regulations on operation of the Board of Directors and of the Board of Controllers; decide the number of members of the Board of Directors, the number of members of the Board of Controllers, and the number of legal representatives of the cooperative or cooperative union; reorganization, dissolution, or bankruptcy of the cooperative or cooperative union.

7. Elect and dismiss members of the Board of Directors, members of the Board of Controllers, Head of the Board of Controllers; legal representatives. Elect, dismiss or authorize the Board of Directors to elect and dismiss Chairperson of the Board of Directors. Ratify the policy to appoint the Chairperson of the Board of Directors to concurrently hold the position of Director (General Director) or to hire Director (General Director).

8. Decide to select an independent audit organization.

9. Have other powers which are decided by the GMM but must not be contrary to this Law and relevant laws.

Article 65. Board of Directors

1. The Board of Directors is the managerial body of the cooperative or cooperative

union, and is composed of a Chairperson and other members who are elected by the establishment meeting or GMM from among official members of the cooperative or cooperative union. The number of members of the Board of Directors shall be prescribed by the cooperative or cooperative union's charter but shall neither be fewer than 03 members nor exceed 15 members. Total members of the Board of Directors that are foreign-invested organizations and individuals who are foreign investors must be accounted for less than 35% of its total members.

2. The term of office of the Board of Directors is prescribed by the cooperative or cooperative union's charter but shall not exceed 05 years. A member of the Board of Directors shall be the same term of office as the Board of Directors. A member of the Board of Directors may be re-elected without term limit. Members of the Board of Directors shall be elected and dismissed by secret ballot.

3. The Board of Directors of a cooperative shall meet on a periodical basis as prescribed in its charter but at least every 03 months. The Board of Directors of a cooperative union shall meet on a periodical basis as prescribed in its charter but at least every 06 months.

4. An extraordinary meeting of the Board of Directors may be held at the request of:

- a) Its Chairperson;
- b) Director (General Director);
- c) The head of the Board of Controllers; or
- d) At least one third of total members of the Board of Directors.

5. Procedures for conducting a meeting of the Board of Directors:

a) A meeting of the Board of Directors shall be conducted when it is participated in by at least two thirds of its total members. Decisions of the Board of Directors shall be ratified under the majority rule. Each member shall have one vote of equal effect. In case of equality of votes, the option that is voted for by the Chairperson of the Board of Directors or the person authorized by the Chairperson to chair the meeting shall prevail;

b) In case a periodical meeting of the Board of Directors cannot be conducted due to inadequate number of participants, the Chairperson of the Board of Directors shall convene the second meeting within 15 days from the planned date of the first meeting. In this case, the second meeting shall be conducted when it is participated in by more than 50% of total members of the Board of Directors;

c) In case the second meeting of the Board of Directors cannot be conducted due to inadequate number of participants, the Chairperson of the Board of Directors shall convene an extraordinary meeting of the GMM within 30 days from the planned date of the second meeting. The Chairperson of the Board of Directors shall request the extraordinary GMM to consider the eligibility of the members of the Board of Directors

who refuse to participate in its meeting as notified and propose appropriate disciplinary actions;

d) The minutes of every meeting of the Board of Directors shall be compulsory while its audio and video recordings are optional. These materials shall be provided at the request of its members. The minutes must bear signatures of the chair and secretary of the meeting. Members of Board of Directors shall be entitled to have their opinions recorded in the meeting minutes. In case the chair and the secretary refuse to sign the minutes, the minutes shall be effective if they are signed by more than 50% of the members participating in the meeting. In this case, the minutes shall clearly state the refusal by the chair and the secretary to sign them. The persons who sign the minutes shall be jointly responsible for the accuracy and truthfulness of the minutes.

6. In case a content is ratified by the Board of Directors against regulations of law, the resolution of the GMM or the cooperative or cooperative union's charter, thereby causing damage to the cooperative or cooperative union, the members that vote for the ratification of that content shall be jointly responsible for it and pay compensation for damage incurred by the cooperative or cooperative union in accordance with regulations of law; the members that vote against the ratification of that content shall not be held responsible and shall be entitled to request the Court to suspend or invalidate this content.

Article 66. Tasks and rights of Board of Directors

1. Request the GMM to consider ratifying the contents falling under its jurisdiction as prescribed in Article 64 of this Law.

2. Decide organization of assisting divisions and affiliated units of the cooperative or cooperative union as prescribed in the charter. Establish branches and/or representative offices of the cooperative or cooperative union.

3. Organize the implementation of resolutions of the GMM. Submit reports on business performance of the cooperative or cooperative union to the GMM.

4. Transfer, liquidate or dispose of assets of the cooperative or cooperative union under its jurisdiction. Decide investment in or sale of distributed assets whose value is smaller than 20% of total value of assets written in the latest financial statements of the cooperative or cooperative union.

5. Cooperate with the owner and capital contributors in conducting valuation or hiring a qualified valuation organization to determine the value of assets contributed by individuals and organizations during the operation of the cooperative or cooperative union.

6. Manage, admit or terminate the membership of official members and contributing members. Report the admission of members to the cooperative or cooperative union to the nearest GMM.

7. Elect and dismiss Chairperson of the Board of Directors according to the charter (if any).

8. Appoint, dismiss, discharge, sign or terminate employment contract, supervise and assess the performance of the Director (General Director), Deputy Director (Deputy General Director) and holders of other managerial positions.

9. Decide commendation and reward, or imposition of disciplinary actions on official members, contributing members and employees; reward other organizations and individuals that make significant contribution to the development of the cooperative or cooperative union.

10. Perform other tasks and rights as prescribed by law and the cooperative or cooperative union's charter.

Article 67. Chairperson of Board of Directors

1. The Chairperson of the Board of Directors shall be elected by the establishment meeting or the GMM from among official members of the cooperative or cooperative union, or by the Board of Directors from among its members. The establishment meeting or the GMM or the Board of Directors shall be entitled to dismiss the Chairperson of Board of Directors that they have elected. The Chairperson of the Board of Directors shall be elected and dismissed by secret ballot.

2. The Chairperson of the Board of Directors shall have the following tasks:

a) Assume responsibility before the GMM and the Board of Directors for his/her performance of assigned tasks;

b) Sign the charter and the resolution on establishment of the cooperative or cooperative union; documents issued by the establishment meeting or the GMM; sign documents issued by the Board of Directors in accordance with regulations of law and the cooperative or cooperative union's charter;

c) Decide programs/plans and assign tasks to members of the Board of Directors;

d) Draw up and prepare the agenda, convene and chair the meetings of the Board of Directors, the GMM, unless otherwise prescribed in this Law or the cooperative or cooperative union's charter;

dd) Perform other tasks and rights as prescribed by law and the cooperative or cooperative union's charter.

3. In case the Chairperson of the Board of Directors is not present or not able to perform his/her tasks, he/she shall authorize another member in writing to perform the rights and tasks of the Chairperson of the Board of Directors in accordance with the cooperative or cooperative union's charter. In case no member is authorized or the Chairperson is dead, missing, detained, serving an imprisonment sentence, serving an administrative penalty in a correctional institution or rehabilitation center, making a getaway, has limited capacity for civil acts or is incapacitated, has difficulty in awareness or control of his/her own acts, is prohibited by the court from holding certain positions or doing certain works, the new Chairperson of the Board of Directors shall be elected as follows:

a) One of the remaining members of the Board of Directors shall be elected as the interim Chairperson of the Board of Directors until a new Chairperson of the Board of Directors is officially elected in the nearest GMM;

a) One of the remaining members of the Board of Directors shall be elected as the interim Chairperson of the Board of Directors until a new Chairperson of the Board of Directors is officially elected in the nearest GMM;

4. In case the Chairperson of the Board of Directors concurrently holds the position of the Director (General Director), he/she shall also perform rights and tasks of the Director (General Director) as prescribed in Clause 4 Article 68 of this Law.

Article 68. Director (General Director) under fully-organized management model

1. The Director (General Director) is the person who manages the business operations of the cooperative or cooperative union; bears the supervision of and responsibility before the Board of Directors and before the law for his/her performance.

2. The term of office of the Director (General Director) is prescribed by the cooperative or cooperative union's charter but shall not exceed 05 years. The Director (General Director) may be re-elected without term limit.

3. In case the Director (General Director) is not an official member of the cooperative or cooperative union but hired, he/she may attend but not vote at the meetings of the GMM and of the Board of Directors. The term of office of a hired Director (General Director) shall be determined in his/her employment contract.

4. The Director (General Director) shall have the following rights and tasks:

a) Request the Board of Directors to consider deciding the contents falling under its jurisdiction;

b) Implement resolutions of the establishment meeting, the GMM, resolutions and decisions of the Board of Directors; sign contracts in the name of the cooperative or cooperative union within his/her competence;

c) Organize the implementation of business plans; decide business locations;

d) Assume responsibility for cooperative purchasing or selling of products/services for members of the cooperative or cooperative unions;

dd) Manage, admit or terminate membership of non-contributing members, and submit reports thereof to the Board of Directors; recruit employees; decide to reward or discipline non-contributing members and employees;

e) Perform other tasks and rights as prescribed by law and the cooperative or cooperative union's charter.

Article 69. Board of Controllers under fully-organized management model

1. The Board of Controllers shall have 01 - 07 members, including a head and

other members who are elected by the GMM from among official members of the cooperative or cooperative union and shall assume responsibility before the GMM. The term of office of the Board of Controllers shall not exceed 05 years. A member of the Board of Controllers shall have the same term of office as the Board of Controllers. A member of the Board of Controllers may be re-elected without term limit. If the Board of Controllers has the only one member, this member shall also act as the head of the Board of Controllers. Members of the Board of Controllers shall be elected and dismissed by secret ballot.

2. The Board of Controllers operates independently, inspects and supervises operations of the cooperative or cooperative union in accordance with regulations of law and the charter.

3. The Board of Controllers shall have the following rights and tasks:

a) Inspect the compliance with laws, the charter and resolutions of the GMM and of the Board of Directors, and other regulations and rules of the cooperative or cooperative union;

b) Supervise operation of the Board of Directors, Director (General Director), and members in accordance with regulations of law, the charter, resolutions of the GMM and other regulations and rules of the cooperative or cooperative union;

c) Inspect financial activities, compliance with accounting regulations, income distribution, settlement of losses, use of funds, assets and borrowed capital of the cooperative or cooperative union, and financial assistance or subsidies granted by the State;

d) Appraise annual financial statements before they are submitted to the GMM; organize internal audit, where necessary; review, inspect and evaluate the effectiveness of internal control, internal audit, risk management and early warning systems of the cooperative or cooperative union.

dd) Request provision of documents, books, records and other necessary information which must not be used for any purpose other than performance of review, inspection and supervision tasks;

e) Report control results to the Board of Directors and the GMM; request the Board of Directors, Director (General Director) to take remedial actions against shortcomings and violations committed during the operation of the cooperative or cooperative union; submit the report on performance of the Board of Controllers to the GMM for ratification;

g) Receive and consider proposals concerning the cooperative or cooperative union within its competence or submit them to the Board of Directors or GMM for consideration;

h) The head and members of the Board of Controllers may attend but not vote at meetings of the Board of Directors;

- i) Draw up and prepare the agenda, and convene extraordinary meetings of the GMM;
- k) Perform other tasks and rights as prescribed by law and the cooperative or cooperative union's charter.

Section 3.
SIMPLIFIED MANAGEMENT MODEL

Article 70. Power of GMM under simplified management model

1. Ratify the orientation for development of the cooperative or cooperative union; revisions to the charter; reports on performance of Director and Controller; annual financial statements; business plans.

2. Ratify the plan for income distribution and settlement of losses/debts; contributions to undistributed fund and other funds; plan to pay remunerations, salaries, wages, bonuses and other benefits to Director, Controller, holders of other managerial positions, and employees.

3. Approve the investment in or sale of distributed assets whose value is equal to or greater than 20% of total value of assets written in the latest financial statements of the cooperative or cooperative union; investment in or sale of undistributed assets.

4. Ratify the capital contribution, purchase of shares, and establishment of enterprises, joint ventures or associations; participation in other cooperatives, cooperative unions and representative bodies.

5. Ratify increase or decrease in charter capital and minimum capital contribution; mobilization of capital; partial or entire return of stakes; conduct valuation or ratify results of valuation of assets and undistributed assets; ratify regulations on management and use of assets and funds.

6. Ratify the management model, internal management regulations; plan to organize assisting divisions/affiliated units of the cooperative or cooperative union; reorganization, dissolution, or bankruptcy of the cooperative or cooperative union.

7. Elect and dismiss Director and Controller; decide quantity of, elect and dismiss legal representatives.

8. Decide to select an independent audit organization; establish branches and/or representative offices; reward and discipline official members and contributing members.

9. Ratify admission or termination of the membership of official members and contributing members as prescribed in the charter.

10. Have other powers which are decided by the GMM but must not be contrary to this Law and relevant laws.

Article 71. Director under simplified management model

1. The Director is the person who manages the business operations of the cooperative or cooperative union; bears the supervision of and responsibility before the GMM and before the law for his/her performance.

2. The term of office of the Director is prescribed by the cooperative or cooperative union's charter but shall not exceed 05 years. The Director may be re-elected without term limit. The Director shall be elected and dismissed by secret ballot.

3. The Director shall have the following rights and tasks:

a) Request the GMM to consider the contents falling under its jurisdiction;

b) Sign the charter and resolution on establishment of the cooperative or cooperative union; documents issued by the GMM;

c) Implement resolutions of the GMM; decide matters concerning the cooperative or cooperative union's daily business operations which are not under the GMM's jurisdiction; sign contracts in the name of the cooperative or cooperative union in case the Director is also the legal representative as prescribed by the charter or by law;

d) Organize the implementation of business plans; decide business locations; submit reports on business performance and admission of members to the cooperative or cooperative union to the GMM;

dd) Assume responsibility for cooperative purchasing or selling of products/ services for members of the cooperative or cooperative unions;

e) Decide transfer, liquidation or disposition of assets of the cooperative or cooperative union within his/her competence assigned by the GMM; decide investment in or sale of distributed assets whose value is smaller than 20% of total value of assets written in the latest financial statements of the cooperative or cooperative union;

g) Manage members, notify resolutions and decisions of the GMM to official members and contributing members; admit and terminate membership of non-contributing members in accordance with this law and the charter, and submit reports thereof to the nearest GMM; recruit employees; evaluate performance of Deputy Director (if any);

h) Decide commendation and reward, or imposition of disciplinary actions on non-contributing members and employees; reward other organizations and individuals that make significant contribution to the development of the cooperative or cooperative union;

i) Perform other tasks and rights as prescribed by law and the cooperative or cooperative union's charter.

Article 72. Controller under simplified management model

1. The Controller inspects and supervises operations of the cooperative or cooperative union in accordance with regulations of law and the charter. The Controller works independently and assumes responsibility before the GMM and before the law for his/her performance.

2. The term of office of the Controller is prescribed by the charter but shall not exceed 05 years. The Controller may be re-elected without term limit. The Controller shall be elected and dismissed by secret ballot.

3. The Controller shall have the following rights and tasks:

a) Inspect the compliance with laws, the charter and resolutions of the GMM, and other regulations and rules of the cooperative or cooperative union;

b) Supervise operation of the Director and members in accordance with regulations of law, the charter, resolutions of the GMM and other regulations and rules of the cooperative or cooperative union;

c) Inspect financial activities, compliance with accounting regulations, income distribution, settlement of losses, use of funds, assets and borrowed capital of the cooperative or cooperative union, and financial assistance or subsidies granted by the State;

d) Appraise annual financial statements before they are submitted to the GMM; organize internal audit, where necessary;

dd) Request provision of documents, books, records and other necessary information which must not be used for any purpose other than performance of review, inspection and supervision tasks;

e) Report control results to the GMM; request the Director to take remedial actions against shortcomings and violations committed during the operation of the cooperative or cooperative union;

g) Receive and consider proposals within its competence or submit them to the Director or GMM for consideration;

h) Draw up and prepare the agenda, and convene extraordinary meetings of the GMM;

i) Perform other tasks and rights as prescribed by law and the cooperative or cooperative union's charter.

Chapter VI

ASSETS AND FINANCE OF COOPERATIVES AND COOPERATIVE UNIONS

Article 73. Contributed assets

1. Contributed assets include VND, convertible foreign currencies, gold, land use right (LUR), intellectual property rights, technologies, technical secrets, other assets and rights that can be converted into VND.

2. Only the individual or organization that has the lawful right to ownership or right to use the asset or another right mentioned in Clause 1 of this Article may contribute it as capital as prescribed by law.

3. With regard to assets that are LURs, vehicles or other assets, the organization or individual may select to contribute that asset or reach an agreement to allow the

cooperative or cooperative union to enjoy that asset-related rights in accordance with regulations of the Land Law and Civil Code.

4. Members can use their assets for performing business operations of the cooperative or cooperative union under cooperation contracts or linkage agreements signed with the cooperative or cooperative union. These assets shall not be considered as contributed assets and the transfer of their ownership to the cooperative or cooperative union is not required.

Article 74. Charter capital of cooperatives and cooperative unions

1. Stakes of official members shall be subject to specific agreement, provisions of this law and the charter regarding minimum and maximum capital contribution. The maximum capital contribution shall not exceed 30% and 40% of the charter capital of the cooperative and cooperative union respectively.

2. Total stakes of all contributing members shall be subject to specific agreement and the charter but shall not exceed 30% and 40% of the charter capital of the cooperative and cooperative union respectively.

3. Total stakes of all members of a cooperative or cooperative union that are foreign-invested organizations or individuals being foreign investors shall not exceed 30% of its charter capital.

4. Charter capital contribution time limit, method and amounts are prescribed in the charter, provided that a member must complete the charter capital contribution within 06 months from the issuance date of the cooperative registration certificate or from the day on which the membership is granted, excluding the time needed to transport or import contributed assets and for completing ownership transfer procedures (if any). During this period, the members shall have rights and obligations that are proportional to the holdings they will have in the cooperative or cooperative union.

5. The members may only contribute assets that are different from their promised ones if such a change is approved by the Board of Directors (in case of fully-organized management model) or the GMM (in case of simplified management model).

6. In case a member fails to contribute or fully contribute capital as promised by the expiration of the period mentioned in Clause 4 of this Article:

a) The member that has not made capital contribution at all or has made a capital contribution which is smaller than the minimum one prescribed in the charter shall have their membership terminated;

b) The member that has not yet completed their capital contribution as promised but has made a capital contribution which is equal to or greater than the minimum one prescribed in the charter will have the rights that are proportional to their stake as prescribed in this Law and the charter.

7. Within 30 days from the deadline for capital contribution specified in Clause 4

of this Article, the cooperative or cooperative union shall register a change in its charter capital which must be equal to the actually contributed capital amount as prescribed in this Law, unless the missing capital amount has been fully contributed within this period. The member who fails to make full capital contribution as promised shall be responsible for the financial obligations incurred before the issuance date of the capital contribution certificate in proportion to their stake as prescribed in this Law and the charter.

Article 75. Capital contribution certificate

1. When the capital is fully contributed, the member shall be granted a capital contribution certificate by the cooperative or cooperative union and have their information recorded in the register of members.

2. A capital contribution certificate shall, inter alia, contain the following information:

- a) Name, code and head office's address of the cooperative or cooperative union;
- b) The charter capital of the cooperative or cooperative union;
- c) Full name, contact address, nationality, personal identification number or legal document number of the individual making capital contribution; name, head office's address, EID number or legal document number of the organization making capital contribution;
- d) The member's stake and holding;
- dd) The number and date of issuance of the capital contribution certificate;
- e) Full name and signature of the legal representatives of the cooperative or cooperative union.

3. The cooperative or cooperative union shall re-issue a capital contribution certificate if it has been lost or damaged; replace a capital contribution certificate with a new one if any of the information in Clause 2 of this Article is changed; revoke the capital contribution certificate if the membership of its hold is terminated.

4. Procedures for issuance, re-issuance, replacement and revocation of capital contribution certificates are available in the charter.

Article 76. Transfer of ownership of contributed assets

1. Contribution of assets as capital to a cooperative or cooperative union shall be subject to the following provisions:

a) For assets whose ownership must be registered or LURs, the member making capital contribution shall follow procedures for transferring the ownership of such assets or LURs to the cooperative or cooperative union in accordance with regulations of law;

b) The contribution of assets whose ownership must not be registered shall be recorded in writing.

2. The contribution of capital to a cooperative or cooperative union by reaching an agreement that allows the cooperative or cooperative union to enjoy asset-related rights shall be subject to the following provisions:

a) The member and the cooperative or cooperative union must enter into a written agreement establishing asset-related rights which must specify the right enjoyment duration in accordance with regulations of law and the charter;

b) The right enjoyment duration must be specified in the capital contribution certificate;

c) The member must not transfer the ownership of the asset or LUR to the cooperative or cooperative union.

3. The record of transfer of contributed assets shall, inter alia, contain the following information:

a) Name and head office's address of the cooperative or cooperative union;

b) Full name, contact address, nationality, personal identification number or legal document number of the individual making capital contribution; name, head office's address, EID number or legal document number of the organization making capital contribution;

c) Types and quantities of contributed assets; total value of contributed assets and the ratio of this value to the company's charter capital of the cooperative or cooperative union;

d) Date of transfer; signatures and full names of the individual making capital contribution or authorized representative or legal representative of the individual or organization making capital contribution and of the legal representative of the cooperative or cooperative union.

4. The capital contribution is considered completed once the asset ownership, LUT or other asset-related right has been transferred to the cooperative or cooperative union as prescribed in Clause 1 and Clause 2 of this Article.

Article 77. Valuation of contributed assets and undistributed assets

1. Assets contributed upon establishment of a cooperative or cooperative union shall be valued by official members/contributing members by consensus or by a qualified valuation organization.

In case the value of a contributed asset which is determined by official members/contributing members of the cooperative or cooperative union is higher than its actual value at the contribution time (overvalued), these members shall jointly contribute an amount equal to the difference upon completion of valuation process.

If a valuation organization is employed, the value of contributed assets must be accepted by more than 50% of total official members and contributing members that participate in the establishment meeting.

2. The value of assets contributed during the operation shall be determined under an agreement made between the GMM or the Board of Directors of the cooperative or cooperative union and the capital contributor or by an employed valuation organization. If a valuation organization is employed, the value of contributed assets must be accepted by the GMM or the Board of Directors of the cooperative or cooperative union.

3. The value of undistributed assets during the operation or in case of dissolution or bankruptcy shall be determined by an employed valuation organization and must be accepted by the GMM or the Board of Directors of the cooperative or cooperative union.

Article 78. Increase or decrease in charter capital of cooperatives and cooperative unions

1. Charter capital of a cooperative or cooperative union may be increased in the following cases:

- a) Increase in the members' stakes;
- b) Receipt of capital contribution from new members.

2. Charter capital of a cooperative or cooperative union may be decreased in the following cases:

a) Members fail to contribute or fully contribute capital as promised by the expiration of the period prescribed in Clause 4 Article 74 of this Law;

b) The cooperative or cooperative union returns partial or entire stakes to its members.

3. A cooperative or cooperative union may only make decrease in its charter capital if it is still able to fully pay its debts and other liabilities after the return of stakes to its members.

4. In case the value of a member's stakes exceeds the maximum capital contribution after decreasing its charter capital, the cooperative or cooperative union shall take one or some of the following actions to ensure its member's compliance with the maximum capital contribution prescribed in this Law and its charter:

- a) Return the excess amount to that member;
- b) Raise more capital from other members;
- c) Admit new members.

Article 79. Raising capital and receiving financial assistance, grants and donations

1. Each cooperative or cooperative union shall firstly use capital raised from its members for making investments and developing its business under a specific agreement made with its members.

2. If the amount of capital raised from its members is not sufficient to meet its business needs, the cooperative or cooperative union may raise capital from other sources as prescribed by laws and its charter.

3. Cooperatives or cooperative unions receive financial assistance from the State for fulfilling tax obligations as prescribed by the Law on corporate income tax. Amounts of financial assistance received from the State shall be managed according to the following provisions:

a) Amounts which must be recorded as undistributed assets shall be considered as the undistributed assets of the cooperative or cooperative union;

b) Amounts which must be repaid shall be recorded as debts of the cooperative or cooperative union;

a) Amounts other than those specified in Points a and b of this Clause shall be managed in accordance with the cooperative or cooperative union's charter.

4. Cooperatives or cooperative unions receive, manage and use lawful grants and donations from organizations and individuals under specific agreements made in accordance with regulations of laws. Receipt, management and use of grants or donations from foreign entities must comply with regulations of law, international agreements or treaties to which the Socialist Republic of Vietnam is a signatory.

Article 80. Working capital of cooperatives and cooperative unions

1. Working capital of a cooperative or cooperative union includes stakes of official members and contributing members, membership fees, raised capital, accumulated capital, undistributed funds, other funds and other lawful revenues.

2. Working capital of a cooperative or cooperative union must be managed and used in accordance with the provisions of this Law and relevant laws.

Article 81. Establishment of enterprises by cooperatives and cooperative unions

1. Cooperatives or cooperative unions are allowed to establish enterprises for the purposes of assisting their operation, promotion of their linkages, consumption or use of their products and services. Enterprise establishment procedures shall be followed in accordance with regulations of the Law on enterprises.

2. Cooperatives or cooperative unions shall perform their rights and obligations as owners of enterprises in accordance with regulations of the Law on enterprises and relevant laws.

3. Other transactions and contracts between the cooperative or cooperative union and their established enterprise must be made and performed in an independent and impartial manner as same terms and conditions as those applied to independent legal entities.

4. The enterprise established by a cooperative or cooperative union shall not be allowed to become an official member or contributing member of that cooperative or cooperative union.

5. The enterprise establishment by a cooperative or cooperative union must:

a) be approved by its GMM; and

b) be carried out without use of its undistributed funds and undistributed assets.

6. The cooperative or cooperative union must notify its establishment of enterprise to the authority that has issued the cooperative registration certificate within 10 working days from the day on which the enterprise is established.

7. The Government shall stipulate enterprise establishment requirements to be satisfied by cooperatives and cooperative unions.

Article 82. Contributing capital and purchasing shares of enterprises

1. Cooperatives and cooperative unions have the right to contribute capital to and purchase shares of enterprises, except enterprises that are their official members or contributing members for the purposes of assisting their operation, promotion of their linkages, consumption or use of their products and services.

2. Cooperatives or cooperative unions shall perform their rights and obligations as members or shareholders of such enterprises in accordance with regulations of the Law on enterprises and relevant laws.

3. The cooperative or cooperative union shall not be allowed to admit the enterprise to which it contributes capital or of which it purchases shares as its official member or contributing member.

4. The contribution of capital to or purchase of shares of enterprises by a cooperative or cooperative union must:

a) be approved by its GMM; and

b) be carried out without use of its undistributed funds and undistributed assets.

5. The Government shall stipulate requirements to be satisfied by cooperatives and cooperative unions when contributing capital to or purchasing shares of enterprises.

Article 83. Internal lending by cooperatives and cooperative unions

1. Internal lending means a cooperative or cooperative union's grant of loans with a term of not exceeding 12 months to its official members for the purposes of supporting their business and improving their living conditions following the rule of voluntariness, self-responsibility, non-profit making, capital conservation, sufficient debt repayment and offsetting of internal lending costs. Internal lending transactions are not considered as banking activities as prescribed by the Law on credit institutions.

2. In order to perform internal lending transactions, a cooperative or cooperative union shall be required to meet the following conditions:

a) The cooperative or cooperative union operates under the fully-organized management model and has established a Board of Controllers consisting of at least 03 members;

b) The cooperative or cooperative union only grants internal loans after it has allocated sufficient capital for its business; internal loans shall be granted without use of capital raised from either its members or external entities;

c) Internal loans must be monitored and recorded on separate accounts.

d) Internal lending transactions must be approved by its GMM and specified in its charter.

3. The Government shall elaborate Clause 2 of this Article and stipulate limits on loan amounts, interest rates and settlement of risks associated with internal loans of cooperatives or cooperative unions.

Article 84. Undistributed funds

Undistributed fund of a cooperative or cooperative union is established from the following sources:

1. Income from its internal transactions which is annually contributed to its undistributed fund at the rate specified in its charter;

2. Income from its external transactions; income earned from the enterprise established by the cooperative or cooperative union; income from its holding of stakes or shares of other enterprises which is annually contributed to its undistributed fund at the rate specified in its charter, provided it shall not be smaller than:

a) 5%, for cooperatives;

b) 10%, for cooperative unions.

3. Income from transfer or liquidation of undistributed assets as prescribed in Point a Clause 3 Article 79 and Point c Clause 2 Article 88 of this Law;

4. Grants or donations which are given by organizations and individuals in either VND or foreign currency as agreed by the parties and contributed to the cooperative or cooperative union's undistributed fund after fulfilling tax obligations as prescribed by laws.

Article 85. Incomes earned from internal transactions of a cooperative or cooperative union

1. Each cooperative or cooperative union shall separate its incomes from internal transactions from those from external transactions as the basis for competent authorities to consider its applications for CIT exemption/reduction or enjoyment of benefits from State policies as prescribed and for its income distribution as prescribed in Article 86 of this Law. If failing to do so, all incomes earned by the cooperative or cooperative union shall be treated as its incomes from external transactions.

2. The Government shall issue regulations on internal transactions and incomes therefrom of cooperatives and cooperative unions.

Article 86. Income distribution

After making contribution to its undistributed fund, paying taxes and fulfilling other financial obligations, and settling business losses as prescribed by laws, the remaining incomes of a cooperative or cooperative union shall be used for:

1. Making contributions to funds as prescribed by laws (if any);

2. Making contributions to other funds as decided by its GMM;

3. The incomes that remain after making contributions to the funds specified in Clauses 1 and 2 of this Article shall be distributed by the cooperative or cooperative union to its official members and contributing members as follows:

a) At least 51% of the remaining income earned from internal transactions shall be distributed to its official members in proportion to their levels of use of products/ services and levels of labour contribution; the remainder shall be distributed to its official members and contributing members in proportion to their holdings as prescribed in its charter;

b) The remaining income earned from external transactions shall be distributed to its official members and contributing members as prescribed in its charter.

Article 87. Management and use of funds

1. Undistributed fund of a cooperative or cooperative union shall be used for establishing and increasing its undistributed assets; shall not be distributed to its members during its operation; shall be settled when the cooperative or cooperative union undergoes dissolution or bankruptcy procedures as prescribed in Articles 101 and 102 of this Law. The cooperative or cooperative union must open separate book to monitor and record its undistributed fund by its contribution sources.

2. The cooperative or cooperative union may use the idle balance on its undistributed fund to make deposits at credit institutions or provide collateral for its loans but must ensure capital conservation, except amounts of its undistributed fund derived from financial assistance given by the State and other organizations and individuals which cannot be used as collateral for loans as prescribed. Interests on such deposits shall be paid to the undistributed fund.

3. The undistributed fund and other funds shall be managed and used in accordance with provisions of the charter and financial management regulations of the cooperative or cooperative union, and regulations of law.

4. The Board of Directors or Director of the cooperative or cooperative union shall submit annual reports to its GMM on management and use of its funds during the year and plans to use such funds in the following year within its competence.

Article 88. Management and use of assets

1. Assets of a cooperative or cooperative union are established from the following sources:

a) Stakes of its official members and contributing members, and membership fees;

b) Capital raised from its members and other sources;

c) Capital and assets acquired during its operation;

d) State financial assistance and lawful grants or donations received from other organizations and individuals.

2. Undistributed assets of a cooperative or cooperative union include:

a) LURs over land areas allocated by the State without collecting land levies; LURs over land areas allocated by the State with collecting land levies or leased by the State or acquired from purchase of property attached to land or receipt of lawful transfer of LURs from others for which land levies, land rents or payments for purchase of property or receipt of transfer of LURs are covered by State financial assistance;

b) Assets established from its undistributed fund;

c) Assets which are partially or entirely acquired using the State financial assistance and must be considered as undistributed assets;

d) Assets lawfully given or donated by organizations and individuals and considered as undistributed assets as agreed upon by the parties;

dd) Assets which are works or structures invested or built by the State for public interests of communities and transferred to the cooperative or cooperative union for management and operation;

e) Other assets which are considered as undistributed assets as prescribed by its charter.

3. Management and use of undistributed assets of a cooperative or cooperative union are subject to the following provisions:

a) Assets specified in Clause 2 of this Article shall be managed and used in accordance with regulations of law and its charter or specific agreement between the donor and the cooperative or cooperative union. The cooperative or cooperative union must open separate book to monitor and record its undistributed assets by their sources.

b) The cooperative or cooperative union shall protect and carry out periodical maintenance and repair of undistributed assets using its funding during their use;

c) Undistributed assets whose values have been determined as prescribed in Clause 3 Article 77 of this Law may be transferred or liquidated if such transfer or liquidation is made with the GMM's approval and in conformity with regulations of law and the cooperative or cooperative union's charter or specific agreement between the donor and the cooperative or cooperative union;

d) The cooperative or cooperative union may use its undistributed assets as collateral when applying for loans but must ensure capital conservation, except those specified in Points a, c and dd Clause 2 of this Article and those which are established from donations or grants and cannot be used as collateral for loans as required by donors.

4. Assets of a cooperative or cooperative union shall be managed and used in accordance with its charter, resolutions of the GMM, its financial management regulations and regulations of law.

Article 89. Settling losses and debts of cooperatives and cooperative unions

1. At the end of the fiscal year, cooperatives or cooperative unions shall carry forward their losses, if any, to the following year in accordance with regulations of law on tax administration.

2. Debts of a cooperative or cooperative union shall be settled in accordance with regulations of law and its charter.

Article 90. Returning and inheriting stakes

1. A cooperative or cooperative union shall return stakes to its members upon termination of their membership or return the amount of stakes that exceed the maximum capital contribution to its members as prescribed in this Law and its charter.

2. Members shall have their stakes returned after they have fulfilled their financial obligations towards the cooperative or cooperative union.

3. In case an official member or contributing member that is an individual dies, his/her heir, if meeting eligibility requirements laid down in this Law and the cooperative or cooperative union's charter, shall become a new official member or contributing member at his/her own free will and continue performing rights and obligations of the deceased person; otherwise, he/she will receive inherit the stakes left by the deceased person in accordance with regulations of law.

4. In case an official member or contributing member that is an individual is declared missing, his/her rights and obligations shall be performed through his/her asset manager in accordance with regulations of the Civil Code.

5. In case a member that is an individual is declared by a Court incapacitated or to be a person with limited capacity for civil acts or difficulty in awareness or control of his/her own acts, his/her rights and obligations shall be performed through his/her guardian or legal representative in accordance with regulations of the Civil Code.

6. In case a member that is an organization ceases to exist, is dissolved or declared bankrupt, its stakes shall be returned in accordance with regulations of law and the cooperative or cooperative union's charter.

Article 91. Accounting

1. Cooperatives and cooperative unions shall perform accounting works and prepare financial statements in accordance with regulations of the Law on accounting.

2. Cooperatives and cooperative unions shall make their own decision to separately monitor and record their internal transactions and external transactions. If a cooperative or cooperative union fails to separately monitor and record their internal transactions, all transactions of the cooperative or cooperative union shall be considered its external transactions.

3. The Minister of Finance of Vietnam shall stipulate specific accounting policies applicable to cooperatives and cooperative unions.

Chapter VII
REORGANIZATION, DISSOLUTION AND BANKRUPTCY OF
COOPERATIVES AND COOPERATIVE UNIONS

Article 92. Split-up of cooperatives and cooperative unions

1. A cooperative or cooperative union (hereinafter referred to as “parent cooperative or cooperative union”) may split all of its existing assets, rights, obligations and members to establish two or more new cooperatives or cooperative unions.

2. Split-up procedures:

a) The GMM of the parent cooperative or cooperative union shall ratify the resolution on its split-up in accordance with this Law and its charter.

The resolution shall, inter alia, contain the following information: name and head office’s address of the parent cooperative or cooperative union; names of the new cooperatives or cooperative unions; rules, methods and procedures for division of rights and assets, including undistributed fund and undistributed assets; employment plan; methods for division, time limit and procedures for transfer of stakes from the parent cooperative or cooperative union to the new ones; rules for settlement of obligations of the parent cooperative or cooperative union; time limit for completing the split-up;

b) The resolution shall be sent to all creditors, made known to employees, and sent to the People’s Committee that has issued the cooperative registration certificate within 15 days from its ratification date;

c) Registration of new cooperatives or cooperative unions shall comply with the provisions of Articles 41 and 42 of this Law. In this case, an application for cooperative or cooperative union registration shall include the documents in Points a, b, d, dd, e and g Clause 2 Article 42 of this Law and the split-up resolution.

3. The parent cooperative or cooperative union shall cease to exist after the new cooperatives or cooperative unions are issued with the cooperative registration certificate. The new cooperatives or cooperative unions shall be jointly responsible for unpaid debts, ongoing employment contracts and other obligations of the parent cooperative or cooperative union or reach an agreement with creditors, clients and employees of the parent cooperative or cooperative union that one of the new cooperatives or cooperative unions will fulfill these obligations. The new cooperatives or cooperative unions shall obviously inherit all rights, obligations and lawful interests of the parent cooperative or cooperative union under the split-up resolution.

4. Undistributed assets and undistributed fund of the parent cooperative or cooperative union shall be transferred to and used as undistributed assets and funds of the new cooperatives or cooperative unions under a division plan approved by the GMM

of the parent cooperative or cooperative union.

Article 93. Split-off of cooperatives and cooperative unions

1. A cooperative (hereinafter referred to as “parent cooperative”) may split some of its assets, rights, obligations and members to establish one or some new cooperatives. A cooperative union (hereinafter referred to as “parent cooperative union”) may split some of its assets, rights, obligations and members to establish one or some new cooperative unions. Parent cooperative or cooperative union shall not cease their existence.

2. Split-off procedures:

a) The GMM of the parent cooperative or cooperative union shall ratify the resolution on its split-off in accordance with this Law and its charter.

The resolution shall, inter alia, contain the following information: name and head office’s address of the parent cooperative or cooperative union; name(s) of the new cooperative(s) or cooperative union(s); employment plan; rules, methods and procedures for partial transfer of assets, rights and obligation from the parent cooperative or cooperative union to the new cooperative(s) or cooperative union(s), including undistributed fund and undistributed assets; time limit for completing the split-off;

b) The resolution shall be sent to all creditors, made known to employees, and sent to the People’s Committee that has issued the cooperative registration certificate within 15 days from its ratification date;

c) Registration of new cooperative(s) or cooperative union(s) shall comply with the provisions of Articles 41 and 42 of this Law. In this case, an application for cooperative or cooperative union registration shall include the documents in Points a, b, d, dd, e and g Clause 2 Article 42 of this Law and the split-off resolution;

d) Registration of revisions to the cooperative registration certificate and notification of changes in registration information of the parent cooperative or cooperative union shall comply with the provisions of Articles 41, 47 and 48 of this Law. In this case, the split-off resolution must be submitted when following registration or notification procedures.

3. The parent cooperative or cooperative union and the new cooperative(s) or cooperative union(s) shall be jointly responsible for unpaid debts, ongoing employment contracts and other obligations of the former, unless otherwise agreed upon by the parent cooperative or cooperative union, the new cooperative(s) or cooperative union(s), creditors, clients and employees. The new cooperative(s) or cooperative union(s) shall obviously inherit all rights, obligations and lawful interests which are transferred from the parent cooperative or cooperative union under the split-off resolution.

4. Undistributed assets and undistributed fund of the parent cooperative or cooperative union shall be transferred to and used as undistributed assets and funds of the new cooperative(s) or cooperative union(s) under a division plan approved by the

GMM of the parent cooperative or cooperative union.

Article 94. Consolidation of cooperatives and cooperative unions

1. Two or more cooperatives or cooperative unions (hereinafter referred to as “consolidating cooperatives or cooperative unions”) may be consolidated into a new cooperative or cooperative union of the same business type (hereinafter referred to as “consolidated cooperative or cooperative union”), after which the consolidating cooperatives or cooperative unions shall cease to exist.

2. Consolidation procedures:

a) The consolidating cooperatives or cooperative unions shall prepare the draft consolidation contract and the draft charter of the consolidated cooperative or cooperative union.

The consolidation contract shall, inter alia, include the following information: names and head office’s addresses of the consolidating cooperatives or cooperative unions; name and head office’s address of the consolidated cooperative or cooperative union; employment plan; debt settlement plan; time limit, procedures and conditions for transfer of assets, including undistributed funds and undistributed assets; time limit and procedures for transfer of stakes from the consolidating cooperatives or cooperative unions to the consolidated cooperative or cooperative union; time limit for completing consolidation procedures;

b) The GMMs of the consolidating cooperatives or cooperative unions shall ratify the consolidation contract and charter of the consolidated cooperative or cooperative union, decide to adopt management model and elect chairperson and members of the Board of Directors or Director, the head and members of the Board of Controllers or Controller;

c) The consolidation contract shall be sent to all creditors, made known to employees, and sent to the People’s Committee that has issued the cooperative registration certificate within 15 days from its ratification date;

d) Registration of the consolidated cooperative or cooperative union shall comply with the provisions of Articles 41 and 42 of this Law. In this case, an application for cooperative or cooperative union registration shall include the documents in Points a, b, d, dd, e and g Clause 2 Article 42 of this Law, the consolidation contract and the resolutions on ratification of the consolidation contract of the consolidated cooperatives or cooperative unions.

3. The consolidated cooperative or cooperative union shall inherit lawful rights and interests, and assume responsibility for unpaid debts, ongoing employment contracts and other obligations of the consolidating cooperatives or cooperative unions. The consolidated cooperative or cooperative union shall obviously inherit all rights, obligations and lawful interests of the consolidating cooperatives or cooperative unions under the consolidation contract.

4. Undistributed assets and undistributed funds of the consolidating cooperatives or cooperative unions shall be transferred to and used as undistributed assets and funds of the consolidated cooperative or cooperative union.

Article 95. Acquisition of cooperatives and cooperative unions

1. One or some cooperatives or cooperative unions (hereinafter referred to as “acquired cooperative(s) or cooperative union(s)”) may be acquired by another cooperative or cooperative union of the same business type (hereinafter referred to as “acquiring cooperative or cooperative union”) by transferring all of their assets, rights, obligations and lawful interests to the latter.

2. Acquisition procedures:

a) The acquiring cooperative or cooperative union and the acquired cooperative or cooperative union shall prepare the draft acquisition contract and the draft charter of the former.

The acquisition contract shall, inter alia, include the following information: name and head office’s address of the acquiring cooperative or cooperative union; name and head office’s address of the acquired cooperative or cooperative union; employment plan; methods, procedures, time limit and conditions for transfer of assets, including undistributed funds and undistributed assets; transfer of stakes from the acquired cooperative or cooperative union to the acquiring cooperative or cooperative union; time limit for completing acquisition procedures;

b) The GMMs of the acquiring cooperative or cooperative union and the acquired cooperative or cooperative union shall ratify the acquisition contract and the charter of the former;

c) The acquisition contract shall be sent to all creditors, made known to employees, and sent to the People’s Committee that has issued the cooperative registration certificate within 15 days from its ratification date;

d) Registration of revisions to the cooperative registration certificate and notification of changes in registration information of the acquiring cooperative or cooperative union shall comply with the provisions of Articles 41, 47 and 48 of this Law. In this case, the submitted application must include the acquisition contract and resolutions on ratification of the acquisition contract of the acquiring cooperative or cooperative union and the acquired cooperative or cooperative union.

3. After completing procedures for registration of the acquiring cooperative or cooperative union, the acquired cooperative or cooperative union shall cease to exist. The acquiring cooperative or cooperative union shall inherit rights and lawful interests, and assume responsibility for unpaid debts, ongoing employment contracts and other obligations of the acquired cooperative or cooperative union. The acquiring cooperative or cooperative union shall obviously inherit all rights, obligations and lawful interests

of the acquired cooperative or cooperative union under the acquisition contract.

4. Undistributed assets and undistributed funds of the acquired cooperative or cooperative union shall be transferred to and used as undistributed assets and funds of the acquiring cooperative or cooperative union.

Article 96. Business suspension and termination of cooperatives and cooperative unions

1. A cooperative or cooperative union shall send a written notification to the business registration authority at least 03 working days before its intended business suspension or resumption date.

2. The business registration authority and competent authorities are entitled to request a cooperative or cooperative union to:

a) suspend or terminate business operation in conditional business lines or business lines restricted to foreign investors if the cooperative or cooperative union is found not to satisfy corresponding business conditions;

b) suspend business operation at the request of competent authorities in accordance with regulations of laws on tax administration, environment and relevant laws;

c) suspend or terminate one or some business lines under a court decision.

3. During the suspension period, the cooperative or cooperative union shall fully pay outstanding taxes and social insurance contributions, and keep paying its debts and performing contracts signed with its clients and employees, unless otherwise agreed.

4. The Government shall elaborate this Article.

Article 97. Cases of dissolution of cooperatives and cooperative unions

1. A cooperative or cooperative union shall follow dissolution procedures in one of the following cases:

a) The cooperative or cooperative union is voluntarily dissolved under the resolution of its GMM;

b) The cooperative or cooperative union is compulsorily dissolved under a court decision or in case its cooperative registration certificate is revoked, unless otherwise prescribed by laws.

2. A cooperative or cooperative union may only be dissolved after all of its debts and liabilities are fully paid and it is not involved in any disputes at a Court or arbitral tribunal. The legal representative, chairperson and members of the Board of Directors Director (General Director) and relevant title holders of the cooperative or cooperative union shall be jointly responsible for debts of that cooperative or cooperative union; individually responsible for any damage caused by their failure to comply or strictly comply with regulations on dissolution laid down in this Law.

Article 98. Voluntary dissolution of cooperatives and cooperative unions

1. The GMM shall ratify the resolution on dissolution of the cooperative or

cooperative union. The resolution shall, inter alia, contain the following information:

- a) Name and head office's address of the cooperative or cooperative union;
- b) Reasons for dissolution;
- c) Time limit and procedures for transfer of undistributed assets and undistributed fund;
- d) Time limit and procedures for finalizing contracts and paying debts, debt settlement plan. The debt settlement plan must contain creditors' names and addresses, debt amounts, deadline, location and method of payment, method and deadline for settlement of creditors' complaints;
- dd) Plan for settlement of obligations under employment contracts.

2. The Board of Directors (in case of fully-organized management model) or Director (in case of simplified management model) shall directly organize the liquidation of assets of the cooperative or cooperative union under the GMM's resolution, unless a separate liquidation organization must be established as prescribed by its charter.

3. Within 07 working days from the ratification date of its resolution, the legal representative of the cooperative or cooperative union must complete the following tasks:

- a) Send the dissolution resolution to the business registration authority or People's Committee that has issued the cooperative registration certificate, tax authority and employees of the cooperative or cooperative union;
- b) Openly post the dissolution resolution at the head office, branch(es) and representative office(s) of the cooperative or cooperative union;
- c) Send the dissolution resolution to creditors and persons with related rights, obligations and interests if the cooperative or cooperative union still has unpaid debts.

4. The business registration authority shall post a notification that the cooperative or cooperative union is undergoing dissolution, accompanied with the dissolution resolution, on its electronic information system.

5. Assets of the cooperative or cooperative union shall be settled in accordance with the provisions of Article 101 of this Law.

6. The legal representative of the cooperative or cooperative union shall send an application for dissolution to the business registration authority within 05 working days from the day on which the cooperative or cooperative union's debts are fully paid. Before submitting an application for dissolution, the cooperative or cooperative union shall follow procedures for shutdown of its branches, representative offices and/or business locations as prescribed by the Government.

7. The business registration authority shall update the cooperative or cooperative union's dissolution status on its electronic information system:

- a) within 05 working days from the receipt of the application for dissolution; or
- b) after 06 months from the receipt of the dissolution resolution as prescribed in

Point a Clause 3 of this Article without receiving any application for dissolution and further comments from the cooperative or cooperative union and written opinions from relevant parties.

8. The Government shall elaborate this Article.

Article 99. Compulsory dissolution of cooperatives and cooperative unions

1. The business registration authority shall send a notification that the cooperative or cooperative union is undergoing dissolution to the People's Committee that has issued the cooperative registration certificate and also post that notification on its electronic information system on the same day on which the decision to revoke the cooperative registration certificate is issued or right after an effective court decision on the cooperative or cooperative union's dissolution is received. The notification must be accompanied with the decision to revoke the cooperative registration certificate or the effective court decision.

2. Within 10 days from the receipt of the decision to revoke the cooperative registration certificate or the effective court decision, the cooperative or cooperative union shall follow the guidelines in Clauses 1, 2, 3, 5 and 6 Article 98 of this Law. When being sent as prescribed in Point a Clause 3 Article 98 of this Law, the dissolution resolution must be accompanied with the copy of the decision to revoke the cooperative registration certificate or the effective court decision.

3. After 06 days from the date on which a notification is made as prescribed in Clause 1 of this Article without receiving any written objections from relevant parties, or within 05 working days from the receipt of the application for dissolution, the business registration authority shall update the cooperative or cooperative union's dissolution status on its electronic information system.

4. The Government shall elaborate this Article.

Article 100. Prohibited acts upon dissolution of cooperatives and cooperative unions

1. From the issuance date of the dissolution resolution, the decision to revoke the cooperative registration certificate or the effective court decision, the legal representative, chairperson and members of the Board of Directors, Director (General Director) and members of the cooperative or cooperative union are prohibited from the following acts:

- a) Concealing, disguising assets;
- b) Denying or reducing the creditors' claims to the debts;
- c) Converting unsecured debts into debts secured with the cooperative or cooperative union's assets;
- d) Concluding new contracts, except for those serving the dissolution of the cooperative or cooperative union;

- dd) Pledging, donating, leasing out assets;
- e) Terminating effective contracts;
- g) Raising capital in any shape or form.

2. The persons who commit the violations mentioned in Clause 1of this Article, depending on the nature and severity of each violation, will be held liable to administrative penalties or criminal prosecution and pay compensation for any damage caused to the cooperative or cooperative union in accordance with regulations of law.

Article 101. Settlement of assets upon dissolution of cooperatives and cooperative unions

1. Upon its dissolution, a cooperative or cooperative union shall get back and settle its undistributed fund and undistributed assets; get back other assets; transfer or liquidate assets.

2. Upon its dissolution, a cooperative or cooperative union’s undistributed fund shall be settled according to the following rules:

a) Undistributed fund derived from the proceeds earned from transfer or liquidation of undistributed assets which are entirely or partially acquired using the State financial assistance shall be paid to state budget;

b) The undistributed fund specified in Clause 4 Article 84 of this Law shall be settled under specific agreement between the donor and the cooperative or cooperative union. If such agreement is not available, the provisions of Clauses 4 and 5 of this Article shall prevail;

c) The undistributed fund specified in Clauses 1 and 2 Article 84 of this Law shall be settled according to the provisions of Clauses 4 and 5 of this Article.

3. Upon its dissolution, a cooperative or cooperative union’s undistributed assets shall be settled according to the following rules:

a) The undistributed assets specified in Points a, c and dd Clause 2 Article 88 of this Law shall be transferred to competent authorities that shall settle such assets by their sources as prescribed by laws;

b) The undistributed assets specified in Point d Clause 2 Article 88 of this Law shall be settled under specific agreement between the donor and the cooperative or cooperative union. If such agreement is not available, the provisions of Clauses 4 and 5 of this Article shall prevail;

c) The undistributed assets specified in Points b and e Clause 2 Article 88 of this Law shall be settled according to the provisions of Clauses 4 and 5 of this Article.

4. Remaining assets of the cooperative or cooperative union upon its dissolution shall be distributed in the following order of priority:

a) Pay dissolution costs, including costs incurred from recovery, valuation and liquidation of assets;

b) Pay unpaid salaries, severance pay, social insurance premiums as prescribed by laws, and other benefits of employees under the collective bargaining agreement and signed employment contracts;

c) Pay tax debts;

d) Pay other debts.

5. The assets that remain after they are distributed according to Clause 4 of this Article shall be distributed to official members and contributing members of the cooperative or cooperative union in proportion to their holdings.

6. The Government shall elaborate this Article.

Article 102. Bankruptcy of cooperatives and cooperative unions

1. Bankruptcy of cooperatives or cooperative unions shall comply with regulations of the Law on bankruptcy.

2. Undistributed fund and undistributed assets of a cooperative or cooperative union that goes bankrupt shall be settled in the same manner as those of a cooperative or cooperative union that is dissolved as prescribed in Article 101 of this Law.

Article 103. Revocation of cooperative registration certificate

1. The cooperative registration certificate of a cooperative or cooperative union shall be revoked in one of the following cases:

a) The application for cooperative or cooperative union registration is found to contain fraudulent information;

b) The cooperative or cooperative union is suspended for more than 12 months without notifying the business registration authority and the tax authority;

c) The cooperative or cooperative union fails to send reports on its compliance as prescribed in this Law within 12 months from the receipt of the request from the business registration authority;

d) The cooperative or cooperative union fails to maintain the minimum number of members as prescribed for a period of 12 consecutive months; fails to meet the requirement regarding the maximum number of members that are foreign-invested organizations and individuals being foreign investors laid down in this Law for a period of 06 consecutive months;

dd) The cooperative or cooperative union fails to meet the requirement regarding its members' maximum capital contribution laid down in this Law for a period of 12 consecutive months;

e) The cooperative or cooperative union fails to convene the annual GMM for 18 consecutive months from the date of the latest GMM, except force majeure events;

g) The revocation is made according to a Court decision or request of a competent authority as prescribed by relevant laws.

2. The Government shall elaborate the procedures for revoking the cooperative registration certificate.

Article 104. Shutting down branches, representative offices and business locations

1. Branch or representative office of a cooperative or cooperative union shall be shut down in the following cases:

a) The cooperative or cooperative union decides to shut down its branch or representative office;

b) The certificate of branch or representative office registration is revoked as prescribed by law.

2. Business locations of a cooperative or cooperative union shall be shut down under decision issued by its Director (General Director).

3. The legal representative of the cooperative or cooperative union and the head of the branch or representative office that is shut down shall be jointly responsible for the accuracy and truthfulness of the application for shutdown of that branch, representative office or business location.

4. The cooperative or cooperative union whose branch is shut down shall perform the contracts and pay the debts, including tax debts, of the branch that is shut down, and continue employing or fully provide lawful benefits for that branch's employees as prescribed by law.

5. The Government shall elaborate this Article.

Chapter VIII

AUDITING OF COOPERATIVES AND COOPERATIVE UNIONS

Article 105. Internal audit

1. Cooperatives or cooperative unions that operate in financial and banking sectors shall conduct internal audit in accordance with provisions of the Law on Credit Institutions.

2. Cooperatives or cooperative unions that operate in sectors other than those specified in Clause 1 of this Article are encouraged to conduct internal audit in accordance with regulations of the law on internal audit.

Article 106. Independent audit

1. The annual financial statements of the following cooperatives and cooperative unions must be audited by independent audit organizations, including:

a) Large-scale cooperatives;

b) Cooperative unions that have at least 10 members;

c) Cooperatives or cooperative unions that apply for enjoyment of benefits from

State policies and thus must have their annual financial statements audited by independent audit organizations as prescribed by such policies;

d) Cooperative development assistance funds that operate in the form of a cooperative.

2. Audit frequency:

a) The financial statements of the cooperatives or cooperative unions mentioned in Points a and b Clause 1 of this Article shall be audited at the audit frequency specified in their charters but at least once every 02 years;

b) The financial statements of the cooperatives or cooperative unions mentioned in Point c Clause 1 of this Article shall be audited as required by their charters, competent authorities and relevant regulations of law;

c) The financial statements of the cooperatives or cooperative unions mentioned in Point d Clause 1 of this Article shall be audited every year.

3. The compliance audit and operational audit of cooperatives or cooperative unions shall be performed at the request of their GMMs or competent authorities.

Chapter IX

Pre-cooperative

Article 107. Establishment and operation of pre-cooperative

1. Pre-cooperative shall be established, organized and operate under cooperation contracts made in accordance with regulations of the Civil Code.

2. Pre-cooperative that receive capital contributions and enter into cooperation contracts of indefinite term or a term of at least 12 months or that apply for enjoyment of benefits from State policies shall be required to follow registration procedures with business registration authorities. Other pre-cooperative are encouraged to follow such registration procedures.

3. An pre-cooperative shall have the following rights:

a) Have a proper name;

b) Engage in business lines which are not prohibited by laws; engage in conditional business lines as prescribed by laws;

c) Enter into business cooperation with other organizations and individuals to expand their business as prescribed by laws;

d) Open and use checking accounts at payment service providers in accordance with regulations of relevant laws;

dd) Establish and conduct civil transactions;

e) Enjoy benefits from State policies, if eligible;

g) Have other rights as prescribed by laws and the signed cooperation contract.

4. An pre-cooperative shall have the following obligations:

a) Ensure rights, lawful and legitimate interests of its members, employees, and relevant organizations and individuals;

b) Fully and punctually perform obligations towards its members, and relevant organizations and individuals;

c) Discharge other obligations as prescribed by laws and the signed cooperation contract.

5. The Government shall elaborate Clauses 1, 2, 3 and 4 of this Article.

6. The Minister of Planning and Investment of Vietnam shall promulgate forms of documents used in registering pre-cooperative.

Article 108. Conversion of pre-cooperative into cooperatives

1. An pre-cooperative may be converted into a cooperative if:

a) It has a valid pre-cooperative registration certificate;

b) It has been operating for a consecutive period of at least 12 months from the issuance date of the pre-cooperative registration certificate; and

c) The conversion is agreed by all of its members.

2. The establishment of the cooperative which is converted from an pre-cooperative shall comply with regulations on establishment of cooperatives in this Law.

3. The cooperative converted from an pre-cooperative shall obviously inherit all rights and obligations of the pre-cooperative from the issuance date of the cooperative registration certificate.

Article 109. Assistance policies for pre-cooperative converted into cooperatives

1. Business registration authorities shall provide free of charge counseling and instructions on documentation and procedures for conversion of pre-cooperative into cooperatives.

2. Counseling and instructions on taxes and accounting-related administrative procedures shall be provided free of charge for a maximum duration of 03 years from the issuance date of the initial cooperative registration certificate in accordance with the Government's regulations.

3. The initial cooperative registration certificate shall be issued free of charge; the initial application for license to engage in conditional business lines shall be processed free of charge; the cooperative shall be exempted from the license tax for 03 years from the issuance date of its initial cooperative registration certificate.

4. Cooperatives converted from pre-cooperative shall be eligible for CIT exemption and reduction in accordance with regulations of the Law on corporate income tax.

5. Cooperatives converted from pre-cooperative shall be eligible for land levy exemption and reduction in accordance with regulations of the Law on land.

Chapter X
REPRESENTATIVE BODIES OF Pre-cooperative, COOPERATIVES AND
COOPERATIVE UNIONS

Article 110. Representative bodies of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions

1. Representative bodies of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions are established, organized and operate in accordance with regulations of law on associations and societies and relevant laws.

2. Representative bodies of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions have the following obligations:

a) Represent and protect rights and lawful interests of their members;

b) Disseminate, instruct, share information and encourage the implementation of State policies for development of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions;

c) Provide counseling, assistance, relevant services and human resource training to serve the establishment and development of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions;

d) Implement programs and projects, and provide public services as assigned in order to support the development of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions;

dd) Engage in the formulation of policies and laws on pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions;

e) Represent their members in cooperative relationships with domestic and foreign organizations in accordance with regulations of law;

g) Carry out risk assessment and provide counseling and assistance for enhancing transparency in financial management, ensuring compliance with regulations of law during their operation, and improving business efficiency of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions;

h) Evaluate efficiency and contribution of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions, and their members to economic, social and cultural development.

3. Representative bodies shall be provided for funding from state budget for performing tasks assigned by the State.

4. Pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions are encouraged to join representative bodies.

Article 111. Vietnam Cooperative Alliance system

1. Vietnam Cooperative Alliance is an organization that represents and protects rights and lawful interests of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions, plays a key role in and boosts the development of collective economy.

2. Vietnam Cooperative Alliance system includes Vietnam Cooperative Alliance that is a central-government agency and provincial cooperative alliances that are established in provinces and central-affiliated cities. The Charter of Vietnam Cooperative Alliance shall be ratified by its Congress and approved by the Prime Minister of Vietnam; the charter of a provincial cooperative alliance shall be ratified by its Congress and approved by Chairperson of the provincial People's Committee. Contents, format and effect of the charter of a provincial cooperative alliance must be consistent with those of the Charter of Vietnam Cooperative Alliance.

3. Vietnam Cooperative Alliance system has the following obligations:

a) Perform obligations of representative bodies specified in Clause 2 Article 110 of this Law;

b) Protect rights and lawful interests of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions that are not their members;

c) Perform other tasks assigned by the State.

4. The State shall assist and facilitate Vietnam Cooperative Alliance system's performance of assigned tasks.

Chapter XI

STATE MANAGEMENT OF Pre-cooperative, COOPERATIVES AND COOPERATIVE UNIONS

Article 112. Primary state management tasks

1. Formulate and organize the implementation of strategies, plans, programs and schemes for development of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions on national, sectoral, regional and local scale.

2. Formulate, promulgate, disseminate, instruct and organize the implementation of legislative documents, mechanisms, policies and solutions for developing pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.

3. Inspect the compliance with laws by pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions; take actions against violations as prescribed by laws.

4. Promote international cooperation in developing pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.

5. Build, manage and operate the national cooperative information system.

Article 113. Responsibilities of regulatory authorities

1. The Government shall take charge of performing uniform state management of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions nationwide.

2. The Ministry of Planning and Investment of Vietnam shall take charge of assisting the Government in performing state management of pre-cooperative,

cooperatives and cooperative unions.

3. Within the ambit of their assigned tasks and powers, Ministries and ministerial agencies shall perform state management of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions in accordance with regulations of law.

4. People's Committees at all levels shall perform state management of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions under their jurisdiction, and implement measures for development of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions included in their local socio-economic development programs.

5. Within the ambit of their assigned tasks and powers, Ministries, ministerial agencies, relevant agencies and People's Committees at all levels shall make connection and share information with the national cooperative information system.

6. Regulatory authorities shall cooperate with the Central Committee and member organizations of Vietnamese Fatherland Front, representative bodies, Vietnam Cooperative Alliance system and other organizations in disseminating and organizing the implementation of regulations and laws on pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions; implementing programs and projects on development of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions.

Chapter XII IMPLEMENTATION

Article 114. Implementation

1. This Law comes into force from July 01, 2024, except the regulations in Clause 2 of this Article.

2. The regulations in Clauses 3 and 4 Article 115 of this Law come into force from September 01, 2023.

3. The Law on Cooperatives No. 23/2012/QH13 ceases to have effect from the effective date of this Law, except the regulations in Clause 5 Article 115 of this Law.

4. Before the national population database is successfully connected with the pre-cooperative, cooperative and cooperative union database, individuals who are Vietnamese citizens may use copies of their legal documents as substitutes for personal identification numbers when following administrative procedures as prescribed in this Law.

Article 115. Transition

1. Cooperatives and cooperative unions that are established before the effective date of this Law may continue their operation without following re-registration procedures if their organizational structure and operation are not contrary to this Law; their charters must be modified within 18 months from the effective date of this Law if they are not conformable with the provisions of this Law.

2. Pre-cooperative that are established before the effective date of this Law and have to follow registration procedures as prescribed in Clause 2 Article 107 of this Law must complete registration procedures as prescribed in this Law within 18 months from the effective date of this Law.

3. Cooperatives and cooperative unions shall terminate their internal credit extension activities performed under the Law on Cooperatives No. 23/2012/QH13 from September 01, 2023. Regarding the internal credit contracts signed before September 01, 2023, contracting parties shall continue performing their rights and obligations under the signed contracts but shall not extend such contracts.

4. A cooperative that has established, contributed capital to or purchased shares of an enterprise and this enterprise that is also a member of that cooperative shall not be allowed to increase the cooperative's stakes or shares in that enterprise as of September 01, 2023, and must comply with the provisions of Articles 81 and 82 of this Law within 24 months from September 01, 2023.

5. State policies for cooperatives and cooperative unions promulgated under the Law on Cooperatives No. 23/2012/QH13 may continue to be applied until they are expired or documents replacing or repealing such policies are available.

This Law is ratified by the 15th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam during its 5th session held on June 20, 2023.

**CHAIRMAN OF
THE NATIONAL ASSEMBLY**

Vuong Dinh Hue

MỤC LỤC

LUẬT HỢP TÁC XÃ

Chương I. Những quy định chung	5
Chương II. Chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	14
Chương III. Thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	19
Mục 1. Thành viên hợp tác xã	19
Mục 2. Thành viên liên hiệp hợp tác xã	22
Chương IV. Thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	25
Chương V. Tổ chức quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	34
Mục 1. Tổ chức quản trị và đại hội thành viên	34
Mục 2. Tổ chức quản trị đầy đủ	39
Mục 3. Tổ chức quản trị rút gọn	45
Chương VI. Tài sản, tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	47
Chương VII. Tổ chức lại, giải thể, phá sản hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	56
Chương VIII. Kiểm toán hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	66
Chương IX. Tổ hợp tác	66
Chương X. Tổ chức đại diện của Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	68
Chương XI. Quản lý nhà nước đối với Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	69
Chương XII. Điều khoản thi hành	70

TABLE OF CONTENTS

LAW ON COOPERRATIVES

Chapter I. General provisions	77
Chapter II. State policies for development of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions	86
.....	
Chapter III. Members of cooperatives and cooperative unions.....	92
Section 1. Members of cooperatives	92
Section 2. Members of cooperative unions	95
Chapter IV. Establishment of cooperatives and cooperative unions	98
Chapter V. Management models of cooperatives and cooperative unions	108
Section 1. Management models and general meeting of members	108
Section 2. Fully-organized management model	114
Section 3. Simplified management model	120
Chapter VI. Assets and finance of cooperatives and cooperative unions	122
Chapter VII. Reorganization, dissolution and bankruptcy of cooperatives and cooperative unions	133
Chapter VIII. Auditing of cooperatives and cooperative unions	142
Chapter IX. Pre-cooperative	143
.....	
Chapter X. Representative bodies of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions	145
.....	
Chapter XI. State management of pre-cooperative, cooperatives and cooperative unions	146
Chapter XII. Implementation	147

**LUẬT HỢP TÁC XÃ
LAW ON COOPERATIVES**

**HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

65 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

Điện thoại: 024.3 926 0024 * Fax: 024.3 926 0031

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập

LÝ BÁ TOÀN

Biên tập:

Đối tác liên kết xuất bản: CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGỌC TRÂM

In ... cuốn, khổ 20,5 x 29,5cm tại Công ty Cổ phần In Ngọc Trâm.

Địa chỉ: P.107 E8 Thanh Xuân Bắc, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

Số XNĐKXB: ...-202.../CXBIPH/...-.../HĐ.

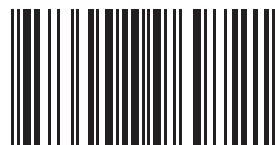
Số QĐXB của NXB: .../QĐ-NXBHĐ ngày 30 tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu năm 202...

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN):

LUẬT HỢP TÁC XÃ 2023

ISBN: 978-604-89-6972-1



9 786048 969721

SÁCH KHÔNG BÁN